

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

(Danh sách sinh viên cập nhật đến ngày 9.9.2026)

| STT              | Mã SV    | Họ và tên SV   |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|------------------|----------|----------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| Cơ khí công nghệ |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| DH15NL           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 15137046 | Nguyễn Thành   | Tâm    | 14/05/1997 | Nam  | 2.39 | 135 | Trung bình |           |
| DH15TD           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 15138014 | Trương Công    | Định   | 02/03/1997 | Nam  | 2.98 | 135 | Khá        |           |
| DH17CK           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 17118091 | Hoàng Kim      | Son    | 13/11/1999 | Nam  | 2.49 | 136 | Trung bình |           |
| DH18CD           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 18153062 | Nguyễn Ngọc    | Quynh  | 01/01/2000 | Nam  | 2.32 | 141 | Trung bình |           |
| DH18NL           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 18137024 | Trần Đăng      | Khoa   | 03/02/2000 | Nam  | 2.24 | 136 | Trung bình |           |
| DH19CC           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 19118033 | Lê Tiến        | Đạt    | 16/08/2001 | Nam  | 2.25 | 136 | Trung bình |           |
| DH19CD           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 19153041 | Đặng Sơn       | Minh   | 25/02/2001 | Nam  | 2.56 | 142 | Khá        |           |
| DH19OT           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 19154124 | Phan Văn       | Phuong | 17/05/2001 | Nam  | 2.55 | 136 | Khá        |           |
| DH19TD           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 19138020 | Đinh Văn       | Hiễn   | 26/01/2001 | Nam  | 2.43 | 137 | Trung bình |           |
| DH20CC           |          |                |        |            |      |      |     |            |           |
| 1                | 20118230 | Ung A          | Phú    | 12/02/2002 | Nam  | 2.25 | 159 | Trung bình |           |
| 2                | 20118162 | Nguyễn Võ Xuân | Hiếu   | 10/10/2001 | Nam  | 2.19 | 159 | Trung bình |           |
| 3                | 20118158 | Bùi Vinh       | Hiễn   | 18/01/2002 | Nam  | 2.51 | 158 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT            | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 4              | 20118265 | Đặng Văn         | Thuận  | 23/01/2002 | Nam  | 2.30 | 158 | Trung bình |           |
| <b>DH20CD</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 20153109 | Trần Vĩnh        | Phú    | 13/07/2002 | Nam  | 2.50 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH20CK</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 20118011 | Đặng Hữu Minh    | Duy    | 26/09/2002 | Nam  | 2.24 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH20CKC</b> |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 20118199 | Chu Phương       | Nam    | 07/04/2002 | Nam  | 2.29 | 158 | Trung bình |           |
| 2              | 20118151 | Phùng Khánh      | Duy    | 23/11/2002 | Nam  | 2.90 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH20OT</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 20154144 | Trần Gia         | Huy    | 12/09/2002 | Nam  | 2.75 | 158 | Khá        |           |
| 2              | 20154241 | Trương Quang     | Tuấn   | 31/03/2002 | Nam  | 2.75 | 158 | Khá        |           |
| 3              | 20154086 | Nguyễn Trần Nhật | Bảo    | 23/01/2002 | Nam  | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 4              | 20154176 | Phạm Trọng Công  | Nghĩa  | 31/03/2002 | Nam  | 2.57 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH20TD</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 20138110 | Đỗ Thiện         | Phước  | 30/05/2002 | Nam  | 2.60 | 158 | Khá        |           |
| 2              | 20138112 | Nguyễn Ngô Gia   | Phước  | 19/11/2002 | Nam  | 2.03 | 158 | Trung bình |           |
| <b>DH21CC</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 21118390 | Ngô Hoàng Bảo    | Tiến   | 11/02/2003 | Nam  | 2.31 | 158 | Trung bình |           |
| 2              | 21118322 | Trần Thái        | Nguyễn | 20/03/2003 | Nam  | 2.37 | 158 | Trung bình |           |
| 3              | 21118229 | Trần Văn         | Hậu    | 18/07/2003 | Nam  | 2.13 | 158 | Trung bình |           |
| <b>DH21CD</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1              | 21153169 | Cao Hạo          | Nhiên  | 30/05/2003 | Nam  | 2.36 | 158 | Trung bình |           |
| 2              | 21153171 | Nguyễn Thanh     | Phát   | 17/12/2003 | Nam  | 2.41 | 159 | Trung bình |           |
| 3              | 21153205 | Nguyễn Thị Thùy  | Trang  | 19/07/2003 | Nữ   | 2.62 | 158 | Khá        |           |
| 4              | 21153130 | Trần Hữu         | Hòa    | 29/10/2003 | Nam  | 2.76 | 158 | Khá        |           |
| 5              | 21153167 | Huỳnh Minh       | Nhật   | 31/07/2003 | Nam  | 2.77 | 158 | Khá        |           |
| 6              | 21153148 | Đoàn Khắc        | Luân   | 19/10/2003 | Nam  | 2.44 | 159 | Trung bình |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT     | Mã SV    | Họ và tên SV        |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------|----------|---------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH21CK  |          |                     |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21118043 | Trần Khánh          | Duy   | 09/06/2003 | Nam  | 2.27 | 158 | Trung bình |           |
| 2       | 21118259 | Nguyễn Trần Gia     | Huy   | 04/12/2003 | Nam  | 2.40 | 158 | Trung bình |           |
| 3       | 21118435 | Nguyễn Vũ Hải       | Yến   | 03/11/2003 | Nữ   | 2.69 | 158 | Khá        |           |
| 4       | 21118237 | Hứa Minh            | Hòa   | 07/11/2003 | Nam  | 2.17 | 158 | Trung bình |           |
| 5       | 21118268 | Nguyễn Ngọc         | Khang | 15/06/2003 | Nam  | 2.64 | 158 | Khá        |           |
| 6       | 21118331 | Phạm Kim            | Niên  | 05/09/2003 | Nam  | 2.48 | 158 | Trung bình |           |
| 7       | 21118265 | Hồ Thị Như          | Huỳnh | 28/01/2003 | Nữ   | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| DH21CKC |          |                     |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21118191 | Phạm Hùng           | Cường | 31/01/2003 | Nam  | 2.24 | 158 | Trung bình |           |
| 2       | 21118261 | Phạm Ngọc           | Huy   | 01/12/2003 | Nam  | 2.19 | 159 | Trung bình |           |
| 3       | 21118418 | Trần Huỳnh Thanh    | Tuyến | 24/03/2003 | Nam  | 2.00 | 159 | Trung bình |           |
| DH21NL  |          |                     |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21137087 | Dương               | Khang | 15/11/2003 | Nam  | 2.43 | 158 | Trung bình |           |
| 2       | 21137130 | Hồ Chí              | Tâm   | 16/06/2003 | Nam  | 2.14 | 158 | Trung bình |           |
| 3       | 21137115 | Nguyễn Ngọc         | Phong | 28/05/2003 | Nam  | 2.71 | 159 | Khá        |           |
| 4       | 21137074 | Huỳnh Ngọc          | Hiển  | 18/06/2003 | Nam  | 2.46 | 158 | Trung bình |           |
| 5       | 21137162 | Nguyễn Thanh        | Tuấn  | 26/01/2003 | Nam  | 2.55 | 158 | Khá        |           |
| 6       | 21137137 | Phạm Tuấn           | Thành | 20/03/2003 | Nam  | 2.31 | 158 | Trung bình |           |
| 7       | 21137103 | Nguyễn Đức          | Mạnh  | 19/03/2003 | Nam  | 2.03 | 158 | Trung bình |           |
| 8       | 21137155 | Nguyễn Song         | Toàn  | 28/08/2003 | Nam  | 2.26 | 158 | Trung bình |           |
| DH21OT  |          |                     |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21154323 | Nguyễn Hoàng Trường | Thịnh | 14/12/2003 | Nam  | 2.57 | 158 | Khá        |           |
| 2       | 21154193 | Phan Đình Minh      | Kha   | 03/08/2003 | Nam  | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| 3       | 21154354 | Trần Xuân           | Tuấn  | 19/07/2003 | Nam  | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 4       | 21154249 | Huỳnh Thành         | Nhân  | 21/10/2003 | Nam  | 2.81 | 158 | Khá        |           |
| 5       | 21154184 | Nguyễn Văn          | Hoàng | 25/11/2003 | Nam  | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 6       | 21154207 | Lương Thành         | Kim   | 21/03/2003 | Nam  | 2.49 | 158 | Trung bình |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 7   | 21154262 | Bùi Phan Duy     | Phú   | 26/10/2003 | Nam  | 2.97 | 158 | Khá        |           |
| 8   | 21154151 | Cao Duy          | Đức   | 31/01/2003 | Nam  | 2.58 | 158 | Khá        |           |
| 9   | 21154349 | Hồ Võ Duy        | Tuấn  | 12/01/2003 | Nam  | 2.79 | 158 | Khá        |           |
| 10  | 21154224 | Nguyễn Kim       | Luân  | 28/12/2003 | Nam  | 2.37 | 158 | Trung bình |           |
| 11  | 21154330 | Nguyễn Minh      | Tiến  | 18/05/2003 | Nam  | 2.29 | 158 | Trung bình |           |
| 12  | 21154324 | Huỳnh Phúc       | Thoại | 11/12/2003 | Nam  | 2.71 | 158 | Khá        |           |
| 13  | 21154166 | Võ Tấn Anh       | Hào   | 01/07/2003 | Nam  | 2.44 | 158 | Trung bình |           |
| 14  | 21154258 | Lê Thành         | Phát  | 23/12/2003 | Nam  | 2.83 | 158 | Khá        |           |
| 15  | 21154123 | Trần Hoàng       | Anh   | 13/12/2003 | Nam  | 2.57 | 158 | Khá        |           |
| 16  | 21154356 | Trần Lê Thanh    | Tùng  | 07/05/2003 | Nam  | 2.99 | 158 | Khá        |           |
| 17  | 21154297 | Giáp Thành       | Tâm   | 07/11/2003 | Nam  | 2.44 | 158 | Trung bình |           |
| 18  | 21154230 | Phạm Văn         | Mạnh  | 10/02/2003 | Nam  | 2.37 | 158 | Trung bình |           |
| 19  | 21154124 | Ngô Trương Công  | Bằng  | 23/06/2003 | Nam  | 2.81 | 158 | Khá        |           |
| 20  | 21154336 | Nguyễn Trần Quốc | Toàn  | 01/01/2003 | Nam  | 2.66 | 158 | Khá        |           |
| 21  | 21154157 | Nguyễn Minh      | Duy   | 23/10/2003 | Nam  | 2.67 | 158 | Khá        |           |
| 22  | 21154143 | Lê Hoàng Khánh   | Đăng  | 20/01/2003 | Nam  | 2.71 | 158 | Khá        |           |
| 23  | 21154304 | Nguyễn Anh       | Tấn   | 24/08/2003 | Nam  | 2.67 | 158 | Khá        |           |
| 24  | 21154351 | Nguyễn Hoàng     | Tuấn  | 14/02/2003 | Nam  | 2.53 | 158 | Khá        |           |
| 25  | 21154269 | Nguyễn Hoàng     | Phúc  | 08/08/2003 | Nam  | 2.79 | 158 | Khá        |           |
| 26  | 21154342 | Tạ Khánh         | Trình | 20/10/2003 | Nữ   | 2.53 | 158 | Khá        |           |
| 27  | 21154326 | Trần Hoàng       | Thông | 05/08/2003 | Nam  | 2.59 | 158 | Khá        |           |
| 28  | 21154191 | Nguyễn Quang     | Huy   | 06/03/2003 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá        |           |
| 29  | 21154199 | Đinh Đăng        | Khoa  | 23/10/2003 | Nam  | 2.59 | 158 | Khá        |           |

### DH21RE

|   |          |                  |      |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|------------------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21152036 | Huỳnh Công       | Bằng | 13/07/2003 | Nam | 2.55 | 158 | Khá |  |
| 2 | 21152051 | Hồ Phúc          | Hung | 07/05/2003 | Nam | 2.65 | 159 | Khá |  |
| 3 | 21152063 | Nguyễn Minh      | Nhật | 05/09/2003 | Nam | 2.55 | 158 | Khá |  |
| 4 | 21152056 | Trần Khánh Thiên | Kim  | 13/04/2003 | Nữ  | 2.98 | 159 | Khá |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------------|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 5             | 21152070 | Phan Duy        | Phúc  | 01/04/2003 | Nam  | 2.31 | 158 | Trung bình |           |
| <b>DH21TD</b> |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21138069 | Lê Minh         | Tiến  | 21/10/2003 | Nam  | 2.17 | 158 | Trung bình |           |
| 2             | 21138186 | Huỳnh Xuân      | Tín   | 27/02/2003 | Nam  | 2.85 | 158 | Khá        |           |
| 3             | 21138102 | Nguyễn Thành    | Đạt   | 15/07/2003 | Nam  | 2.49 | 158 | Trung bình |           |
| 4             | 21138171 | Nguyễn Trường   | Sơn   | 22/08/2003 | Nam  | 2.38 | 158 | Trung bình |           |
| 5             | 21138122 | Phan Trần       | Hoàng | 23/08/2003 | Nam  | 2.69 | 158 | Khá        |           |
| 6             | 21138124 | Võ Thanh        | Hoàng | 25/09/2003 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá        |           |
| 7             | 21138089 | Phạm Quốc       | Bảo   | 16/10/2003 | Nam  | 2.89 | 158 | Khá        |           |
| 8             | 21138107 | Bùi Thị Bích    | Dung  | 21/03/2003 | Nữ   | 2.78 | 158 | Khá        |           |
| 9             | 21138079 | Bùi Sơn         | Tùng  | 02/10/2003 | Nam  | 2.10 | 158 | Trung bình |           |
| 10            | 21138190 | Nguyễn Trung    | Tính  | 13/08/2003 | Nam  | 2.53 | 158 | Khá        |           |
| 11            | 21138060 | Bạch Tiến       | Sỹ    | 07/11/2003 | Nam  | 2.35 | 158 | Trung bình |           |
| 12            | 21138100 | Võ Văn          | Đại   | 31/07/2003 | Nam  | 2.53 | 158 | Khá        |           |
| 13            | 21138204 | Nguyễn Thị Phúc | Uyên  | 20/09/2003 | Nữ   | 2.70 | 158 | Khá        |           |
| 14            | 21138119 | Nguyễn Hữu      | Hoài  | 27/04/2003 | Nam  | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| 15            | 21138195 | Trần            | Trí   | 11/03/2003 | Nam  | 2.64 | 158 | Khá        |           |
| 16            | 21138032 | Trần Duy        | Khang | 27/08/2003 | Nam  | 2.50 | 158 | Khá        |           |
| 17            | 21138161 | Tổng Hoàng      | Phúc  | 15/03/2003 | Nam  | 2.64 | 158 | Khá        |           |
| 18            | 21138141 | Trương Thành    | Lợi   | 06/04/2003 | Nam  | 2.50 | 158 | Khá        |           |
| 19            | 21138008 | Võ Vinh         | Cơ    | 26/10/2003 | Nam  | 2.57 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH22CC</b> |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 22118094 | Dương Thành     | Luân  | 10/06/2004 | Nam  | 2.52 | 158 | Khá        |           |
| 2             | 22118172 | Trần Văn        | Trà   | 26/09/2004 | Nam  | 2.56 | 158 | Khá        |           |
| 3             | 22118164 | Trần Việt       | Tiếp  | 17/10/2004 | Nam  | 2.62 | 158 | Khá        |           |
| 4             | 22118020 | Lê Bá           | Chung | 27/05/2004 | Nam  | 3.26 | 158 | Giỏi       |           |
| 5             | 22118166 | Nguyễn Văn      | Tính  | 16/01/2004 | Nam  | 2.90 | 158 | Khá        |           |
| 6             | 22118111 | Lê Văn          | Nghĩa | 12/12/2004 | Nam  | 2.91 | 158 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV   |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------------|----------|----------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 7             | 22118186 | Nguyễn Anh     | Tuấn   | 25/04/2004 | Nam  | 3.25 | 158 | Giỏi     |           |
| 8             | 22118063 | Nguyễn Phi     | Hùng   | 15/08/2004 | Nam  | 2.91 | 158 | Khá      |           |
| 9             | 22118072 | Nguyễn Đỗ Phúc | Khang  | 26/06/2004 | Nam  | 2.70 | 158 | Khá      |           |
| 10            | 22118175 | Nguyễn Bảo     | Trúc   | 25/04/2004 | Nam  | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 11            | 22118027 | Lê Cao Minh    | Đặng   | 11/10/2004 | Nam  | 3.19 | 158 | Khá      |           |
| 12            | 22118155 | Kinh Thanh Di  | Thiên  | 30/10/2003 | Nam  | 2.73 | 158 | Khá      |           |
| 13            | 22118031 | Phan Thành     | Đạt    | 11/08/2004 | Nam  | 2.70 | 158 | Khá      |           |
| 14            | 22118120 | Nguyễn Trọng   | Nhân   | 01/07/2004 | Nam  | 2.92 | 158 | Khá      |           |
| 15            | 22118096 | Trần Sĩ        | Luyện  | 07/12/2004 | Nam  | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| 16            | 22118060 | Đặng Võ Huy    | Hoàng  | 27/01/2004 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá      |           |
| 17            | 22118174 | Lê Văn         | Trọng  | 29/02/2004 | Nam  | 3.22 | 158 | Giỏi     |           |
| 18            | 22118167 | Nguyễn Hoàng   | Tĩnh   | 02/12/2004 | Nam  | 3.03 | 158 | Khá      |           |
| 19            | 22118179 | Bùi Quang      | Trường | 06/07/2004 | Nam  | 2.85 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22CD</b> |          |                |        |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22153062 | Hồ Hoàng       | Long   | 18/10/2004 | Nam  | 3.41 | 158 | Giỏi     |           |
| 2             | 22153073 | Bùi Trọng      | Nhân   | 16/11/2004 | Nam  | 3.43 | 159 | Giỏi     |           |
| 3             | 22153036 | Nguyễn Trọng   | Hiếu   | 25/01/2004 | Nam  | 3.65 | 158 | Xuất sắc |           |
| 4             | 22153043 | Nguyễn Tiến    | Hoàng  | 08/10/2004 | Nam  | 2.72 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22153087 | Hồ Quốc        | Phong  | 10/06/2004 | Nam  | 3.33 | 158 | Giỏi     |           |
| 6             | 22153031 | Nguyễn Văn     | Hậu    | 23/08/2004 | Nam  | 3.41 | 158 | Giỏi     |           |
| 7             | 22153011 | Nguyễn Du      | Công   | 06/12/2004 | Nam  | 3.39 | 158 | Khá      |           |
| 8             | 22153026 | Lê Khánh       | Duy    | 27/08/2004 | Nam  | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| 9             | 22153111 | Nguyễn Thị Huệ | Thu    | 01/04/2004 | Nữ   | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 10            | 22153123 | Hoàng Văn      | Trường | 27/01/2004 | Nam  | 2.99 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH22CK</b> |          |                |        |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22118129 | Nguyễn Bá      | Phúc   | 05/07/2004 | Nam  | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| 2             | 22118193 | Nguyễn         | Vũ     | 26/08/2004 | Nam  | 2.84 | 159 | Khá      |           |
| 3             | 22118144 | Trần Hoàng     | Tâm    | 19/07/2004 | Nam  | 2.76 | 159 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 4             | 22118123 | Lê Trung          | Nhật  | 13/07/2004 | Nam  | 2.95 | 159 | Khá      |           |
| 5             | 22118014 | Lưu Gia           | Bảo   | 23/05/2004 | Nam  | 2.94 | 159 | Khá      |           |
| 6             | 22118085 | Lê Tuấn           | Kiệt  | 23/07/2004 | Nam  | 3.01 | 159 | Khá      |           |
| 7             | 22118150 | Đặng Hoàng        | Thắng | 17/07/2004 | Nam  | 3.15 | 159 | Khá      |           |
| 8             | 22118162 | Phạm Văn          | Tiến  | 01/02/2004 | Nam  | 2.87 | 159 | Khá      |           |
| 9             | 22118149 | Nguyễn Vũ Quốc    | Thái  | 13/10/2004 | Nam  | 2.76 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH22NL</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22137018 | Võ Sĩ             | Đức   | 18/11/2004 | Nam  | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 2             | 22137083 | Võ Anh            | Tuấn  | 13/03/2004 | Nam  | 3.23 | 158 | Giỏi     |           |
| 3             | 22137038 | Trần Tuấn         | Khang | 30/06/2004 | Nam  | 2.54 | 159 | Khá      |           |
| 4             | 22137057 | Trương Thị Quỳnh  | Như   | 30/10/2004 | Nữ   | 3.75 | 158 | Xuất sắc |           |
| 5             | 22137056 | Nguyễn Ngọc       | Như   | 23/11/2004 | Nữ   | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22OT</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22154130 | Nguyễn Huỳnh Minh | Trí   | 13/08/2004 | Nam  | 2.91 | 158 | Khá      |           |
| 2             | 22154084 | Ngô Huỳnh Công    | Nhật  | 02/01/2004 | Nam  | 2.92 | 158 | Khá      |           |
| 3             | 22154121 | Mai Nhật Minh     | Thông | 15/04/2004 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá      |           |
| 4             | 22154096 | Vũ Hồng           | Quân  | 05/08/2004 | Nam  | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22154043 | Nguyễn Huy        | Hoàng | 25/10/2004 | Nam  | 3.10 | 158 | Khá      |           |
| 6             | 22154041 | Nguyễn            | Hoàn  | 29/11/2004 | Nam  | 2.81 | 158 | Khá      |           |
| 7             | 22154057 | Ngô Trần Đăng     | Khoa  | 09/03/2004 | Nam  | 3.01 | 158 | Khá      |           |
| 8             | 22154116 | Lê Nhật           | Thiên | 15/08/2004 | Nam  | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 9             | 22154110 | Phạm Đức          | Thắng | 12/09/2004 | Nam  | 2.70 | 158 | Khá      |           |
| 10            | 22154107 | Nguyễn Duy        | Tân   | 04/03/2004 | Nam  | 2.87 | 158 | Khá      |           |
| 11            | 22154109 | Lương Nguyễn Toàn | Thắng | 25/10/2004 | Nam  | 2.58 | 158 | Khá      |           |
| 12            | 22154005 | Đinh Tấn          | Bình  | 20/02/2004 | Nam  | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 13            | 22154135 | Lê Võ Minh        | Tự    | 10/02/2004 | Nam  | 3.44 | 158 | Giỏi     |           |
| 14            | 22154112 | Đào Lê Xuân       | Thành | 01/01/2004 | Nam  | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 15            | 22154086 | Nguyễn Thành      | Phát  | 19/07/2004 | Nam  | 3.16 | 158 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |      | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 16  | 22154059 | Dương Châu       | Kiệt | 12/07/2004 | Nam  | 2.99 | 158 | Khá      |           |
| 17  | 22154127 | Phan Trọng       | Tính | 27/11/2004 | Nam  | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 18  | 22154003 | Dương Gia        | Bảo  | 08/08/2004 | Nam  | 3.05 | 158 | Khá      |           |
| 19  | 22154106 | Nguyễn Chí       | Tài  | 22/10/2004 | Nam  | 3.30 | 158 | Giỏi     |           |
| 20  | 22154031 | Nguyễn Ngọc      | Hải  | 28/03/2004 | Nam  | 3.13 | 158 | Khá      |           |
| 21  | 22154056 | Lưu Nguyễn Tấn   | Khoa | 26/07/2004 | Nam  | 3.36 | 158 | Giỏi     |           |
| 22  | 22154105 | Lê Nguyễn Trường | Son  | 07/03/2004 | Nam  | 3.22 | 158 | Giỏi     |           |
| 23  | 22154108 | Trần Nhật        | Tân  | 14/08/2004 | Nam  | 2.84 | 158 | Khá      |           |
| 24  | 22154067 | Võ Khắc Thiên    | Lộc  | 23/11/2004 | Nam  | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 25  | 22154035 | Nguyễn Lê Anh    | Hào  | 23/10/2004 | Nam  | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 26  | 22154060 | Huỳnh Tấn        | Kiệt | 20/07/2003 | Nam  | 3.46 | 158 | Giỏi     |           |
| 27  | 22154025 | Nguyễn Thanh     | Duy  | 12/08/2004 | Nam  | 3.29 | 158 | Giỏi     |           |
| 28  | 22154099 | Nguyễn Phú       | Quý  | 21/07/2004 | Nam  | 3.16 | 158 | Khá      |           |
| 29  | 22154139 | Phạm Minh        | Vĩ   | 27/11/2004 | Nam  | 3.14 | 158 | Khá      |           |

### DH22RE

|   |          |              |       |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|--------------|-------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22152019 | Phạm Trần    | Hoàng | 08/09/2004 | Nam | 3.16 | 160 | Khá |  |
| 2 | 22152038 | Trần Ngọc An | Thư   | 11/04/2004 | Nữ  | 2.81 | 160 | Khá |  |
| 3 | 22152014 | Phạm Nguyên  | Hào   | 23/03/2004 | Nam | 2.85 | 160 | Khá |  |

### DH22TD

|   |          |              |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|--------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 22138121 | Trần Chí     | Vỹ    | 15/08/2004 | Nam | 3.70 | 158 | Xuất sắc   |  |
| 2 | 22138031 | Lý Tuấn      | Hào   | 01/08/2004 | Nam | 2.92 | 158 | Khá        |  |
| 3 | 22138080 | Trần Nhật    | Sang  | 17/01/2004 | Nam | 2.83 | 158 | Khá        |  |
| 4 | 22138109 | Nguyễn Văn   | Trực  | 20/08/2004 | Nam | 3.14 | 158 | Khá        |  |
| 5 | 22138035 | Đinh Đức     | Hiếu  | 10/04/2004 | Nam | 2.87 | 158 | Khá        |  |
| 6 | 22138083 | Nguyễn Trọng | Tâm   | 03/10/2004 | Nam | 2.81 | 158 | Khá        |  |
| 7 | 22138046 | Lê Quang     | Khánh | 24/04/2004 | Nam | 2.46 | 158 | Trung bình |  |
| 8 | 22138090 | Nguyễn Hoàng | Thị   | 29/06/2004 | Nam | 2.74 | 158 | Khá        |  |
| 9 | 22138007 | Nguyễn Quốc  | Bảo   | 12/05/2004 | Nam | 2.64 | 158 | Khá        |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 10  | 22138047 | Phan Minh Quốc  | Khánh | 02/08/2004 | Nam  | 2.89 | 158 | Khá        |           |
| 11  | 22138102 | Trương Quốc     | Toàn  | 12/08/2004 | Nam  | 3.16 | 158 | Khá        |           |
| 12  | 22138117 | Phạm Thị Phương | Uyên  | 15/01/2004 | Nữ   | 2.83 | 158 | Khá        |           |
| 13  | 22138036 | Đinh Võ Hoàng   | Hiếu  | 27/03/2004 | Nam  | 2.33 | 158 | Trung bình |           |
| 14  | 22138028 | Nguyễn Trọng    | Duy   | 11/01/2004 | Nam  | 3.13 | 158 | Khá        |           |
| 15  | 22138022 | Nguyễn Hữu      | Đức   | 19/05/2004 | Nam  | 2.91 | 158 | Khá        |           |
| 16  | 22138043 | Nguyễn Phúc Bảo | Khang | 10/02/2004 | Nam  | 2.67 | 158 | Khá        |           |
| 17  | 22138069 | Nguyễn Đức Xuân | Nhật  | 22/07/2004 | Nam  | 2.73 | 158 | Khá        |           |
| 18  | 22138081 | Phạm Phùng Anh  | Tài   | 23/05/2004 | Nam  | 2.96 | 158 | Khá        |           |
| 19  | 22138089 | Đinh Trần Thanh | Thành | 24/09/2004 | Nam  | 3.18 | 158 | Khá        |           |
| 20  | 22138038 | Nguyễn Đức      | Huy   | 23/02/2004 | Nam  | 2.38 | 158 | Trung bình |           |
| 21  | 22138029 | Nguyễn Thị Kỳ   | Duyên | 30/01/2004 | Nữ   | 2.84 | 158 | Khá        |           |
| 22  | 22138003 | Nguyễn Ngọc     | Anh   | 27/03/2004 | Nữ   | 3.16 | 158 | Khá        |           |
| 23  | 22138057 | Đào Công        | Luận  | 10/05/2004 | Nam  | 3.01 | 158 | Khá        |           |

### Chăn nuôi Thú Y

#### DH15TTB

|   |          |             |      |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-------------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 15112361 | Lê Thị Minh | Thùy | 16/08/1997 | Nữ  | 2.63 | 168 | Khá |  |
| 2 | 15111155 | Võ Nhựt     | Tính | 22/02/1997 | Nam | 2.94 | 168 | Khá |  |

#### DH17CN

|   |          |           |     |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-----------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 17111168 | Nguyễn Tử | Văn | 18/03/1999 | Nam | 2.78 | 136 | Khá |  |
|---|----------|-----------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|

#### DH18TT

|   |          |               |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 17112275 | Ngô Ngọc Thụy | Vy    | 17/09/1999 | Nữ  | 2.88 | 169 | Khá        |  |
| 2 | 18112274 | Đinh Nhật     | Hoàng | 25/09/2000 | Nam | 2.27 | 169 | Trung bình |  |

#### DH18TY

|   |          |             |     |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|-------------|-----|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 18112251 | Lê Thị Ngọc | Vin | 02/01/2000 | Nữ | 2.53 | 167 | Khá |  |
|---|----------|-------------|-----|------------|----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT             | Mã SV    | Họ và tên SV            |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----------------|----------|-------------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 2               | 18112010 | Ngô Ngọc Minh           | Anh   | 04/06/2000 | Nữ   | 2.88 | 167 | Khá        |           |
| <b>DH18TYGL</b> |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 18125495 | Bùi Thị Mỹ              | Hạ    | 20/08/2000 | Nữ   | 2.26 | 167 | Trung bình |           |
| <b>DH19TT</b>   |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 19112286 | Huỳnh Hà Minh           | Uyên  | 17/05/2001 | Nữ   | 3.01 | 169 | Khá        |           |
| 2               | 19112150 | Văn Minh                | Quân  | 27/12/2001 | Nam  | 2.90 | 169 | Khá        |           |
| 3               | 19112251 | Bùi Thanh               | Hiếu  | 10/02/2000 | Nam  | 2.63 | 169 | Khá        |           |
| <b>DH19TY</b>   |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 19112003 | Nguyễn Huyền Trang Hồng | Ân    | 20/11/2001 | Nữ   | 2.38 | 166 | Trung bình |           |
| 2               | 19112400 | Thành Thị Mỹ            | Thanh | 09/02/2000 | Nữ   | 2.19 | 167 | Trung bình |           |
| 3               | 19112144 | Nguyễn Thành            | Phú   | 31/07/2001 | Nam  | 2.01 | 167 | Trung bình |           |
| 4               | 19112027 | Nguyễn Thị              | Diễm  | 21/09/2001 | Nữ   | 2.46 | 168 | Trung bình |           |
| 5               | 19112174 | Nguyễn Anh              | Thơ   | 24/05/2001 | Nữ   | 3.04 | 167 | Khá        |           |
| 6               | 19112236 | Nguyễn Thị Kim          | Xuân  | 13/02/2001 | Nữ   | 2.73 | 166 | Khá        |           |
| 7               | 19112929 | Phạm Dương Bảo          | Hoàn  | 02/11/2000 | Nam  | 2.92 | 166 | Khá        |           |
| <b>DH19TYGL</b> |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 19112300 | Long Thị Kim            | Oanh  | 13/06/2001 | Nữ   | 2.49 | 167 | Trung bình |           |
| <b>DH20CN</b>   |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 20111150 | Lâm Chí                 | Khanh | 02/08/2002 | Nam  | 2.29 | 158 | Trung bình |           |
| 2               | 20111306 | Lê Thị Hồng             | Thy   | 13/11/2002 | Nữ   | 2.50 | 158 | Khá        |           |
| 3               | 20111304 | Trần Thị Minh           | Thùy  | 24/10/2002 | Nữ   | 2.70 | 159 | Khá        |           |
| 4               | 20111245 | Huỳnh Hiếu              | Nghĩa | 23/10/2002 | Nam  | 2.25 | 159 | Trung bình |           |
| 5               | 20111089 | Nguyễn Nhật             | Tài   | 09/02/2002 | Nam  | 2.04 | 158 | Trung bình |           |
| 6               | 20111145 | Hà Trường               | Thành | 22/10/2002 | Nam  | 2.02 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH20TA</b>   |          |                         |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 20111075 | Nguyễn Cẩm              | Phát  | 05/12/2002 | Nam  | 2.34 | 159 | Trung bình |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH20TT   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20112297 | Ngô Minh         | Ngọc  | 09/11/2002 | Nữ   | 2.70 | 169 | Khá        |           |
| 2        | 20112199 | Nguyễn Hải       | Đăng  | 14/05/2002 | Nam  | 2.83 | 169 | Khá        |           |
| 3        | 20112335 | Đặng Hữu         | Quang | 22/05/2002 | Nam  | 2.89 | 169 | Khá        |           |
| 4        | 20112388 | Nguyễn Huỳnh Bảo | Trân  | 19/06/2002 | Nữ   | 3.16 | 169 | Khá        |           |
| 5        | 20112134 | Võ Thị Mỹ        | Châu  | 10/07/2002 | Nữ   | 2.65 | 169 | Khá        |           |
| 6        | 20112184 | Trần Lâm Phương  | Anh   | 10/09/2002 | Nữ   | 3.02 | 169 | Khá        |           |
| 7        | 20112316 | Phạm Thị Quỳnh   | Như   | 23/01/2002 | Nữ   | 3.34 | 169 | Giỏi       |           |
| 8        | 20112423 | Trần Thị Hải     | Yến   | 14/09/2002 | Nữ   | 2.80 | 169 | Khá        |           |
| 9        | 20112229 | Võ Thị Mỹ        | Hiền  | 20/12/2001 | Nữ   | 2.55 | 169 | Khá        |           |
| DH20TY   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20112055 | Lê Thị Thanh     | Ngân  | 24/09/2002 | Nữ   | 2.76 | 166 | Khá        |           |
| 2        | 20112353 | Trương Đức       | Thắng | 05/09/2002 | Nam  | 2.49 | 166 | Trung bình |           |
| 3        | 20112203 | Vũ Tiến          | Đạt   | 18/11/2002 | Nam  | 2.68 | 167 | Khá        |           |
| 4        | 20112179 | Lương Hoàng      | Ân    | 29/11/2002 | Nam  | 3.21 | 167 | Giỏi       |           |
| 5        | 20112214 | Dương Triệu      | Duy   | 24/12/2002 | Nam  | 2.51 | 167 | Khá        |           |
| 6        | 20112066 | Lê Thị Thanh     | Nhàn  | 03/12/2002 | Nữ   | 2.30 | 167 | Trung bình |           |
| 7        | 20112379 | Nguyễn Thiện     | Toàn  | 11/03/2002 | Nam  | 2.42 | 166 | Trung bình |           |
| 8        | 20112202 | Trần Văn Nhật    | Đạt   | 17/08/2002 | Nam  | 2.33 | 167 | Trung bình |           |
| 9        | 20112232 | Trần Trí         | Hiếu  | 03/07/2002 | Nam  | 2.71 | 167 | Khá        |           |
| DH20TYGL |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20112454 | La Bắc           | Sơn   | 13/12/2001 | Nam  | 2.61 | 166 | Khá        |           |
| DH20TYNT |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20112436 | Nguyễn Quang     | Tuyên | 24/04/2002 | Nam  | 2.46 | 166 | Trung bình |           |
| DH21CN   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21111369 | Trần Phạm Thủy   | Tiên  | 26/12/2003 | Nữ   | 2.94 | 158 | Khá        |           |
| 2        | 21111406 | Nguyễn Hữu       | Vinh  | 20/03/2003 | Nam  | 2.53 | 158 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------------|----------|-------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 3             | 21111367 | Đỗ Thị Thùy       | Tiên   | 29/05/2003 | Nữ   | 2.39 | 159 | Trung bình |           |
| 4             | 21111246 | Phan Công         | Hiếu   | 17/01/2003 | Nam  | 2.55 | 158 | Khá        |           |
| 5             | 21111274 | Trần Thị Thúy     | Liễu   | 11/05/2003 | Nữ   | 2.76 | 158 | Khá        |           |
| 6             | 21111336 | Trần Nguyễn Phước | Sang   | 14/10/2003 | Nữ   | 2.59 | 158 | Khá        |           |
| 7             | 21111245 | Nguyễn Trọng      | Hiếu   | 18/01/2003 | Nam  | 2.33 | 158 | Trung bình |           |
| 8             | 21111195 | Nguyễn Sĩ Phi     | Bảo    | 30/11/2003 | Nam  | 2.68 | 159 | Khá        |           |
| 9             | 21111071 | Nguyễn Phúc       | Lộc    | 16/03/2003 | Nam  | 2.23 | 159 | Trung bình |           |
| 10            | 21111159 | Nguyễn Thị Hồng   | Tươi   | 10/03/2003 | Nữ   | 2.88 | 159 | Khá        |           |
| 11            | 21111383 | Nguyễn Thanh Diễm | Trinh  | 17/02/2003 | Nữ   | 2.44 | 158 | Trung bình |           |
| 12            | 21111029 | Phạm Duy An       | Ghi    | 10/07/2003 | Nam  | 2.38 | 158 | Trung bình |           |
| 13            | 21111376 | Trần Nguyễn Mai   | Trân   | 30/10/2003 | Nữ   | 2.82 | 159 | Khá        |           |
| 14            | 21111150 | Ngô Thuỳ          | Trang  | 17/12/2002 | Nữ   | 2.37 | 159 | Trung bình |           |
| 15            | 21111040 | Trần Thị Kiều     | Hân    | 30/08/2003 | Nữ   | 2.35 | 159 | Trung bình |           |
| 16            | 21111352 | Lê Hoàng          | Thiện  | 13/09/2003 | Nam  | 2.52 | 158 | Khá        |           |
| 17            | 21111322 | Nguyễn Mỹ         | Phương | 22/09/2003 | Nữ   | 2.43 | 158 | Trung bình |           |
| 18            | 21111400 | Huỳnh Sơn         | Tuyền  | 24/12/2003 | Nữ   | 2.36 | 159 | Trung bình |           |
| 19            | 21111080 | Nguyễn Thị Gia    | Mẫn    | 20/11/2003 | Nữ   | 2.86 | 160 | Khá        |           |
| 20            | 21111375 | Hồ Bích           | Trâm   | 07/12/2003 | Nữ   | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| 21            | 21111137 | Trương Lê Như     | Thảo   | 08/11/2003 | Nữ   | 2.83 | 158 | Khá        |           |
| 22            | 21111360 | Hồ Lê Quang       | Thuận  | 12/09/2003 | Nam  | 2.37 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH21DY</b> |          |                   |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21112278 | Nguyễn Minh       | Trường | 05/03/2003 | Nam  | 2.73 | 167 | Khá        |           |
| 2             | 21112539 | Tạ Trần Gia       | Nghi   | 29/11/2003 | Nữ   | 3.46 | 167 | Giỏi       |           |
| 3             | 21112283 | Kiều Anh          | Tuấn   | 24/10/2003 | Nam  | 2.81 | 167 | Khá        |           |
| 4             | 21112124 | Nguyễn Hữu        | Long   | 25/11/2003 | Nam  | 2.52 | 166 | Khá        |           |
| 5             | 21112388 | Vũ Thị Nhật       | Ánh    | 02/08/2003 | Nữ   | 3.08 | 166 | Khá        |           |
| 6             | 21112082 | Lưu Gia           | Huệ    | 08/08/2003 | Nữ   | 3.59 | 166 | Giỏi       |           |
| 7             | 21112215 | Đào Thị Thu       | Thảo   | 07/01/2003 | Nữ   | 3.14 | 166 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT            | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|----------------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 8              | 21112142 | Nguyễn Tuyết      | Ngân  | 06/02/2003 | Nữ   | 2.60 | 166 | Khá      |           |
| <b>DH21TA</b>  |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1              | 21111351 | Phan Phước        | Thiên | 31/05/2003 | Nam  | 2.83 | 158 | Khá      |           |
| 2              | 21111014 | Nguyễn Thị Ngọc   | Bích  | 20/04/2003 | Nữ   | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| 3              | 21111242 | Đỗ Mai Trung      | Hiếu  | 11/09/2003 | Nam  | 2.63 | 158 | Khá      |           |
| 4              | 21111291 | Phạm Út           | Mạnh  | 16/11/2003 | Nam  | 2.65 | 158 | Khá      |           |
| 5              | 21111413 | Nguyễn Thị Phương | Vy    | 19/12/2003 | Nữ   | 2.74 | 159 | Khá      |           |
| 6              | 21111017 | Nguyễn Đức        | Cường | 18/09/2003 | Nam  | 2.61 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH21TYA</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1              | 21112038 | Trần Thị Kim      | Đĩnh  | 23/08/2003 | Nữ   | 3.46 | 166 | Giỏi     |           |
| 2              | 21112477 | Lê Nguyễn         | Khiết | 19/06/2003 | Nam  | 2.55 | 166 | Khá      |           |
| 3              | 21112526 | Huỳnh Phạm Khánh  | Ngân  | 04/09/2003 | Nữ   | 3.71 | 167 | Xuất sắc |           |
| 4              | 21112564 | Phạm Thụy Yến     | Nhi   | 16/08/2003 | Nữ   | 2.77 | 166 | Khá      |           |
| 5              | 21112045 | Phạm Thái Thùy    | Dương | 31/01/2003 | Nữ   | 2.96 | 167 | Khá      |           |
| 6              | 21112440 | Lê Nguyễn         | Hạnh  | 14/07/2003 | Nữ   | 2.64 | 166 | Khá      |           |
| 7              | 21112453 | Lò Thị            | Hòa   | 16/03/2003 | Nữ   | 2.74 | 167 | Khá      |           |
| 8              | 21112649 | Nguyễn Trường     | Thịnh | 16/04/2003 | Nam  | 2.65 | 166 | Khá      |           |
| 9              | 21112639 | Trần Thị Phương   | Thảo  | 09/03/2000 | Nữ   | 2.65 | 166 | Khá      |           |
| 10             | 21112514 | Trần Thị Trà      | Mi    | 01/12/2003 | Nữ   | 2.90 | 166 | Khá      |           |
| 11             | 21112225 | Trần Nhữ Thanh    | Thiện | 31/07/2003 | Nam  | 3.01 | 167 | Khá      |           |
| 12             | 21112679 | Nguyễn Thanh      | Trà   | 17/07/2003 | Nam  | 3.33 | 166 | Giỏi     |           |
| 13             | 21112451 | Đào Thanh         | Hóa   | 04/12/2003 | Nam  | 2.81 | 167 | Khá      |           |
| 14             | 21112511 | Nguyễn Thị Sao    | Mai   | 28/12/2003 | Nữ   | 3.37 | 167 | Giỏi     |           |
| 15             | 21112553 | Trần Trọng        | Nhân  | 04/11/2003 | Nam  | 2.84 | 167 | Khá      |           |
| 16             | 21112461 | Nguyễn Quốc       | Hưng  | 04/09/2003 | Nam  | 2.96 | 166 | Khá      |           |
| 17             | 21112661 | Nguyễn Thị Yến    | Thư   | 25/07/2003 | Nữ   | 3.37 | 167 | Giỏi     |           |
| 18             | 21112359 | Kim Thị Phú       | Minh  | 09/05/2002 | Nữ   | 2.79 | 167 | Khá      |           |
| 19             | 21112710 | Nguyễn Thị Hải    | Vân   | 29/04/2003 | Nữ   | 2.65 | 166 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 20  | 21112595 | Lê Hoàng         | Phúc  | 10/03/2003 | Nam  | 2.93 | 166 | Khá        |           |
| 21  | 21112027 | Bùi Thị Hồng     | Châu  | 06/09/2003 | Nữ   | 2.75 | 167 | Khá        |           |
| 22  | 21112500 | Võ Thị Bích      | Loan  | 20/09/2003 | Nữ   | 2.54 | 166 | Khá        |           |
| 23  | 21112506 | Phạm Thị         | Luyến | 07/09/2003 | Nữ   | 3.42 | 167 | Giỏi       |           |
| 24  | 21112221 | Lê Huỳnh Ngọc    | Thì   | 19/08/2003 | Nữ   | 3.13 | 166 | Khá        |           |
| 25  | 21112498 | Nguyễn Vũ Thuỳ   | Linh  | 30/10/2003 | Nữ   | 2.95 | 166 | Khá        |           |
| 26  | 21112393 | Lê Thanh         | Bình  | 03/04/2003 | Nam  | 2.78 | 167 | Khá        |           |
| 27  | 21112258 | Huỳnh Ngọc Thanh | Trà   | 06/09/2003 | Nữ   | 2.85 | 167 | Khá        |           |
| 28  | 21112297 | Nguyễn Lê Tường  | Vi    | 18/11/2003 | Nữ   | 3.09 | 166 | Khá        |           |
| 29  | 21112682 | Nguyễn Ngọc Quế  | Trân  | 15/04/2003 | Nữ   | 2.63 | 166 | Khá        |           |
| 30  | 21112065 | Nguyễn Thị Ngọc  | Hân   | 09/04/2003 | Nữ   | 2.78 | 166 | Khá        |           |
| 31  | 21112128 | Nguyễn Thị Ngọc  | Mai   | 01/04/2003 | Nữ   | 2.62 | 167 | Khá        |           |
| 32  | 21112466 | Võ Đình Quang    | Huy   | 29/04/2003 | Nam  | 2.48 | 166 | Trung bình |           |
| 33  | 21112455 | Lưu Đức          | Hoàng | 09/12/2003 | Nam  | 3.33 | 167 | Giỏi       |           |
| 34  | 21112574 | Lương Thị Yến    | Như   | 27/07/2003 | Nữ   | 2.66 | 166 | Khá        |           |
| 35  | 21112490 | Nguyễn Thị Trúc  | Lan   | 15/11/2003 | Nữ   | 2.87 | 166 | Khá        |           |

### DH21TYB

|    |          |                |       |            |     |      |     |      |  |
|----|----------|----------------|-------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1  | 21112211 | Phùng Thị Hồng | Thắm  | 27/05/2003 | Nữ  | 2.63 | 167 | Khá  |  |
| 2  | 21112535 | Trần Võ Kim    | Ngân  | 22/02/2003 | Nữ  | 2.77 | 166 | Khá  |  |
| 3  | 21112410 | Phan Thị Huyền | Diệu  | 26/05/2003 | Nữ  | 3.35 | 167 | Giỏi |  |
| 4  | 21112465 | Phạm Quốc      | Huy   | 10/11/2003 | Nam | 3.00 | 166 | Khá  |  |
| 5  | 21112432 | Đỗ Phụng       | Hà    | 20/08/2003 | Nữ  | 2.84 | 167 | Khá  |  |
| 6  | 21112019 | Nguyễn Hữu     | Bằng  | 05/08/2003 | Nam | 3.31 | 166 | Giỏi |  |
| 7  | 21112092 | Phạm Diễm Mỹ   | Huyền | 07/09/2003 | Nữ  | 3.31 | 166 | Giỏi |  |
| 8  | 21112648 | Hồ Trung       | Thịnh | 13/10/2003 | Nam | 2.88 | 166 | Khá  |  |
| 9  | 21112384 | Thái Văn Đức   | Anh   | 15/09/2003 | Nam | 2.80 | 166 | Khá  |  |
| 10 | 21112575 | Nguyễn Đào Tâm | Như   | 28/08/2003 | Nữ  | 3.53 | 166 | Giỏi |  |
| 11 | 21112565 | Tạ Ngọc        | Nhi   | 06/06/2003 | Nữ  | 3.56 | 167 | Giỏi |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 12  | 21112527 | Lê Bảo           | Ngân   | 28/05/2003 | Nữ   | 3.35 | 167 | Giỏi       |           |
| 13  | 21112577 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như    | 08/02/2003 | Nữ   | 2.83 | 167 | Khá        |           |
| 14  | 21112634 | Dương Trí        | Thành  | 09/04/2003 | Nam  | 2.58 | 166 | Khá        |           |
| 15  | 21112667 | Nguyễn Thị       | Thương | 29/11/2003 | Nữ   | 3.08 | 166 | Khá        |           |
| 16  | 21112394 | Lê Thị Quý       | Bình   | 01/06/2003 | Nữ   | 2.87 | 168 | Khá        |           |
| 17  | 21112454 | Nguyễn Công      | Hoan   | 19/05/2003 | Nam  | 2.30 | 167 | Trung bình |           |
| 18  | 21112681 | Lê Ngọc Bảo      | Trân   | 21/09/2003 | Nữ   | 2.78 | 167 | Khá        |           |
| 19  | 21112489 | Nguyễn Sơn       | Lâm    | 28/10/2003 | Nam  | 2.80 | 166 | Khá        |           |
| 20  | 21112139 | Lê Thị Kim       | Ngân   | 08/05/2003 | Nữ   | 3.04 | 168 | Khá        |           |
| 21  | 21112031 | Nguyễn Thị Kim   | Cương  | 26/05/2003 | Nữ   | 2.94 | 167 | Khá        |           |
| 22  | 21112502 | Trần Thị Xuân    | Lộc    | 06/01/2003 | Nữ   | 2.76 | 167 | Khá        |           |
| 23  | 21112379 | Lê Đức           | Anh    | 19/05/2003 | Nam  | 2.75 | 167 | Khá        |           |
| 24  | 21112050 | Vô Thị Thảo      | Duy    | 10/03/2003 | Nữ   | 2.59 | 166 | Khá        |           |
| 25  | 21112150 | Đỗ Quang Thanh   | Ngọc   | 08/08/2002 | Nữ   | 3.24 | 166 | Giỏi       |           |
| 26  | 21112217 | Dương Thạch      | Thảo   | 31/12/2003 | Nữ   | 3.36 | 167 | Giỏi       |           |
| 27  | 21112713 | Nguyễn Thúy      | Vi     | 26/07/2003 | Nữ   | 2.92 | 166 | Khá        |           |
| 28  | 21112590 | Diệp Lê          | Phúc   | 20/10/2003 | Nam  | 2.73 | 166 | Khá        |           |
| 29  | 21112048 | Trương Thị Thùy  | Dương  | 30/05/2003 | Nữ   | 3.26 | 167 | Giỏi       |           |
| 30  | 21112676 | Ngô Phương       | Toàn   | 06/11/2003 | Nam  | 3.10 | 166 | Khá        |           |

### DH21TYGL

|   |          |               |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 21112348 | Đỗ Thị Quang  | Linh  | 02/03/2003 | Nữ  | 3.29 | 167 | Giỏi       |  |
| 2 | 21112354 | Nguyễn Thùy   | Trang | 05/12/2003 | Nữ  | 3.12 | 167 | Khá        |  |
| 3 | 21112773 | Phạm Thị Thúy | Kiều  | 01/02/2003 | Nữ  | 3.35 | 167 | Giỏi       |  |
| 4 | 21112346 | Nguyễn Thị    | Chi   | 04/09/2002 | Nữ  | 3.18 | 167 | Khá        |  |
| 5 | 21112792 | Lê Thị Tố     | Trình | 22/01/2003 | Nữ  | 2.89 | 167 | Khá        |  |
| 6 | 21112756 | Lê Trần Tấn   | Đạt   | 04/03/2003 | Nam | 2.41 | 167 | Trung bình |  |
| 7 | 21112364 | Huỳnh Thành   | Đạt   | 18/02/2003 | Nam | 2.79 | 167 | Khá        |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH21TYNT |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21112363 | Nguyễn Hải       | Trâm   | 27/11/2003 | Nữ   | 2.92 | 166 | Khá        |           |
| 2        | 21112333 | Nguyễn Thị       | Quỳnh  | 05/07/2002 | Nữ   | 2.85 | 166 | Khá        |           |
| DH22CN   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 22111118 | Nguyễn Mạnh Hoài | Thương | 26/02/2004 | Nữ   | 2.81 | 158 | Khá        |           |
| 2        | 22111033 | Trần Bảo         | Duy    | 13/09/2004 | Nam  | 3.27 | 159 | Giỏi       |           |
| 3        | 22111115 | Trần Anh         | Thư    | 04/05/2004 | Nữ   | 2.73 | 158 | Khá        |           |
| 4        | 22111035 | Trần Thanh       | Hải    | 04/02/2004 | Nam  | 3.28 | 159 | Giỏi       |           |
| 5        | 22111123 | Nguyễn Huyền     | Trang  | 17/08/2004 | Nữ   | 2.69 | 159 | Khá        |           |
| 6        | 22111039 | Lê Công          | Hậu    | 03/10/2004 | Nam  | 2.47 | 159 | Trung bình |           |
| 7        | 22111089 | Huỳnh Tấn        | Phú    | 28/04/2004 | Nam  | 2.80 | 158 | Khá        |           |
| 8        | 22111083 | Trần Thanh       | Nhàng  | 22/05/2004 | Nam  | 2.47 | 160 | Trung bình |           |
| DH22TA   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 22111111 | Đinh Thị Thiên   | Thư    | 29/04/2004 | Nữ   | 3.18 | 159 | Khá        |           |
| 2        | 22111139 | Trịnh Hoàng      | Yến    | 05/05/2004 | Nữ   | 2.77 | 159 | Khá        |           |
| TC17TY   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 17112338 | Nguyễn Thị Ngọc  | Mỹ     | 30/10/1999 | Nữ   | 3.30 | 150 | Giỏi       |           |
| Kinh tế  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| DH15KE   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 15123020 | Nguyễn Thị       | Giang  | 02/06/1996 | Nữ   | 2.34 | 136 | Trung bình |           |
| DH15KM   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 15120058 | Đào Thị Bích     | Hồng   | 17/02/1997 | Nữ   | 2.53 | 135 | Khá        |           |
| DH15QT   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 15122094 | Lê Thị Anh       | Kim    | 20/10/1997 | Nữ   | 2.85 | 135 | Khá        |           |
| DH15TM   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 15122226 | Lê Thị Vương     | Trâm   | 07/11/1996 | Nữ   | 3.09 | 136 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH16QT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 16122406 | Nguyễn Đức      | Phú   | 28/03/1998 | Nam  | 2.84 | 135 | Khá        |           |
| DH17QT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 17122042 | Lê Thị Ngọc     | Hiếu  | 17/03/1999 | Nữ   | 2.73 | 136 | Khá        |           |
| DH18KEGL |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 18123191 | Trương Thị      | Hồng  | 13/04/2000 | Nữ   | 2.83 | 137 | Khá        |           |
| DH18KN   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 18155046 | Lê Thị Tuyết    | Linh  | 26/04/2000 | Nữ   | 2.65 | 136 | Khá        |           |
| DH19QT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 19122155 | Đỗ Thị          | Ngọc  | 31/01/2001 | Nữ   | 3.19 | 137 | Khá        |           |
| DH20KENT |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20123278 | Lưu Nguyện Gia  | Tuệ   | 01/12/2002 | Nữ   | 2.44 | 136 | Trung bình |           |
| 2        | 20123259 | Đoàn Thị Tuyết  | Hương | 26/12/2002 | Nữ   | 2.68 | 136 | Khá        |           |
| DH20KN   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20155136 | Kiều Thị Bảo    | Quyên | 26/06/2002 | Nữ   | 2.67 | 136 | Khá        |           |
| DH20KT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20120189 | Nguyễn Văn      | Hậu   | 10/05/2001 | Nam  | 2.84 | 136 | Khá        |           |
| DH20PT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20121023 | Nguyễn Minh     | Thuận | 12/06/2002 | Nam  | 2.50 | 136 | Khá        |           |
| DH20QT   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20118288 | Lương Nhật Trần | Vinh  | 07/01/2002 | Nam  | 2.92 | 137 | Khá        |           |
| DH20QTC  |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20122373 | Nguyễn Quốc     | Lương | 06/10/2002 | Nam  | 2.66 | 137 | Khá        |           |
| 2        | 20122538 | Phan Thành      | Tín   | 11/10/2002 | Nam  | 2.81 | 136 | Khá        |           |
| DH21KE   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21123134 | Cao Thị Ngọc    | Trâm  | 19/04/2003 | Nữ   | 3.03 | 136 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT             | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----------------|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 2               | 21123014 | Tiêu Thị Ngọc    | Dàng  | 08/05/2003 | Nữ   | 3.35 | 136 | Giỏi       |           |
| <b>DH21KENT</b> |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 21123189 | Nguyễn Hoàng Anh | Thư   | 12/02/2003 | Nữ   | 2.19 | 136 | Trung bình |           |
| 2               | 21123363 | Nguyễn Thị Ái    | Nghi  | 29/10/2003 | Nữ   | 2.58 | 136 | Khá        |           |
| 3               | 21123187 | Trần Thị Thu     | Thắm  | 23/05/2002 | Nữ   | 2.29 | 136 | Trung bình |           |
| 4               | 21123183 | Thuận Thị Kim    | Hiện  | 08/06/2002 | Nữ   | 2.44 | 136 | Trung bình |           |
| <b>DH21KM</b>   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 21120223 | Huỳnh Nguyễn Như | Quỳnh | 23/12/2003 | Nữ   | 2.59 | 136 | Khá        |           |
| 2               | 21120490 | Lê Thị Mỹ        | Quyên | 20/05/2003 | Nữ   | 2.63 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH21KN</b>   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 21155106 | Trần Đăng        | Khoa  | 05/01/2003 | Nam  | 2.79 | 136 | Khá        |           |
| 2               | 21155085 | Lưu Thị Kim      | Hà    | 13/02/2003 | Nữ   | 2.72 | 136 | Khá        |           |
| 3               | 21155149 | Võ Trung         | Thành | 22/05/2003 | Nam  | 2.70 | 136 | Khá        |           |
| 4               | 21155091 | Phạm Trung       | Hậu   | 01/02/2002 | Nam  | 2.77 | 137 | Khá        |           |
| <b>DH21KT</b>   |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1               | 21120318 | Phạm Ngọc        | Ánh   | 21/02/2003 | Nữ   | 2.92 | 137 | Khá        |           |
| 2               | 21120532 | Ngô Thị Anh      | Thư   | 16/12/2001 | Nữ   | 2.80 | 136 | Khá        |           |
| 3               | 21120277 | Huỳnh Thị Diễm   | Trình | 31/01/2003 | Nữ   | 2.37 | 136 | Trung bình |           |
| 4               | 21120563 | Hoàng Ngọc Kiều  | Trình | 11/04/2002 | Nữ   | 2.67 | 137 | Khá        |           |
| 5               | 21120362 | Quản Thị Thùy    | Dương | 18/01/2003 | Nữ   | 2.84 | 137 | Khá        |           |
| 6               | 21120335 | Nguyễn Minh      | Bảo   | 30/10/2003 | Nam  | 2.77 | 137 | Khá        |           |
| 7               | 21120460 | Phan Thị Yến     | Nhi   | 12/07/2003 | Nữ   | 2.81 | 136 | Khá        |           |
| 8               | 21120596 | Kiều Thị Tý      | Von   | 08/07/2003 | Nữ   | 2.68 | 137 | Khá        |           |
| 9               | 21120219 | Nguyễn Thị Phước | Quyên | 27/02/2003 | Nữ   | 2.55 | 136 | Khá        |           |
| 10              | 21120551 | Nguyễn Lê Bảo    | Trân  | 11/09/2003 | Nữ   | 2.98 | 138 | Khá        |           |
| 11              | 21120555 | Ka               | Trang | 12/09/2003 | Nữ   | 2.43 | 137 | Trung bình |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|----------|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH21QT   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 21130269 | Trần Văn         | An    | 28/01/2002 | Nam  | 3.12 | 136 | Khá      |           |
| 2        | 21122751 | Huỳnh Minh       | Tiến  | 09/03/2003 | Nam  | 2.77 | 138 | Khá      |           |
| 3        | 21122654 | Hồ Thị Thanh     | Nhi   | 16/04/2003 | Nữ   | 3.36 | 137 | Giỏi     |           |
| 4        | 21130030 | Nguyễn Lê        | Dương | 27/03/2003 | Nam  | 3.12 | 137 | Khá      |           |
| DH21QTCB |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 21122656 | Nguyễn Ngọc      | Nhi   | 13/03/2003 | Nữ   | 2.85 | 137 | Khá      |           |
| 2        | 21122820 | Trương Nhật      | Vy    | 13/12/2003 | Nữ   | 3.00 | 137 | Khá      |           |
| 3        | 21122550 | Vũ Thị Diệu      | Hiền  | 10/02/2003 | Nữ   | 2.83 | 137 | Khá      |           |
| DH21QTN  |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 21122865 | Nguyễn Mai Tường | Vy    | 08/10/2003 | Nữ   | 3.16 | 137 | Khá      |           |
| 2        | 21122864 | Nguyễn Mai       | Huyền | 12/09/2003 | Nữ   | 3.14 | 137 | Khá      |           |
| DH21TC   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 21122533 | Trần Thị Hương   | Giang | 07/10/2003 | Nữ   | 3.15 | 136 | Khá      |           |
| DH21TM   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 21122703 | Châu Lý Phương   | Thanh | 13/05/2003 | Nữ   | 3.04 | 136 | Khá      |           |
| 2        | 21122822 | Nguyễn Lê Bảo    | Xuyên | 13/10/2003 | Nữ   | 3.18 | 138 | Khá      |           |
| 3        | 21122606 | Nguyễn Xuân      | Lợi   | 16/07/2003 | Nam  | 3.12 | 137 | Khá      |           |
| 4        | 21122506 | Vũ Nguyễn Thu    | Diễm  | 14/05/2003 | Nữ   | 2.77 | 137 | Khá      |           |
| DH22KE   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 22123023 | Nguyễn Hoàng Bảo | Dung  | 28/03/2004 | Nữ   | 3.61 | 140 | Xuất sắc |           |
| 2        | 22123056 | Lê Thị Thanh     | Lan   | 26/01/2004 | Nữ   | 2.93 | 142 | Khá      |           |
| 3        | 22123104 | Vũ Thị Tuyết     | Nhung | 27/05/2004 | Nữ   | 3.15 | 143 | Khá      |           |
| 4        | 22123134 | Phạm Kim         | Thoa  | 17/03/2004 | Nữ   | 3.38 | 142 | Giỏi     |           |
| 5        | 22123175 | Trương Thị Thúy  | Vi    | 24/03/2004 | Nữ   | 3.05 | 141 | Khá      |           |
| 6        | 22123178 | Trần Nguyễn Yến  | Vy    | 24/10/2004 | Nữ   | 3.77 | 142 | Xuất sắc |           |
| 7        | 22123146 | Nguyễn Thị       | Thúy  | 11/08/2004 | Nữ   | 2.77 | 141 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 8   | 22123026 | Vũ Ngọc Thùy       | Dung   | 18/01/2004 | Nữ   | 3.18 | 142 | Khá      |           |
| 9   | 22123127 | Lê Thị Thu         | Thảo   | 19/08/2004 | Nữ   | 3.08 | 142 | Khá      |           |
| 10  | 22123081 | Huỳnh Thị Ngọc     | Ngà    | 02/09/2004 | Nữ   | 3.26 | 142 | Giỏi     |           |
| 11  | 22123163 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trinh  | 29/08/2004 | Nữ   | 3.08 | 141 | Khá      |           |
| 12  | 22123010 | Lý Thị Hoài        | Bích   | 06/08/2004 | Nữ   | 3.01 | 142 | Khá      |           |
| 13  | 22123034 | Đỗ Thị Thúy        | Hằng   | 18/07/2004 | Nữ   | 3.69 | 140 | Xuất sắc |           |
| 14  | 22123044 | Võ Thị Thúy        | Hoa    | 13/06/2004 | Nữ   | 3.36 | 140 | Giỏi     |           |
| 15  | 22123120 | Nguyễn Thanh       | Son    | 31/12/2004 | Nam  | 3.25 | 142 | Giỏi     |           |
| 16  | 22123027 | Bùi Thị Mỹ         | Duyên  | 17/03/2004 | Nữ   | 2.96 | 141 | Khá      |           |
| 17  | 22123089 | Nguyễn Thị Quỳnh   | Ngọc   | 30/10/2004 | Nữ   | 3.02 | 141 | Khá      |           |
| 18  | 22123128 | Nguyễn Hiếu        | Thảo   | 16/07/2004 | Nữ   | 3.50 | 140 | Giỏi     |           |
| 19  | 22123037 | Nguyễn Thị Hồng    | Hạnh   | 25/04/2004 | Nữ   | 3.48 | 141 | Giỏi     |           |
| 20  | 22123071 | Huỳnh Thị Thảo     | Ly     | 14/12/2003 | Nữ   | 2.76 | 142 | Khá      |           |
| 21  | 22123088 | Lâm Mỹ             | Ngọc   | 28/09/2004 | Nữ   | 3.20 | 142 | Khá      |           |
| 22  | 22123040 | Phạm Thị           | Hiền   | 26/03/2004 | Nữ   | 3.41 | 141 | Giỏi     |           |
| 23  | 22123005 | Lê Minh            | Anh    | 18/05/2004 | Nữ   | 3.22 | 141 | Giỏi     |           |
| 24  | 22123164 | Nguyễn Thị Tú      | Trinh  | 17/02/2004 | Nữ   | 2.87 | 139 | Khá      |           |
| 25  | 22123054 | Đào Thị Thu        | Khuong | 10/05/2004 | Nữ   | 3.37 | 140 | Giỏi     |           |
| 26  | 22123050 | Tướng Thị Ngọc     | Huyền  | 24/05/2004 | Nữ   | 3.60 | 140 | Xuất sắc |           |
| 27  | 22123140 | Vũ Minh            | Thư    | 09/12/2004 | Nữ   | 3.58 | 142 | Giỏi     |           |
| 28  | 22123007 | Hoàng Thị Ngọc     | Ánh    | 02/01/2004 | Nữ   | 3.17 | 141 | Khá      |           |
| 29  | 22123145 | Nguyễn Thanh       | Thúy   | 27/07/2004 | Nữ   | 3.03 | 141 | Khá      |           |
| 30  | 22123177 | Nguyễn Phước Tường | Vy     | 28/06/2004 | Nữ   | 3.52 | 141 | Giỏi     |           |
| 31  | 22123144 | Trần Thị Kim       | Thương | 25/05/2004 | Nữ   | 2.91 | 140 | Khá      |           |
| 32  | 22123138 | Nguyễn Vũ Minh     | Thư    | 09/05/2004 | Nữ   | 3.38 | 139 | Giỏi     |           |
| 33  | 22123047 | Trịnh Ngọc         | Hương  | 11/07/2004 | Nam  | 2.98 | 141 | Khá      |           |
| 34  | 22123098 | Nguyễn Thị Ánh     | Như    | 16/12/2004 | Nữ   | 2.76 | 141 | Khá      |           |
| 35  | 22123131 | Nguyễn Hà Ngân     | Thi    | 24/06/2004 | Nữ   | 3.22 | 140 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|----------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 36  | 22123124 | Nguyễn Thị Ngọc      | Thanh  | 10/02/2004 | Nữ   | 3.50 | 141 | Giỏi     |           |
| 37  | 22123176 | Phan Thị Mỹ          | Vinh   | 25/01/2004 | Nữ   | 2.89 | 141 | Khá      |           |
| 38  | 22123051 | Tri                  | Huyện  | 29/09/2004 | Nam  | 3.07 | 142 | Khá      |           |
| 39  | 22123074 | Nguyễn Thị Ngọc      | Mai    | 04/02/2004 | Nữ   | 3.61 | 141 | Xuất sắc |           |
| 40  | 22123102 | Trần Hồng            | Nhung  | 30/12/2004 | Nữ   | 3.43 | 142 | Giỏi     |           |
| 41  | 22123126 | Hoàng Thị Kim        | Thảo   | 25/07/2004 | Nữ   | 3.48 | 140 | Giỏi     |           |
| 42  | 22123159 | Vũ Ngọc Bích         | Trâm   | 25/01/2004 | Nữ   | 2.69 | 140 | Khá      |           |
| 43  | 22123097 | Văn Ngọc Tuyết       | Nhi    | 26/07/2004 | Nữ   | 3.39 | 140 | Giỏi     |           |
| 44  | 22123072 | Lê Thị Kiều          | Ly     | 23/07/2004 | Nữ   | 3.33 | 142 | Giỏi     |           |
| 45  | 22123003 | Nguyễn Phước         | An     | 25/11/2004 | Nam  | 3.66 | 141 | Xuất sắc |           |
| 46  | 22123009 | Nguyễn Văn           | Bảo    | 14/03/2004 | Nam  | 3.14 | 141 | Khá      |           |
| 47  | 22123148 | Phạm Thị Thu         | Thuyền | 20/08/2004 | Nữ   | 3.48 | 141 | Giỏi     |           |
| 48  | 22123143 | Phạm Ngọc Hoài       | Thương | 07/04/2004 | Nữ   | 3.03 | 141 | Khá      |           |
| 49  | 22123137 | Lương Ngọc Anh       | Thư    | 19/11/2004 | Nữ   | 3.46 | 141 | Giỏi     |           |
| 50  | 22123061 | Hồ Ngọc Trúc         | Linh   | 16/12/2004 | Nữ   | 3.54 | 142 | Giỏi     |           |
| 51  | 22123155 | Lê Thị Bích          | Trâm   | 17/01/2004 | Nữ   | 3.17 | 141 | Khá      |           |
| 52  | 22123101 | Nguyễn Thị Phương    | Nhung  | 02/11/2004 | Nữ   | 3.41 | 141 | Giỏi     |           |
| 53  | 22123075 | Trương Phan Thị Xuân | Mai    | 04/05/2004 | Nữ   | 3.37 | 141 | Giỏi     |           |
| 54  | 22123170 | Nguyễn Huỳnh Kim     | Tuyến  | 04/10/2004 | Nữ   | 2.83 | 140 | Khá      |           |
| 55  | 22123142 | Nguyễn Thị Hoài      | Thương | 30/09/2004 | Nữ   | 3.18 | 142 | Khá      |           |
| 56  | 22123008 | Nguyễn Long Gia      | Bảo    | 21/08/2004 | Nam  | 2.65 | 141 | Khá      |           |
| 57  | 22123173 | Lê Thị Mỹ            | Uyên   | 16/11/2004 | Nữ   | 3.73 | 142 | Xuất sắc |           |
| 58  | 22123166 | Trần Thị Thu         | Trinh  | 15/10/2004 | Nữ   | 3.74 | 141 | Xuất sắc |           |
| 59  | 22123160 | Đặng Huỳnh           | Trân   | 19/07/2004 | Nữ   | 3.64 | 141 | Xuất sắc |           |
| 60  | 22123052 | Huỳnh Lê Quốc        | Huynh  | 06/06/2004 | Nam  | 3.46 | 142 | Giỏi     |           |
| 61  | 22123017 | Lưu Đình             | Chí    | 02/08/2004 | Nam  | 3.40 | 141 | Giỏi     |           |
| 62  | 22123158 | Nguyễn Thị Bích      | Trâm   | 28/07/2004 | Nữ   | 3.54 | 140 | Giỏi     |           |
| 63  | 22123083 | Nguyễn Phương        | Ngân   | 25/07/2004 | Nữ   | 3.67 | 140 | Xuất sắc |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 64  | 22123109 | Ngô Văn         | Phát   | 15/04/2004 | Nam  | 3.63 | 142 | Xuất sắc |           |
| 65  | 22123036 | Vũ Lâm Thanh    | Hằng   | 06/01/2004 | Nữ   | 3.43 | 141 | Giỏi     |           |
| 66  | 22123099 | Đinh Thị Hồng   | Nhung  | 11/05/2004 | Nữ   | 2.88 | 142 | Khá      |           |
| 67  | 22123085 | Phùng Thị Tuyết | Ngân   | 07/01/2004 | Nữ   | 2.90 | 141 | Khá      |           |
| 68  | 22123112 | Đỗ Hoàng        | Phúc   | 15/07/2004 | Nam  | 2.76 | 143 | Khá      |           |
| 69  | 22123014 | Phan Minh       | Chánh  | 04/02/2004 | Nam  | 3.02 | 141 | Khá      |           |
| 70  | 22123147 | Võ Minh         | Thùy   | 25/12/2004 | Nữ   | 3.41 | 140 | Giỏi     |           |
| 71  | 22123094 | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 19/02/2004 | Nữ   | 2.91 | 139 | Khá      |           |
| 72  | 22123167 | Võ Ngọc         | Trinh  | 15/07/2004 | Nữ   | 3.37 | 141 | Giỏi     |           |
| 73  | 22123019 | Hoàng Ngọc      | Cường  | 20/07/2004 | Nam  | 2.80 | 141 | Khá      |           |
| 74  | 22123090 | Phạm Thị        | Nhài   | 27/05/2004 | Nữ   | 3.19 | 140 | Khá      |           |
| 75  | 22123031 | Nguyễn Thị Thu  | Hà     | 10/02/2004 | Nữ   | 3.18 | 141 | Khá      |           |
| 76  | 22123161 | Phan Thị Thùy   | Trang  | 21/01/2004 | Nữ   | 2.98 | 141 | Khá      |           |
| 77  | 22123080 | Trương Thị Nhu  | Mỹ     | 16/03/2004 | Nữ   | 3.18 | 140 | Khá      |           |
| 78  | 22123121 | Phan Thị Thu    | Sương  | 11/08/2004 | Nữ   | 3.03 | 141 | Khá      |           |
| 79  | 22123107 | Ngô Kim         | Oanh   | 09/01/2004 | Nữ   | 2.73 | 142 | Khá      |           |
| 80  | 22123015 | Đặng Thị Trân   | Châu   | 07/03/2004 | Nữ   | 3.11 | 141 | Khá      |           |
| 81  | 22123091 | Đỗ Lê Uyên      | Nhi    | 04/12/2004 | Nữ   | 3.23 | 140 | Giỏi     |           |
| 82  | 22123111 | Đặng Hồng       | Phúc   | 28/12/2004 | Nam  | 3.73 | 142 | Xuất sắc |           |
| 83  | 22123095 | Tô Thị Yến      | Nhi    | 24/10/2004 | Nữ   | 3.51 | 141 | Giỏi     |           |
| 84  | 22123082 | Đoàn Thái       | Ngân   | 11/01/2004 | Nữ   | 3.38 | 143 | Khá      |           |
| 85  | 22123062 | Huỳnh Thị Ánh   | Linh   | 11/09/2004 | Nữ   | 2.51 | 141 | Khá      |           |
| 86  | 22123100 | Hoàng Thị       | Nhung  | 14/09/2004 | Nữ   | 3.70 | 141 | Xuất sắc |           |
| 87  | 22123122 | Phan Thị Thanh  | Thắm   | 10/05/2004 | Nữ   | 3.27 | 140 | Giỏi     |           |
| 88  | 22123113 | Dương Thị Mai   | Phương | 14/10/2004 | Nữ   | 3.07 | 141 | Khá      |           |
| 89  | 22123057 | Bùi Đoàn Thảo   | Linh   | 23/07/2004 | Nữ   | 2.65 | 142 | Khá      |           |

**DH22KEGL**

|   |          |                |       |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22123231 | Nguyễn Thị Lan | Hương | 18/07/2004 | Nữ | 2.72 | 140 | Khá |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |      | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 2   | 22130350 | Hoàng Nguyễn Anh | Thư  | 08/03/2004 | Nữ   | 2.61 | 140 | Khá      |           |
| 3   | 22122506 | Nguyễn Thị Mỹ    | Hằng | 25/10/2002 | Nữ   | 3.22 | 140 | Giỏi     |           |

### DH22KENT

|   |          |               |     |            |     |      |     |          |  |
|---|----------|---------------|-----|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1 | 22123195 | Phan Thị Hồng | Huệ | 05/03/2003 | Nữ  | 3.76 | 138 | Xuất sắc |  |
| 2 | 22123208 | Lê Thị Quỳnh  | Như | 11/06/2004 | Nữ  | 3.35 | 138 | Giỏi     |  |
| 3 | 22123187 | Lê Võ Quang   | Duy | 07/04/2004 | Nam | 2.79 | 138 | Khá      |  |
| 4 | 22123202 | Trần Thị Trúc | My  | 14/09/2004 | Nữ  | 3.35 | 138 | Giỏi     |  |

### DH22KM

|    |          |                   |      |            |     |      |     |      |  |
|----|----------|-------------------|------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1  | 22120190 | Trần Lê Thu       | Trâm | 09/01/2004 | Nữ  | 3.54 | 137 | Giỏi |  |
| 2  | 22120212 | Nguyễn Thị Hồng   | Uyên | 24/01/2004 | Nữ  | 3.58 | 137 | Giỏi |  |
| 3  | 22120053 | Nguyễn Quang      | Hiếu | 14/02/2004 | Nam | 3.51 | 136 | Giỏi |  |
| 4  | 22120217 | Nguyễn Thanh      | Vân  | 01/04/2004 | Nữ  | 3.16 | 137 | Khá  |  |
| 5  | 22120133 | Phạm Thị Quỳnh    | Như  | 15/02/2004 | Nữ  | 2.69 | 136 | Khá  |  |
| 6  | 22120177 | Nguyễn Thị Minh   | Thư  | 23/03/2004 | Nữ  | 3.58 | 137 | Giỏi |  |
| 7  | 22120100 | Chau Thị Kim      | Ngân | 30/03/2004 | Nữ  | 2.95 | 137 | Khá  |  |
| 8  | 22120122 | Nguyễn Thanh Thảo | Nhi  | 02/04/2004 | Nữ  | 3.08 | 136 | Khá  |  |
| 9  | 22120006 | Huỳnh Thị Lan     | Anh  | 07/11/2004 | Nữ  | 3.23 | 137 | Giỏi |  |
| 10 | 22120178 | Nguyễn Vũ Minh    | Thư  | 20/09/2004 | Nữ  | 3.17 | 137 | Khá  |  |

### DH22KN

|   |          |                 |       |            |     |      |     |      |  |
|---|----------|-----------------|-------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1 | 22155038 | Nguyễn Như      | Hoa   | 25/05/2004 | Nữ  | 2.58 | 137 | Khá  |  |
| 2 | 22155110 | Lê Anh          | Thư   | 13/04/2004 | Nữ  | 3.23 | 137 | Giỏi |  |
| 3 | 22155043 | Nguyễn Thị Diễm | Hương | 05/02/2004 | Nữ  | 3.00 | 137 | Khá  |  |
| 4 | 22155014 | Trần Tấn        | Đạt   | 03/02/2004 | Nam | 3.23 | 137 | Giỏi |  |
| 5 | 22155068 | Tạ Thị Hoàn     | Mỹ    | 23/03/2004 | Nữ  | 3.23 | 137 | Giỏi |  |
| 6 | 22155113 | Nguyễn Hữu      | Thừa  | 21/09/2004 | Nam | 2.80 | 137 | Khá  |  |
| 7 | 22155045 | Phan Kim        | Kha   | 12/08/2004 | Nam | 2.66 | 137 | Khá  |  |
| 8 | 22155009 | Nguyễn Quốc     | Bảo   | 07/05/2004 | Nam | 3.57 | 137 | Giỏi |  |
| 9 | 22155010 | Trần Thanh      | Bình  | 13/10/2004 | Nam | 3.37 | 138 | Giỏi |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 10  | 22155037 | Đặng Thị        | Hoa   | 17/06/2004 | Nữ   | 3.00 | 136 | Khá      |           |
| 11  | 22155008 | Huỳnh Quốc      | Bảo   | 19/07/2004 | Nam  | 3.01 | 136 | Khá      |           |
| 12  | 22155127 | Bùi Văn         | Trung | 22/10/2004 | Nam  | 3.32 | 137 | Giỏi     |           |
| 13  | 22155053 | Lê Thị Trúc     | Linh  | 17/03/2004 | Nữ   | 3.63 | 136 | Xuất sắc |           |
| 14  | 22155078 | Nguyễn Hồng     | Ngọc  | 11/10/2004 | Nữ   | 3.34 | 136 | Giỏi     |           |
| 15  | 22155096 | Huỳnh Ngọc      | Sang  | 04/08/2004 | Nam  | 3.70 | 137 | Xuất sắc |           |
| 16  | 22155120 | Huỳnh Thị Ngọc  | Trâm  | 11/11/2004 | Nữ   | 3.13 | 136 | Khá      |           |
| 17  | 22155020 | Đào Thùy        | Dương | 03/08/2004 | Nữ   | 3.69 | 137 | Xuất sắc |           |
| 18  | 22155133 | Đàm Thị Thu     | Viên  | 31/12/2004 | Nữ   | 3.45 | 137 | Giỏi     |           |
| 19  | 22155070 | Võ Thị Hoa      | Mỹ    | 15/01/2004 | Nữ   | 3.24 | 136 | Giỏi     |           |
| 20  | 22155015 | Lê Tiểu         | Đình  | 19/01/2004 | Nữ   | 3.52 | 137 | Giỏi     |           |
| 21  | 22155039 | Dương           | Hóa   | 26/01/2004 | Nam  | 3.78 | 137 | Xuất sắc |           |
| 22  | 22155099 | Lê Nguyễn Hoàng | Tân   | 19/10/2004 | Nam  | 2.89 | 136 | Khá      |           |
| 23  | 22155076 | Nguyễn Thị Thu  | Ngân  | 20/06/2004 | Nữ   | 2.76 | 136 | Khá      |           |
| 24  | 22155132 | Phạm Thị Tường  | Vi    | 10/12/1993 | Nữ   | 3.46 | 137 | Giỏi     |           |
| 25  | 22155097 | Phạm Tuấn       | Sang  | 23/07/2004 | Nam  | 2.82 | 137 | Khá      |           |
| 26  | 22155024 | Nguyễn Thị Trúc | Duyên | 26/04/2004 | Nữ   | 2.96 | 136 | Khá      |           |
| 27  | 22155030 | Trương Mỹ       | Hân   | 16/11/2004 | Nữ   | 3.40 | 137 | Giỏi     |           |
| 28  | 22155054 | Lưu Nguyễn Phi  | Long  | 07/05/2004 | Nam  | 3.47 | 137 | Giỏi     |           |
| 29  | 22155064 | Đinh Thảo       | My    | 27/04/2004 | Nữ   | 3.04 | 136 | Khá      |           |
| 30  | 22155124 | Trần Thị Huyền  | Trang | 18/09/2004 | Nữ   | 2.99 | 137 | Khá      |           |
| 31  | 22155104 | Lưu Thị Ngọc    | Thảo  | 21/04/2004 | Nữ   | 3.36 | 136 | Giỏi     |           |
| 32  | 22155023 | Lê Thị Mỹ       | Duyên | 29/08/2004 | Nữ   | 3.39 | 137 | Giỏi     |           |

### DH22KT

|   |          |                  |       |            |     |      |     |          |  |
|---|----------|------------------|-------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1 | 22120121 | Nguyễn Quỳnh     | Nhi   | 13/02/2004 | Nữ  | 3.66 | 136 | Xuất sắc |  |
| 2 | 22120064 | Nguyễn Thị Thanh | Huyền | 28/05/2004 | Nữ  | 3.08 | 136 | Khá      |  |
| 3 | 22120039 | Trần Thị Ngọc    | Duyên | 26/07/2004 | Nữ  | 3.69 | 136 | Xuất sắc |  |
| 4 | 22120088 | Trần Văn         | Lợi   | 27/12/2004 | Nam | 2.94 | 136 | Khá      |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV       |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|--------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 5   | 22120096 | Nguyễn Lê          | Minh  | 18/10/2004 | Nam  | 2.97 | 136 | Khá      |           |
| 6   | 22120010 | Nguyễn Thị Phương  | Anh   | 25/07/2004 | Nữ   | 3.38 | 136 | Giỏi     |           |
| 7   | 22120192 | Vũ Thị Huyền       | Trang | 20/04/2004 | Nữ   | 3.51 | 136 | Giỏi     |           |
| 8   | 22120109 | Nguyễn Trần Mỹ     | Ngọc  | 31/03/2004 | Nữ   | 3.27 | 136 | Giỏi     |           |
| 9   | 22120168 | Bùi Thị Thanh      | Thảo  | 19/06/2004 | Nữ   | 2.79 | 136 | Khá      |           |
| 10  | 22120202 | Nguyễn Trần Quốc   | Tuấn  | 13/11/2004 | Nam  | 3.14 | 136 | Khá      |           |
| 11  | 22120159 | Nguyễn Thị Thanh   | Tâm   | 19/01/2004 | Nữ   | 3.35 | 136 | Giỏi     |           |
| 12  | 22120128 | Bùi Thị Tuyết      | Như   | 21/04/2004 | Nữ   | 3.31 | 136 | Giỏi     |           |
| 13  | 22120214 | Phạm Vũ Tổ         | Uyên  | 07/12/2004 | Nữ   | 2.93 | 136 | Khá      |           |
| 14  | 22120041 | Hồ Thị Ngân        | Hà    | 07/12/2004 | Nữ   | 3.00 | 136 | Khá      |           |
| 15  | 22120210 | Nguyễn Đình Phương | Uyên  | 09/04/2004 | Nữ   | 3.31 | 136 | Giỏi     |           |
| 16  | 22120169 | Bùi Thị Thu        | Thảo  | 30/05/2004 | Nữ   | 3.22 | 136 | Giỏi     |           |
| 17  | 22120218 | Nguyễn Ngọc Tường  | Vi    | 06/03/2004 | Nữ   | 2.95 | 136 | Khá      |           |
| 18  | 22120130 | Nguyễn Quỳnh       | Như   | 18/04/2004 | Nữ   | 2.73 | 136 | Khá      |           |
| 19  | 22120118 | Ngô Thị Cẩm        | Nhi   | 10/11/2004 | Nữ   | 3.59 | 136 | Giỏi     |           |
| 20  | 22120115 | Trần Hoàng         | Nhân  | 04/07/2004 | Nam  | 3.66 | 136 | Xuất sắc |           |
| 21  | 22120093 | Huỳnh Nguyễn Xuân  | Mai   | 27/07/2004 | Nữ   | 3.22 | 136 | Giỏi     |           |
| 22  | 22120221 | Hoàng Thị Hạ       | Vy    | 06/09/2004 | Nữ   | 3.25 | 136 | Giỏi     |           |
| 23  | 22120116 | Trần Phước         | Nhật  | 18/03/2004 | Nam  | 3.34 | 136 | Giỏi     |           |
| 24  | 22120004 | Phạm Như           | Ân    | 15/07/2004 | Nữ   | 3.35 | 136 | Giỏi     |           |
| 25  | 22120069 | Cao Thùy Thiên     | Kim   | 09/10/2004 | Nữ   | 2.73 | 136 | Khá      |           |
| 26  | 22120009 | Nguyễn Ngọc Phương | Anh   | 01/01/2004 | Nữ   | 3.40 | 136 | Giỏi     |           |
| 27  | 22120047 | Đặng Thanh         | Hằng  | 03/11/2004 | Nữ   | 2.97 | 136 | Khá      |           |
| 28  | 22120012 | Đào Thị Hồng       | Ánh   | 23/03/2004 | Nữ   | 3.40 | 136 | Giỏi     |           |
| 29  | 22120077 | Lê Mai Diệu        | Linh  | 13/11/2004 | Nữ   | 2.68 | 136 | Khá      |           |
| 30  | 22120083 | Nguyễn Thị Tuyết   | Linh  | 31/01/2004 | Nữ   | 3.64 | 136 | Xuất sắc |           |
| 31  | 22120207 | Võ Thúy Thu        | Tuyền | 27/02/2004 | Nữ   | 3.43 | 136 | Giỏi     |           |
| 32  | 22120001 | Dương Thị Thanh    | An    | 04/11/2004 | Nữ   | 3.31 | 136 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 33  | 22120134 | Hà Minh           | Nhật   | 24/11/2004 | Nam  | 2.99 | 136 | Khá      |           |
| 34  | 22120127 | Nguyễn Thị        | Nhiên  | 10/05/2004 | Nữ   | 3.55 | 136 | Giỏi     |           |
| 35  | 22120180 | Hoàng Thị Thu     | Thủy   | 01/10/2004 | Nữ   | 2.88 | 136 | Khá      |           |
| 36  | 22120161 | Võ Thị Mỹ         | Tâm    | 01/10/2004 | Nữ   | 3.09 | 136 | Khá      |           |
| 37  | 22120144 | Cao Thị Kim       | Phượng | 20/03/2004 | Nữ   | 3.34 | 136 | Giỏi     |           |
| 38  | 22120076 | Lê Ánh Tuyết      | Linh   | 14/03/2004 | Nữ   | 3.10 | 136 | Khá      |           |
| 39  | 22120206 | Trần Thị Mộng     | Tuyền  | 29/09/2004 | Nữ   | 3.11 | 136 | Khá      |           |
| 40  | 22120199 | Trần Phi          | Trường | 26/07/2004 | Nam  | 3.42 | 136 | Giỏi     |           |
| 41  | 22120138 | Nguyễn Kiều       | Oanh   | 12/06/2004 | Nữ   | 3.29 | 136 | Giỏi     |           |
| 42  | 22120150 | Lê Thị Mỹ         | Quỳnh  | 06/04/2004 | Nữ   | 3.56 | 136 | Giỏi     |           |
| 43  | 22120079 | Nguyễn Cảnh       | Linh   | 17/11/2004 | Nam  | 3.24 | 136 | Giỏi     |           |
| 44  | 22120101 | Lâm Thị Thủy      | Ngân   | 17/11/2004 | Nữ   | 3.23 | 136 | Giỏi     |           |
| 45  | 22120216 | Huỳnh Thị Thảo    | Vân    | 10/03/2004 | Nữ   | 3.38 | 136 | Giỏi     |           |
| 46  | 22120003 | Lê Hoàng          | An     | 25/03/2004 | Nam  | 3.55 | 136 | Giỏi     |           |
| 47  | 22120054 | Nguyễn Thị        | Hoa    | 12/11/2004 | Nữ   | 3.28 | 136 | Giỏi     |           |
| 48  | 22120042 | Hoàng Nữ Nhật     | Hạ     | 20/06/2004 | Nữ   | 3.01 | 136 | Khá      |           |
| 49  | 22120059 | Hà Nguyên         | Hưng   | 25/07/2004 | Nam  | 3.05 | 136 | Khá      |           |
| 50  | 22120043 | Nguyễn Tăng Hoàng | Hải    | 24/01/2004 | Nam  | 2.94 | 136 | Khá      |           |
| 51  | 22120049 | Bùi Nguyễn Duy    | Hiếu   | 15/12/2004 | Nam  | 3.15 | 136 | Khá      |           |
| 52  | 22120085 | Phan Thị          | Linh   | 17/01/2003 | Nữ   | 3.11 | 136 | Khá      |           |
| 53  | 22120213 | Nguyễn Thị Phương | Uyên   | 03/09/2004 | Nữ   | 3.71 | 136 | Xuất sắc |           |
| 54  | 22120211 | Nguyễn Ngọc Gia   | Uyên   | 07/10/2004 | Nữ   | 3.39 | 136 | Giỏi     |           |
| 55  | 22120080 | Nguyễn Diệu       | Linh   | 10/09/2004 | Nữ   | 3.44 | 136 | Giỏi     |           |
| 56  | 22120148 | Lê Đông Phương    | Quyên  | 08/12/2004 | Nữ   | 2.91 | 136 | Khá      |           |
| 57  | 22120204 | Phạm Minh         | Tùng   | 16/07/2004 | Nam  | 3.64 | 136 | Xuất sắc |           |
| 58  | 22120015 | Nguyễn Tử         | Biên   | 07/08/2004 | Nam  | 3.60 | 136 | Xuất sắc |           |
| 59  | 22120176 | Nguyễn Thị Anh    | Thư    | 04/10/2004 | Nữ   | 3.17 | 136 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT    | Mã SV    | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|--------|----------|-------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH22PT |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1      | 22121008 | Phạm Thị Yến      | Nhi    | 14/11/2004 | Nữ   | 3.14 | 136 | Khá      |           |
| DH22QT |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1      | 22122414 | Trần Huyền        | Trang  | 20/01/2003 | Nữ   | 3.09 | 137 | Khá      |           |
| 2      | 22122456 | Nguyễn Thị Thanh  | Vân    | 27/03/2004 | Nữ   | 3.32 | 137 | Giỏi     |           |
| 3      | 22122235 | Lê Thị Thanh      | Nhàn   | 31/03/2004 | Nữ   | 3.74 | 137 | Xuất sắc |           |
| 4      | 22122085 | Nguyễn Phan Kim   | Hằng   | 25/02/2004 | Nữ   | 3.19 | 138 | Khá      |           |
| 5      | 22122146 | Lê Tuấn           | Kiệt   | 06/10/2004 | Nam  | 3.57 | 138 | Giỏi     |           |
| 6      | 22122459 | Trần Nhật Khánh   | Vân    | 19/03/2004 | Nữ   | 2.69 | 137 | Khá      |           |
| 7      | 22122349 | Trần Nguyễn Ngọc  | Thảo   | 10/10/2004 | Nữ   | 2.85 | 138 | Khá      |           |
| 8      | 22122335 | Hoàng Thị Cao     | Thanh  | 15/01/2004 | Nữ   | 3.02 | 138 | Khá      |           |
| 9      | 22122461 | Chế Thị Tường     | Vi     | 01/07/2004 | Nữ   | 3.26 | 136 | Giỏi     |           |
| 10     | 22122058 | Lương Võ Thùy     | Dương  | 09/12/2004 | Nữ   | 3.05 | 138 | Khá      |           |
| 11     | 22122315 | Tạ Thị Diễm       | Quỳnh  | 14/09/2004 | Nữ   | 3.28 | 136 | Giỏi     |           |
| 12     | 22122298 | Trần Thị Ái       | Quy    | 27/11/2004 | Nữ   | 3.31 | 138 | Giỏi     |           |
| 13     | 22122382 | Phạm Thụy Như     | Thùy   | 29/06/2004 | Nữ   | 2.77 | 136 | Khá      |           |
| 14     | 22122248 | Nguyễn Thị Linh   | Nhi    | 03/08/2004 | Nữ   | 3.29 | 136 | Giỏi     |           |
| 15     | 22122395 | Nguyễn Thanh      | Tiền   | 01/01/2004 | Nữ   | 2.98 | 137 | Khá      |           |
| 16     | 22122196 | Nguyễn Trần Thanh | Minh   | 10/03/2004 | Nam  | 2.78 | 139 | Khá      |           |
| 17     | 22122033 | Bùi Thị Hồng      | Cúc    | 18/09/2004 | Nữ   | 3.45 | 137 | Giỏi     |           |
| 18     | 22123021 | Nguyễn Phùng Thuý | Diễm   | 10/03/2004 | Nữ   | 3.33 | 136 | Giỏi     |           |
| 19     | 22122084 | Hoàng Thị         | Hằng   | 19/04/2004 | Nữ   | 2.92 | 139 | Khá      |           |
| 20     | 22122334 | Đào Thị           | Thanh  | 09/04/2004 | Nữ   | 2.70 | 138 | Khá      |           |
| 21     | 22122369 | Phan Thị Huyền    | Thư    | 28/07/2004 | Nữ   | 2.71 | 137 | Khá      |           |
| 22     | 22122194 | Lê Hoàng Khánh    | Minh   | 09/06/2004 | Nữ   | 3.38 | 139 | Giỏi     |           |
| 23     | 22122376 | Nguyễn Văn        | Thương | 07/02/2004 | Nam  | 3.43 | 139 | Giỏi     |           |
| 24     | 22122061 | Ngô Thùy          | Duyên  | 26/08/2004 | Nữ   | 3.63 | 138 | Xuất sắc |           |
| 25     | 22122159 | Nguyễn Thị Yến    | Liên   | 24/04/2004 | Nữ   | 2.88 | 138 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 26  | 22122174 | Đặng Thị Kim     | Loan  | 09/04/2004 | Nữ   | 3.53 | 136 | Giỏi     |           |
| 27  | 22122123 | Nguyễn Thị Bích  | Huệ   | 11/04/2004 | Nữ   | 2.92 | 137 | Khá      |           |
| 28  | 22122056 | Trần Thị Phương  | Dung  | 04/07/2004 | Nữ   | 3.53 | 137 | Giỏi     |           |
| 29  | 22122323 | Tô Bá            | Sáng  | 20/06/2004 | Nam  | 3.53 | 136 | Giỏi     |           |
| 30  | 22122452 | Nguyễn Phương    | Uyên  | 04/11/2004 | Nữ   | 3.15 | 138 | Khá      |           |
| 31  | 22122062 | Nguyễn Diệu Tân  | Em    | 16/06/2004 | Nữ   | 3.16 | 139 | Khá      |           |
| 32  | 22122338 | Bùi Minh         | Thành | 13/10/2004 | Nam  | 3.57 | 137 | Giỏi     |           |
| 33  | 22122426 | Nguyễn Thị Anh   | Tú    | 27/10/2004 | Nữ   | 3.14 | 137 | Khá      |           |
| 34  | 22122020 | Trần Thị Kim     | Anh   | 10/01/2004 | Nữ   | 2.90 | 138 | Khá      |           |
| 35  | 22122358 | Trịnh Thị Anh    | Thơ   | 25/08/2004 | Nữ   | 2.98 | 136 | Khá      |           |
| 36  | 22122321 | Mạc Phước        | Sang  | 29/03/2004 | Nam  | 2.92 | 137 | Khá      |           |
| 37  | 22122265 | Nguyễn Thị Tuyết | Như   | 05/12/2004 | Nữ   | 2.71 | 137 | Khá      |           |
| 38  | 22122138 | Đặng Huỳnh       | Kha   | 13/04/2004 | Nữ   | 3.08 | 137 | Khá      |           |
| 39  | 22122260 | Lê Huỳnh         | Như   | 14/08/2004 | Nữ   | 2.70 | 140 | Khá      |           |
| 40  | 22122120 | Nguyễn Lê Cẩm    | Hồng  | 22/08/2004 | Nữ   | 3.80 | 137 | Xuất sắc |           |
| 41  | 22122130 | Nguyễn Thị Cẩm   | Hường | 15/05/2004 | Nữ   | 2.78 | 136 | Khá      |           |
| 42  | 22122212 | Lưu Thị Thu      | Ngân  | 24/10/2004 | Nữ   | 3.24 | 136 | Giỏi     |           |
| 43  | 22122098 | Nguyễn Văn       | Hậu   | 05/04/2004 | Nam  | 3.11 | 136 | Khá      |           |
| 44  | 22122010 | Lê Thị Kim       | Anh   | 02/03/2004 | Nữ   | 3.06 | 137 | Khá      |           |
| 45  | 22122091 | Phạm Thị Mỹ      | Hạnh  | 23/04/2000 | Nữ   | 2.96 | 137 | Khá      |           |
| 46  | 22122227 | Nguyễn Thị Như   | Ngọc  | 20/12/2004 | Nữ   | 3.24 | 138 | Giỏi     |           |
| 47  | 22122210 | Huỳnh Kim        | Ngân  | 26/09/2004 | Nữ   | 3.02 | 137 | Khá      |           |
| 48  | 22122383 | Trần Thị         | Thùy  | 18/05/2004 | Nữ   | 3.20 | 137 | Giỏi     |           |
| 49  | 22122117 | Huỳnh Thị        | Hồng  | 08/04/2004 | Nữ   | 3.00 | 137 | Khá      |           |
| 50  | 22122471 | Đặng Quốc        | Vương | 25/04/2004 | Nam  | 2.79 | 139 | Khá      |           |
| 51  | 22120007 | Lê Minh          | Anh   | 01/04/2004 | Nữ   | 3.78 | 136 | Xuất sắc |           |
| 52  | 22122064 | Đặng Hoàng       | Gia   | 21/01/2004 | Nam  | 3.20 | 137 | Giỏi     |           |
| 53  | 22122417 | Nguyễn Thanh     | Trí   | 31/12/2003 | Nam  | 3.08 | 138 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |      | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 54  | 22122274 | Nguyễn Thị Kiều | Oanh | 12/05/2004 | Nữ   | 3.11 | 137 | Khá      |           |
| 55  | 22122097 | Lê Xuân         | Hậu  | 12/01/2004 | Nam  | 3.07 | 137 | Khá      |           |
| 56  | 22122041 | Cao Tấn         | Đạt  | 02/04/2004 | Nam  | 3.23 | 138 | Khá      |           |
| 57  | 22122477 | Võ Ngọc Khánh   | Vy   | 03/11/2004 | Nữ   | 2.90 | 138 | Khá      |           |

### DH22QTCA

|   |          |                   |       |            |    |      |     |      |  |
|---|----------|-------------------|-------|------------|----|------|-----|------|--|
| 1 | 22122380 | Lê Thị Thanh      | Thúy  | 26/09/2004 | Nữ | 3.08 | 139 | Khá  |  |
| 2 | 22122226 | Nguyễn Thị Bích   | Ngọc  | 09/11/2004 | Nữ | 3.47 | 139 | Giỏi |  |
| 3 | 22122341 | Nguyễn Thanh Hồng | Thảo  | 05/10/2004 | Nữ | 3.21 | 138 | Giỏi |  |
| 4 | 22122313 | Nguyễn Lê Phương  | Quỳnh | 24/10/2004 | Nữ | 3.40 | 139 | Giỏi |  |
| 5 | 22122463 | Nguyễn Hà Thụy    | Vi    | 05/07/2004 | Nữ | 3.21 | 139 | Giỏi |  |

### DH22QTCB

|    |          |                   |        |            |     |      |     |          |  |
|----|----------|-------------------|--------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1  | 22122182 | Nguyễn Hoàng Trúc | Ly     | 10/04/2003 | Nữ  | 3.14 | 139 | Khá      |  |
| 2  | 22122032 | Bùi Thị           | Cúc    | 04/11/2004 | Nữ  | 3.50 | 139 | Giỏi     |  |
| 3  | 22122289 | Nguyễn Hoàng Trúc | Phương | 15/09/2004 | Nữ  | 3.43 | 138 | Giỏi     |  |
| 4  | 22122050 | Đỗ Thị Doãn       | Doãn   | 02/10/2004 | Nữ  | 3.39 | 139 | Giỏi     |  |
| 5  | 22122288 | Ngô Minh          | Phương | 13/01/2004 | Nữ  | 3.41 | 139 | Giỏi     |  |
| 6  | 22122443 | Phạm Thị Thanh    | Tuyền  | 23/06/2004 | Nữ  | 3.21 | 139 | Giỏi     |  |
| 7  | 22122266 | Nguyễn Thị Yến    | Như    | 02/03/2004 | Nữ  | 3.66 | 139 | Xuất sắc |  |
| 8  | 22122306 | Phạm Văn          | Quyển  | 24/07/2004 | Nam | 3.08 | 139 | Khá      |  |
| 9  | 22122319 | Vũ Như            | Quỳnh  | 20/05/2004 | Nữ  | 2.88 | 139 | Khá      |  |
| 10 | 22122518 | Hứa Triệu Minh    | Thy    | 29/01/2004 | Nữ  | 2.73 | 139 | Khá      |  |
| 11 | 22122154 | Kiều Ngọc         | Lan    | 04/10/2004 | Nữ  | 3.36 | 139 | Giỏi     |  |
| 12 | 22122003 | Quách Gia         | An     | 03/07/2004 | Nam | 2.98 | 139 | Khá      |  |

### DH22QTNT

|   |          |                  |      |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|------------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22116120 | Nguyễn Ngọc Xuân | Hằng | 31/10/2004 | Nữ | 3.05 | 137 | Khá |  |
|---|----------|------------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|

### DH22TC

|   |          |             |       |            |    |      |     |      |  |
|---|----------|-------------|-------|------------|----|------|-----|------|--|
| 1 | 22122415 | Trần Thị    | Trang | 06/03/2004 | Nữ | 3.48 | 138 | Giỏi |  |
| 2 | 22122412 | Nguyễn Thùy | Trang | 09/10/2004 | Nữ | 3.14 | 138 | Khá  |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|----------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 3   | 22120149 | Lê Như         | Quỳnh | 12/05/2004 | Nữ   | 3.35 | 138 | Giỏi     |           |
| 4   | 22122157 | Phạm Trịnh Mỹ  | Lê    | 26/06/2004 | Nữ   | 3.41 | 138 | Giỏi     |           |
| 5   | 22122213 | Nguyễn Thị Cẩm | Ngân  | 16/06/2004 | Nữ   | 3.02 | 140 | Khá      |           |
| 6   | 22122370 | Phan Vũ Minh   | Thư   | 05/01/2004 | Nữ   | 3.01 | 139 | Khá      |           |
| 7   | 22122201 | Nguyễn Ngọc    | My    | 19/03/2004 | Nữ   | 3.07 | 139 | Khá      |           |
| 8   | 22120008 | Lê Thị Vân     | Anh   | 07/06/2004 | Nữ   | 3.43 | 139 | Giỏi     |           |
| 9   | 22122343 | Lê Ngọc        | Thảo  | 23/03/2004 | Nữ   | 3.45 | 140 | Giỏi     |           |
| 10  | 22122474 | Phạm Võ Tường  | Vy    | 12/10/2004 | Nữ   | 3.39 | 138 | Giỏi     |           |
| 11  | 22122053 | Võ Nhật        | Đông  | 03/12/2004 | Nam  | 3.45 | 138 | Giỏi     |           |
| 12  | 22122156 | Đoàn Ngọc      | Lân   | 09/07/2004 | Nam  | 3.33 | 138 | Giỏi     |           |
| 13  | 22122132 | Phan Ngọc Anh  | Huy   | 20/02/2004 | Nam  | 3.20 | 138 | Giỏi     |           |

### DH22TM

|    |          |                   |        |            |     |      |     |          |  |
|----|----------|-------------------|--------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1  | 22122078 | Huỳnh Thị Thảo    | Hân    | 03/05/2004 | Nữ  | 2.92 | 138 | Khá      |  |
| 2  | 22122251 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi    | 01/10/2004 | Nữ  | 3.16 | 136 | Khá      |  |
| 3  | 22122221 | Hà Thị Bích       | Ngọc   | 10/08/2004 | Nữ  | 3.17 | 136 | Khá      |  |
| 4  | 22122262 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như    | 30/01/2004 | Nữ  | 2.93 | 137 | Khá      |  |
| 5  | 22122183 | Phạm Đỗ Khánh     | Ly     | 28/11/2004 | Nữ  | 3.52 | 137 | Giỏi     |  |
| 6  | 22122199 | Nguyễn Hoàng Trà  | My     | 10/10/2004 | Nữ  | 2.85 | 136 | Khá      |  |
| 7  | 22122134 | Lê Thị            | Huyền  | 27/04/2004 | Nữ  | 3.53 | 136 | Giỏi     |  |
| 8  | 22122203 | Nguyễn Thị Trà    | My     | 15/11/2004 | Nữ  | 3.67 | 136 | Xuất sắc |  |
| 9  | 22122293 | Phạm Ngọc Hoài    | Phương | 07/11/2004 | Nữ  | 3.26 | 138 | Giỏi     |  |
| 10 | 22122013 | Nguyễn Thị Kiều   | Anh    | 25/05/2004 | Nữ  | 3.53 | 138 | Giỏi     |  |
| 11 | 22122059 | Lê Khải           | Duy    | 10/10/2004 | Nam | 3.32 | 136 | Giỏi     |  |
| 12 | 22166005 | Bùi Thùy Ngọc     | Bích   | 02/05/2004 | Nữ  | 3.61 | 137 | Xuất sắc |  |
| 13 | 22122309 | Đường Thị Như     | Quỳnh  | 13/11/2004 | Nữ  | 2.95 | 136 | Khá      |  |
| 14 | 22122442 | Nguyễn Thị Mộng   | Tuyền  | 24/05/2004 | Nữ  | 3.26 | 138 | Giỏi     |  |
| 15 | 22122087 | Nguyễn Ngọc       | Hạnh   | 02/06/2004 | Nữ  | 3.13 | 136 | Khá      |  |
| 16 | 22122023 | Lê Minh           | Ánh    | 01/04/2004 | Nữ  | 3.71 | 136 | Xuất sắc |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 17  | 22122284 | Lương Thiên      | Phụng  | 17/08/2004 | Nữ   | 3.14 | 137 | Khá      |           |
| 18  | 22122441 | Nguyễn Tâm Thanh | Tuyền  | 19/06/2004 | Nữ   | 3.56 | 136 | Giỏi     |           |
| 19  | 22122379 | Hồ Thị           | Thúy   | 04/01/2004 | Nữ   | 2.98 | 137 | Khá      |           |
| 20  | 22122384 | Trương Thị Lệ    | Thùy   | 10/12/2004 | Nữ   | 3.33 | 136 | Khá      |           |
| 21  | 22122073 | Tăng Đức Ngọc    | Hà     | 02/09/2004 | Nữ   | 3.81 | 136 | Xuất sắc |           |
| 22  | 22122301 | Lê Trần Anh      | Quyên  | 19/03/2004 | Nữ   | 3.02 | 136 | Khá      |           |
| 23  | 22122133 | Từ Trọng         | Huy    | 21/03/2004 | Nam  | 3.45 | 139 | Giỏi     |           |
| 24  | 22122434 | Nguyễn Quốc      | Tuấn   | 22/11/2004 | Nam  | 3.12 | 137 | Khá      |           |
| 25  | 22122051 | Nguyễn Thị       | Đông   | 10/02/2004 | Nữ   | 3.45 | 136 | Giỏi     |           |
| 26  | 22122024 | Thiên Nhật       | Bản    | 17/03/2004 | Nam  | 2.63 | 137 | Khá      |           |
| 27  | 22122105 | Lý Hồ Phương     | Hiệp   | 06/09/2004 | Nữ   | 3.88 | 137 | Xuất sắc |           |
| 28  | 22122185 | Đặng Xuân        | Mai    | 20/09/2004 | Nữ   | 2.81 | 137 | Khá      |           |
| 29  | 22122118 | Huỳnh Thị Ngọc   | Hồng   | 31/03/2003 | Nữ   | 3.50 | 139 | Giỏi     |           |
| 30  | 22122140 | Trần Duy         | Khánh  | 31/03/2002 | Nam  | 3.29 | 137 | Giỏi     |           |
| 31  | 22122122 | Trần Ánh         | Hồng   | 09/06/2004 | Nữ   | 3.45 | 137 | Giỏi     |           |
| 32  | 22122314 | Nguyễn Thị Trúc  | Quỳnh  | 29/08/2004 | Nữ   | 3.03 | 136 | Khá      |           |
| 33  | 22122158 | Trần Thị Mỹ      | Lệ     | 22/04/2004 | Nữ   | 3.69 | 136 | Xuất sắc |           |
| 34  | 22122258 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhu    | 03/09/1998 | Nữ   | 3.51 | 136 | Giỏi     |           |
| 35  | 22122189 | Nguyễn Thị Xuân  | Mai    | 27/12/2004 | Nữ   | 3.37 | 137 | Giỏi     |           |
| 36  | 22122407 | Lê Nguyễn Mai    | Trang  | 31/05/2004 | Nữ   | 2.92 | 136 | Khá      |           |
| 37  | 22122287 | Lê Nguyễn Mai    | Phương | 19/05/2004 | Nữ   | 3.59 | 136 | Giỏi     |           |

### Lâm nghiệp

#### DH16CB

|   |          |               |       |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 16115199 | Phạm Thị Ngọc | Tuyền | 05/07/1998 | Nữ | 2.77 | 135 | Khá |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|

#### DH21CB

|   |          |            |     |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|------------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21115071 | Trương Văn | Tài | 29/03/2003 | Nam | 2.60 | 159 | Khá |  |
|---|----------|------------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|

#### DH21GB

|   |          |          |      |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|----------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21115226 | Tăng Văn | Tiến | 23/12/2003 | Nam | 2.54 | 158 | Khá |  |
|---|----------|----------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 2             | 21115120 | Nguyễn Quốc       | Bảo   | 23/07/2003 | Nam  | 3.13 | 158 | Khá      |           |
| 3             | 21115216 | Nguyễn Kiều Hoàng | Thư   | 09/06/2003 | Nữ   | 2.70 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH21LD</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 21165023 | Nguyễn Ngọc Tuyết | Oanh  | 13/09/2003 | Nữ   | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH21LN</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 21114015 | Vũ Trần Hoài      | An    | 02/09/2003 | Nữ   | 2.71 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH21QR</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 21164044 | Lê Minh           | Quân  | 30/04/2003 | Nam  | 2.78 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH22CB</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22115088 | Phan Văn          | Vũ    | 31/05/2004 | Nam  | 3.22 | 159 | Giỏi     |           |
| 2             | 22115020 | Phan Đặng Phương  | Giang | 09/02/2004 | Nữ   | 2.93 | 159 | Khá      |           |
| 3             | 22115074 | Hoàng Thị Cẩm     | Tiên  | 14/01/2004 | Nữ   | 2.94 | 159 | Khá      |           |
| 4             | 22115086 | Hoàng Quốc        | Việt  | 09/11/2004 | Nam  | 3.06 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH22GB</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22115073 | Nguyễn Hồ         | Thúy  | 26/09/2004 | Nữ   | 3.05 | 158 | Khá      |           |
| 2             | 22115012 | Đinh Thị Phương   | Dung  | 23/01/2004 | Nữ   | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 3             | 22115069 | Nguyễn Hồ Anh     | Thư   | 10/04/2004 | Nữ   | 3.28 | 158 | Giỏi     |           |
| 4             | 22115080 | Phan Thị Mỹ       | Trinh | 20/01/2004 | Nữ   | 3.11 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22115050 | Cao Minh          | Nhật  | 03/11/2004 | Nam  | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22GN</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22115008 | Huỳnh Lê Tấn      | Đạt   | 15/01/2004 | Nam  | 3.34 | 158 | Giỏi     |           |
| 2             | 22115023 | Vũ Thị Thu        | Hằng  | 08/12/2004 | Nữ   | 3.29 | 158 | Giỏi     |           |
| 3             | 22115067 | Huỳnh Lê          | Thom  | 05/07/2004 | Nữ   | 3.58 | 158 | Giỏi     |           |
| 4             | 22115066 | Lê Ngọc           | Thoại | 07/12/2004 | Nam  | 3.16 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22115026 | Đỗ Văn            | Hiếu  | 23/12/2004 | Nam  | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| 6             | 22115065 | Trần Anh          | Thiện | 24/02/2004 | Nam  | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| 7             | 22115075 | Nguyễn Huỳnh Yến  | Tiên  | 15/11/2004 | Nữ   | 3.52 | 158 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT                             | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------------------------------|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 8                               | 22115085 | Nguyễn Khả      | Vi    | 04/11/2004 | Nữ   | 3.18 | 158 | Khá        |           |
| 9                               | 22115024 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh  | 25/04/2004 | Nữ   | 3.83 | 158 | Xuất sắc   |           |
| 10                              | 22115049 | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | 01/07/2004 | Nữ   | 3.28 | 158 | Giỏi       |           |
| 11                              | 22164022 | Lê Thái Tường   | Vy    | 16/09/2004 | Nữ   | 3.34 | 158 | Giỏi       |           |
| 12                              | 22115081 | Nguyễn Thị Mai  | Trúc  | 15/07/2004 | Nữ   | 3.24 | 158 | Giỏi       |           |
| 13                              | 22115072 | Nguyễn Thị Mai  | Thuy  | 19/07/2004 | Nữ   | 3.63 | 158 | Xuất sắc   |           |
| <b>DH22LD</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 22165008 | Lê Văn Tuấn     | Kiệt  | 16/08/2004 | Nam  | 3.24 | 159 | Giỏi       |           |
| 2                               | 22165004 | Phan Thị Thùy   | Dung  | 14/07/2004 | Nữ   | 3.80 | 160 | Xuất sắc   |           |
| <b>DH22LN</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 22114025 | Đoàn Thị Bích   | Trông | 22/02/2004 | Nữ   | 3.01 | 159 | Khá        |           |
| 2                               | 22114030 | Nguyễn Trúc     | Linh  | 09/08/2004 | Nữ   | 3.02 | 159 | Khá        |           |
| <b>Môi trường và Tài nguyên</b> |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| <b>DH17ES</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 17163082 | Nguyễn Tường    | Vân   | 20/12/1999 | Nữ   | 2.42 | 138 | Trung bình |           |
| <b>DH17QM</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 17149184 | Nguyễn Minh     | Trúc  | 02/09/1999 | Nam  | 2.58 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH18MT</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 18127001 | Lê Thành        | An    | 27/01/2000 | Nam  | 2.50 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH18TK</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 18131009 | Nguyễn Ngọc     | Duy   | 23/10/2000 | Nam  | 2.85 | 137 | Khá        |           |
| <b>DH19ES</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 19163034 | Hoàng Trần Tố   | Quyên | 03/12/2001 | Nữ   | 2.77 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH19MT</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 19127023 | Nguyễn Thị Ngọc | Minh  | 17/04/2001 | Nữ   | 2.63 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH19TK</b>                   |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                               | 19131036 | Nguyễn Sỹ       | Phú   | 15/11/2001 | Nam  | 3.14 | 137 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV        |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------------|----------|---------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 2             | 19131046 | Hoàng Đức           | Thắng  | 12/02/2001 | Nam  | 3.01 | 137 | Khá        |           |
| <b>DH20ES</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 20163098 | Tô Thị Trà          | My     | 01/03/2002 | Nữ   | 2.46 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH20MT</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 20127095 | Hoàng Đình          | Bình   | 22/03/2002 | Nam  | 2.83 | 158 | Khá        |           |
| 2             | 20127114 | Ngô Thị Thúy        | Kiều   | 06/08/2002 | Nữ   | 2.65 | 158 | Khá        |           |
| 3             | 20127145 | Lý Châu Gia         | Thuận  | 17/05/2002 | Nam  | 2.30 | 158 | Trung bình |           |
| 4             | 20127094 | Nguyễn Dương Nữ Vân | Anh    | 11/07/2002 | Nữ   | 3.00 | 158 | Khá        |           |
| 5             | 20127006 | Nguyễn Tấn          | Đạt    | 15/01/2002 | Nam  | 2.54 | 159 | Khá        |           |
| <b>DH21DL</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21157078 | Nguyễn Thị Ngọc     | Mai    | 05/12/2003 | Nữ   | 3.07 | 159 | Khá        |           |
| 2             | 21157116 | Đinh Thị Thùy       | Trang  | 09/09/2003 | Nữ   | 2.68 | 159 | Khá        |           |
| 3             | 21157111 | Phan Hoàng Mỹ       | Trâm   | 18/01/2003 | Nữ   | 2.73 | 160 | Khá        |           |
| 4             | 21157046 | Võ Phan Nhật        | Ánh    | 26/06/2003 | Nữ   | 2.85 | 160 | Khá        |           |
| <b>DH21ES</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21163105 | Châu Như            | Quỳnh  | 22/09/2003 | Nữ   | 2.77 | 158 | Khá        |           |
| 2             | 21163099 | Lâm Mỹ              | Nhung  | 16/04/2003 | Nữ   | 2.64 | 158 | Khá        |           |
| 3             | 21163081 | Đào Mạnh            | Khang  | 22/08/2003 | Nam  | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 4             | 21163095 | Võ Nguyễn Phương    | Nhi    | 04/06/2003 | Nữ   | 2.77 | 159 | Khá        |           |
| 5             | 21163076 | Nguyễn Vũ Thái      | Hiền   | 18/04/2003 | Nữ   | 2.87 | 158 | Khá        |           |
| 6             | 21163061 | Phạm Thị Thu        | Yến    | 23/03/2003 | Nữ   | 2.80 | 159 | Khá        |           |
| <b>DH21HM</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21166081 | Lê Gia              | Tín    | 19/11/2003 | Nam  | 2.79 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH21MT</b> |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21127139 | Lê Thị Minh         | Phương | 17/04/2003 | Nữ   | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 2             | 21127067 | Nguyễn Phan Trang   | Uyên   | 16/12/2003 | Nữ   | 2.57 | 158 | Khá        |           |
| 3             | 21127027 | Nguyễn Thị Trúc     | Linh   | 01/05/2003 | Nữ   | 2.96 | 158 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 4             | 21127022 | Đặng Thị Thúy    | Kiều   | 23/01/2003 | Nữ   | 3.09 | 159 | Khá        |           |
| 5             | 21127098 | Nguyễn Văn Vũ    | Hung   | 13/09/2003 | Nam  | 2.85 | 158 | Khá        |           |
| 6             | 21127089 | Hoàng Thuỳ Lệ    | Đon    | 18/08/2003 | Nữ   | 3.30 | 158 | Giỏi       |           |
| 7             | 21127146 | Nguyễn Thái      | Son    | 21/10/2003 | Nam  | 2.58 | 158 | Khá        |           |
| 8             | 21127124 | Nguyễn An Bảo    | Ngọc   | 10/01/2003 | Nữ   | 2.76 | 158 | Khá        |           |
| 9             | 21127095 | Nguyễn           | Hoàng  | 22/11/2003 | Nam  | 2.30 | 158 | Trung bình |           |
| <b>DH21QM</b> |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 21149306 | Đỗ Thị Thảo      | Vân    | 01/01/2002 | Nữ   | 2.78 | 159 | Khá        |           |
| 2             | 21149120 | Vũ Ngọc          | Ánh    | 07/09/2003 | Nữ   | 2.95 | 159 | Khá        |           |
| 3             | 21149097 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc   | 29/08/2003 | Nữ   | 2.38 | 158 | Trung bình |           |
| 4             | 21149304 | Nguyễn Thị Tổ    | Uyên   | 11/04/2003 | Nữ   | 2.54 | 159 | Khá        |           |
| 5             | 21149229 | Đỗ Xuân          | Phát   | 04/12/2003 | Nam  | 2.50 | 159 | Khá        |           |
| <b>DH22DL</b> |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 22157018 | Nguyễn Thanh     | Hoài   | 04/12/2004 | Nữ   | 2.86 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH22ES</b> |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 22163014 | Dương Yến        | Ngọc   | 29/03/2004 | Nữ   | 3.16 | 159 | Khá        |           |
| 2             | 22163008 | Đặng Hữu Hồng    | Hương  | 04/06/2004 | Nữ   | 2.94 | 159 | Khá        |           |
| 3             | 22163006 | Phạm Ngọc Thụy   | Du     | 06/05/2004 | Nữ   | 2.97 | 159 | Khá        |           |
| <b>DH22HM</b> |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1             | 22166006 | Lê Văn           | Chương | 18/12/2004 | Nam  | 3.30 | 160 | Giỏi       |           |
| 2             | 22166033 | Lê Ngọc Anh      | Khoa   | 05/09/2004 | Nam  | 3.20 | 160 | Giỏi       |           |
| 3             | 22166018 | Nguyễn Thanh     | Giang  | 14/06/2004 | Nam  | 3.71 | 161 | Xuất sắc   |           |
| 4             | 22166055 | Nguyễn Lê Du     | Na     | 21/11/2004 | Nữ   | 3.23 | 160 | Giỏi       |           |
| 5             | 22166088 | Phan Thị Quỳnh   | Trang  | 09/03/2004 | Nữ   | 3.11 | 161 | Khá        |           |
| 6             | 22166017 | Nguyễn Hoàng     | Giang  | 09/08/2004 | Nam  | 3.82 | 161 | Xuất sắc   |           |
| 7             | 22166074 | Phan Nguyễn Như  | Quỳnh  | 08/07/2004 | Nữ   | 3.30 | 161 | Giỏi       |           |
| 8             | 22166061 | Trần Thị Như     | Ngọc   | 26/07/2004 | Nữ   | 3.84 | 160 | Xuất sắc   |           |
| 9             | 22166024 | Lê Đặng Ngọc     | Hiếu   | 05/01/2004 | Nữ   | 3.31 | 160 | Giỏi       |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 10  | 22166101 | Nguyễn Thị Mỹ    | Uyên   | 16/05/2004 | Nữ   | 3.36 | 161 | Giỏi     |           |
| 11  | 22166053 | Phan Anh Nhật    | Minh   | 20/01/2004 | Nam  | 2.56 | 159 | Khá      |           |
| 12  | 22166067 | Lê Quỳnh         | Như    | 23/02/2003 | Nữ   | 3.27 | 160 | Giỏi     |           |
| 13  | 22166032 | Ngô Ngọc         | Khánh  | 03/03/2004 | Nam  | 3.40 | 160 | Giỏi     |           |
| 14  | 22166025 | Bùi Phụ Minh     | Hòa    | 03/12/2004 | Nam  | 3.10 | 160 | Khá      |           |
| 15  | 22166092 | Nguyễn Nhã       | Trúc   | 20/09/2004 | Nữ   | 3.10 | 160 | Khá      |           |
| 16  | 22166059 | Nguyễn Thị       | Ngọc   | 19/03/2004 | Nữ   | 3.38 | 160 | Giỏi     |           |
| 17  | 22166022 | Nguyễn Trần Thu  | Hằng   | 13/07/2004 | Nữ   | 3.33 | 161 | Giỏi     |           |
| 18  | 22166091 | Nguyễn Đức       | Trọng  | 30/01/2004 | Nam  | 2.95 | 161 | Khá      |           |
| 19  | 22166105 | Trần Sang        | Xuân   | 22/01/2004 | Nam  | 3.11 | 160 | Khá      |           |
| 20  | 22166009 | Dương Văn        | Đức    | 28/03/2004 | Nam  | 3.19 | 160 | Khá      |           |
| 21  | 22166102 | Đinh Trúc        | Vân    | 20/01/2004 | Nữ   | 2.76 | 161 | Khá      |           |
| 22  | 22166106 | Võ Thị Như       | Ý      | 21/08/2004 | Nữ   | 2.95 | 161 | Khá      |           |
| 23  | 22166087 | Nguyễn Ái        | Trân   | 11/08/2004 | Nữ   | 3.53 | 161 | Giỏi     |           |
| 24  | 22166099 | Hồ Mạnh          | Tường  | 03/01/2004 | Nam  | 3.69 | 160 | Xuất sắc |           |
| 25  | 22166050 | Trương Thị Hoa   | Lý     | 09/08/2004 | Nữ   | 2.82 | 160 | Khá      |           |
| 26  | 22166049 | Nguyễn Thị Khánh | Ly     | 20/12/2004 | Nữ   | 3.29 | 160 | Giỏi     |           |
| 27  | 22166012 | Phạm Khắc        | Duy    | 28/02/2004 | Nam  | 2.94 | 161 | Khá      |           |
| 28  | 22166023 | Phùng Tô         | Hào    | 23/12/2004 | Nam  | 2.99 | 161 | Khá      |           |
| 29  | 22166036 | Nguyễn Duy       | Kiệt   | 05/07/2004 | Nam  | 3.12 | 161 | Khá      |           |
| 30  | 22166060 | Nguyễn Thị Bảo   | Ngọc   | 01/06/2004 | Nữ   | 3.60 | 161 | Xuất sắc |           |
| 31  | 22166008 | Vũ Hoàng         | Đạt    | 29/01/2004 | Nam  | 3.15 | 161 | Khá      |           |
| 32  | 22166084 | Nguyễn Nhựt      | Tiến   | 17/09/2004 | Nam  | 3.10 | 160 | Khá      |           |
| 33  | 22166093 | Hồ Võ Minh       | Trường | 14/09/2004 | Nam  | 3.01 | 160 | Khá      |           |
| 34  | 22166095 | Trần Xuân        | Trường | 11/07/2004 | Nam  | 3.19 | 161 | Khá      |           |
| 35  | 22166065 | Nguyễn Quỳnh     | Nhi    | 17/04/2004 | Nữ   | 3.46 | 160 | Giỏi     |           |
| 36  | 22166103 | Trần Dương       | Vinh   | 08/08/2004 | Nam  | 2.87 | 161 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|----------|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH22LA   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 22133004 | Trần Thị Ngân    | Giang | 02/09/2004 | Nữ   | 3.31 | 158 | Giỏi     |           |
| 2        | 22133020 | Nguyễn Ngọc Anh  | Thư   | 08/11/2004 | Nữ   | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 3        | 22133022 | Phan Dũ          | Thuận | 04/01/2004 | Nam  | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 4        | 22133009 | Đình Quỳnh       | Mai   | 10/02/2004 | Nữ   | 3.30 | 158 | Giỏi     |           |
| 5        | 22133028 | Bùi Nguyễn Huỳnh | Yến   | 17/01/2004 | Nữ   | 3.50 | 158 | Giỏi     |           |
| DH22MT   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 22127013 | Võ Trúc          | Linh  | 22/02/2004 | Nữ   | 3.15 | 159 | Khá      |           |
| 2        | 22127027 | Trần Thị Khánh   | Tiên  | 17/10/2004 | Nữ   | 2.81 | 159 | Khá      |           |
| 3        | 22127029 | Đặng Ngọc Bảo    | Trâm  | 23/05/2004 | Nữ   | 3.05 | 159 | Khá      |           |
| 4        | 22127012 | Lê Phan Huyền    | Linh  | 29/10/2004 | Nữ   | 2.95 | 159 | Khá      |           |
| 5        | 22127035 | Võ Thị Cẩm       | Tú    | 15/12/2004 | Nữ   | 2.99 | 159 | Khá      |           |
| DH22QM   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 22149041 | Nguyễn Thị Trúc  | My    | 18/09/2004 | Nữ   | 3.16 | 159 | Khá      |           |
| 2        | 22149091 | Phạm Ngọc Yên    | Trình | 20/09/2004 | Nữ   | 3.24 | 159 | Giỏi     |           |
| 3        | 22149054 | Trần Thị Tuyết   | Như   | 25/03/2004 | Nữ   | 3.67 | 159 | Xuất sắc |           |
| 4        | 22149034 | Đỗ Đình          | Lâm   | 16/01/2004 | Nam  | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| 5        | 22149088 | Võ Nguyễn Minh   | Trí   | 05/12/2004 | Nam  | 2.99 | 159 | Khá      |           |
| 6        | 22149081 | Phan Ngọc        | Tiền  | 16/12/2004 | Nam  | 3.25 | 159 | Giỏi     |           |
| 7        | 22149083 | Đỗ Thị Kim       | Tình  | 14/01/2004 | Nữ   | 3.30 | 159 | Giỏi     |           |
| 8        | 22149018 | Nguyễn Thanh     | Hằng  | 06/10/2004 | Nữ   | 3.10 | 159 | Khá      |           |
| 9        | 22149080 | Ngô Trần Thành   | Tiến  | 29/11/2004 | Nam  | 3.19 | 159 | Khá      |           |
| Nông học |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| DH15BV   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 15145071 | Võ Thanh         | Thảo  | 02/04/1997 | Nam  | 3.11 | 132 | Khá      |           |
| DH16BV   |          |                  |       |            |      |      |     |          |           |
| 1        | 16145293 | Hoàng Thị Ngọc   | Kiều  | 21/11/1997 | Nữ   | 2.78 | 132 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT     | Mã SV    | Họ và tên SV         |            | Ngày sinh | Phái | ĐTB | TC         | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------|----------|----------------------|------------|-----------|------|-----|------------|----------|-----------|
| DH19NHA |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 19113166 | Nguyễn Minh Trí      | 28/08/2001 | Nam       | 2.89 | 136 | Khá        |          |           |
| 2       | 19113300 | Nguyễn Quang Huy     | 12/07/2000 | Nam       | 3.14 | 138 | Khá        |          |           |
| DH20BV  |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 20145121 | Đỗ Hồng Khanh        | 14/09/2002 | Nam       | 2.85 | 158 | Khá        |          |           |
| DH20NHB |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 20113300 | Võ Văn Nhân          | 14/07/2002 | Nam       | 2.49 | 158 | Trung bình |          |           |
| DH21BVA |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 21145160 | Huỳnh Ngọc Lâm       | 01/08/2003 | Nam       | 2.16 | 158 | Trung bình |          |           |
| 2       | 21145157 | Lê Thị Bảo Khanh     | 08/01/2003 | Nữ        | 2.69 | 158 | Khá        |          |           |
| 3       | 21145032 | Giăng Minh Kha       | 23/12/2003 | Nam       | 2.51 | 158 | Khá        |          |           |
| 4       | 21145141 | Nguyễn Thị Cẩm Hà    | 08/09/2003 | Nữ        | 2.99 | 158 | Khá        |          |           |
| DH21BVB |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 21145185 | Đoàn Hữu Phi         | 02/12/2003 | Nam       | 2.83 | 158 | Khá        |          |           |
| 2       | 21145226 | Đặng Thành Trung     | 26/05/2003 | Nam       | 2.22 | 158 | Trung bình |          |           |
| 3       | 21145178 | Huỳnh Thanh Nhân     | 16/02/2003 | Nam       | 2.91 | 158 | Khá        |          |           |
| DH21NHA |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 21113022 | Lý Thị Mỹ Hoa        | 08/01/2003 | Nữ        | 2.88 | 158 | Khá        |          |           |
| DH21NHC |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 21113275 | Trần Mạnh Quốc       | 19/08/2003 | Nam       | 2.51 | 158 | Khá        |          |           |
| DH22BVA |          |                      |            |           |      |     |            |          |           |
| 1       | 22145017 | Bùi Bá Duy           | 02/06/2004 | Nam       | 3.23 | 158 | Giỏi       |          |           |
| 2       | 22145012 | Nguyễn Hải Đăng      | 13/02/2004 | Nam       | 3.71 | 158 | Xuất sắc   |          |           |
| 3       | 22145048 | Nguyễn Thị Tuyết Nhi | 24/09/2004 | Nữ        | 3.04 | 158 | Khá        |          |           |
| 4       | 22145009 | Lượng Trường Chinh   | 19/05/2004 | Nam       | 3.67 | 158 | Xuất sắc   |          |           |
| 5       | 22145010 | Nguyễn Hữu Có        | 04/02/2004 | Nam       | 3.26 | 158 | Giỏi       |          |           |
| 6       | 22145020 | Nguyễn Lâm Gia Hân   | 19/09/2004 | Nữ        | 3.39 | 158 | Giỏi       |          |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT             | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----------------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 7               | 22145039 | Huỳnh Ngọc       | Ngân   | 09/01/2004 | Nữ   | 3.50 | 158 | Giỏi     |           |
| 8               | 22145029 | Nguyễn Tuấn      | Kiệt   | 12/11/2004 | Nam  | 3.62 | 158 | Xuất sắc |           |
| <b>DH22BVB</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |          |           |
| 1               | 22145067 | Nguyễn Lê Nhật   | Thái   | 10/10/2004 | Nam  | 3.39 | 158 | Giỏi     |           |
| 2               | 22145060 | Dương Cao Tuấn   | Sơn    | 12/10/2004 | Nam  | 3.40 | 158 | Giỏi     |           |
| 3               | 22145050 | Nguyễn Thị Kim   | Oanh   | 16/02/2004 | Nữ   | 3.56 | 158 | Giỏi     |           |
| 4               | 22145054 | Phạm Thiên       | Phú    | 24/02/2004 | Nam  | 3.37 | 158 | Giỏi     |           |
| <b>DH22NHA</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |          |           |
| 1               | 22113008 | Nguyễn Ngọc Minh | Châu   | 08/09/2004 | Nữ   | 3.63 | 158 | Xuất sắc |           |
| 2               | 22113020 | Lê Ngọc          | Giàu   | 14/12/2004 | Nữ   | 2.89 | 158 | Khá      |           |
| 3               | 22113025 | Kiều Xuân        | Hoàng  | 09/01/2004 | Nam  | 2.99 | 158 | Khá      |           |
| 4               | 22113014 | Lê Nguyễn Trường | Duy    | 04/01/2004 | Nam  | 2.89 | 158 | Khá      |           |
| 5               | 22113019 | Phạm Hoàng       | Dỹ     | 26/06/2004 | Nam  | 3.26 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22NHB</b>  |          |                  |        |            |      |      |     |          |           |
| 1               | 22113079 | Lý Kim           | Thoa   | 04/05/2004 | Nữ   | 3.17 | 158 | Khá      |           |
| 2               | 22113050 | Phạm Kim         | Ngân   | 07/01/2004 | Nữ   | 3.33 | 158 | Giỏi     |           |
| 3               | 22113088 | Nguyễn Bảo       | Trân   | 16/12/2004 | Nữ   | 3.27 | 158 | Giỏi     |           |
| 4               | 22113047 | Phạm Diễm        | My     | 29/09/2004 | Nữ   | 3.33 | 158 | Giỏi     |           |
| 5               | 22113072 | Nguyễn Văn       | Tài    | 13/12/2004 | Nam  | 3.18 | 158 | Khá      |           |
| 6               | 22113082 | Đỗ Thị           | Thương | 06/09/2004 | Nữ   | 3.84 | 158 | Xuất sắc |           |
| 7               | 22113062 | Huỳnh Lê         | Phúc   | 17/09/2004 | Nam  | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 8               | 22113053 | Huỳnh Văn        | Nghĩa  | 03/08/2004 | Nam  | 3.56 | 158 | Giỏi     |           |
| 9               | 22113045 | Đặng Thanh       | Mai    | 17/06/2004 | Nữ   | 3.29 | 158 | Giỏi     |           |
| 10              | 22113067 | Trần Thị Kim     | Quyên  | 17/10/2004 | Nữ   | 3.11 | 158 | Khá      |           |
| <b>TC20NHDN</b> |          |                  |        |            |      |      |     |          |           |
| 1               | 20213020 | Nguyễn Văn       | Tài    | 12/09/1996 | Nam  | 2.95 | 150 | Khá      |           |
| 2               | 20213036 | Nguyễn Tấn       | An     | 27/05/1987 | Nam  | 3.16 | 150 | Khá      |           |
| 3               | 20213040 | Nguyễn Đức       | Hạnh   | 26/10/1984 | Nam  | 3.09 | 150 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT                        | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------------------------|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 4                          | 20213038 | Trần Ngọc        | Diệp  | 23/01/1986 | Nam  | 3.08 | 150 | Khá        |           |
| 5                          | 20213068 | Nguyễn Quang     | Trực  | 19/08/1985 | Nam  | 2.90 | 150 | Khá        |           |
| <b>Ngoại ngữ - Sư phạm</b> |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| <b>DH19AV</b>              |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 19128124 | Nguyễn Minh      | Nhật  | 17/01/2001 | Nam  | 2.58 | 136 | Khá        |           |
| 2                          | 19128125 | Trương Quang     | Nhật  | 26/11/1999 | Nam  | 2.84 | 136 | Khá        |           |
| 3                          | 19128131 | Phan Tấn         | Phong | 13/08/2001 | Nam  | 2.62 | 137 | Khá        |           |
| <b>DH20AV</b>              |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 20128166 | Lê Tấn           | Dũng  | 12/06/2002 | Nam  | 2.89 | 137 | Khá        |           |
| 2                          | 20128121 | Lê Bảo           | Ngọc  | 23/11/2002 | Nữ   | 2.76 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH21AV</b>              |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 21128089 | Trần Thị Kim     | Ngân  | 13/05/2003 | Nữ   | 2.86 | 136 | Khá        |           |
| 2                          | 21128217 | Nguyễn Hải       | Đăng  | 03/12/2003 | Nam  | 2.80 | 136 | Khá        |           |
| 3                          | 21128274 | Nguyễn Thục Tĩnh | Xuyên | 15/10/2003 | Nữ   | 2.41 | 136 | Trung bình |           |
| 4                          | 21128046 | Trần Thanh Ngọc  | Hiền  | 07/06/2003 | Nữ   | 2.32 | 136 | Trung bình |           |
| 5                          | 21128271 | Hoàng Quốc       | Tuấn  | 28/01/2003 | Nam  | 3.03 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH21AVNT</b>            |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 21128282 | Ngô Quốc         | Duy   | 25/06/2003 | Nam  | 2.79 | 136 | Khá        |           |
| 2                          | 21128299 | Võ Hoàng Phương  | Như   | 22/07/2002 | Nữ   | 2.48 | 136 | Trung bình |           |
| 3                          | 21128284 | Nguyễn Nhật Anh  | Thư   | 25/09/2003 | Nữ   | 2.52 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH21SP</b>              |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 21132054 | Thái Thanh       | Phước | 16/03/2003 | Nam  | 2.36 | 136 | Trung bình |           |
| 2                          | 21132030 | Võ Nguyễn Khánh  | Duy   | 21/09/2003 | Nam  | 2.74 | 136 | Khá        |           |
| <b>DH22AV</b>              |          |                  |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 22128241 | Đỗ Ngọc Phương   | Vy    | 16/11/2004 | Nữ   | 3.03 | 136 | Khá        |           |
| 2                          | 22128013 | Nguyễn Nhật Lan  | Anh   | 04/11/2004 | Nữ   | 2.75 | 136 | Khá        |           |
| 3                          | 22128167 | Nguyễn Thị Hồng  | Thắm  | 11/09/2004 | Nữ   | 2.94 | 136 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV        |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|---------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 4   | 22128097 | Nguyễn Ngọc Quỳnh   | Mai    | 07/11/2004 | Nữ   | 2.94 | 136 | Khá      |           |
| 5   | 22128203 | Huỳnh Ngọc Quế      | Trần   | 17/07/2004 | Nữ   | 2.94 | 136 | Khá      |           |
| 6   | 22128215 | Phạm Lê Nguyên      | Trình  | 14/07/2004 | Nữ   | 3.58 | 136 | Giỏi     |           |
| 7   | 22128175 | Nguyễn Ngọc Phương  | Thảo   | 21/10/2004 | Nữ   | 3.34 | 136 | Giỏi     |           |
| 8   | 22128064 | Lê Thị Hồng         | Hương  | 08/02/2004 | Nữ   | 3.52 | 136 | Giỏi     |           |
| 9   | 22128054 | Trần Thu            | Hoài   | 22/07/2004 | Nữ   | 3.15 | 136 | Khá      |           |
| 10  | 22128195 | Vũ Nguyễn Hoài      | Thương | 02/03/2004 | Nữ   | 2.61 | 136 | Khá      |           |
| 11  | 22128012 | Nguyễn Ngọc Phương  | Anh    | 01/01/2003 | Nữ   | 2.79 | 136 | Khá      |           |
| 12  | 22128053 | Nguyễn Ngọc Mai     | Hoa    | 19/01/2004 | Nữ   | 3.22 | 136 | Giỏi     |           |
| 13  | 22128089 | Ngô Triệu Yến       | Linh   | 17/05/2004 | Nữ   | 2.65 | 136 | Khá      |           |
| 14  | 22128197 | Hoàng Thị Hồng      | Thúy   | 16/10/2004 | Nữ   | 3.15 | 136 | Khá      |           |
| 15  | 22128111 | Ngô Nhật Uyên       | Nghi   | 03/06/2004 | Nữ   | 2.83 | 136 | Khá      |           |
| 16  | 22128049 | Vũ Thị Thanh        | Hiền   | 16/01/2001 | Nữ   | 3.45 | 136 | Giỏi     |           |
| 17  | 22128050 | Nguyễn Quang        | Hiếu   | 15/04/2004 | Nam  | 3.14 | 136 | Khá      |           |
| 18  | 22128117 | Nguyễn Thanh        | Ngọc   | 26/01/2004 | Nữ   | 2.98 | 136 | Khá      |           |
| 19  | 22128196 | Vũ Song             | Thương | 26/09/2003 | Nữ   | 2.76 | 136 | Khá      |           |
| 20  | 22128114 | Đào Thị Ánh         | Ngọc   | 12/02/2004 | Nữ   | 3.05 | 136 | Khá      |           |
| 21  | 22128104 | Hầu Tiểu            | My     | 20/01/2004 | Nữ   | 2.78 | 136 | Khá      |           |
| 22  | 22128181 | Nguyễn Hoàng        | Thiện  | 20/04/2004 | Nam  | 3.24 | 136 | Giỏi     |           |
| 23  | 22128033 | Phạm Nguyễn Việt    | Đức    | 19/05/2004 | Nam  | 3.21 | 136 | Giỏi     |           |
| 24  | 22128112 | Trần Gia            | Nghi   | 22/12/2004 | Nữ   | 2.94 | 136 | Khá      |           |
| 25  | 22128249 | Nguyễn Như          | Ý      | 10/03/2004 | Nữ   | 3.38 | 136 | Giỏi     |           |
| 26  | 22128218 | Nguyễn Trương Thanh | Trúc   | 23/10/2004 | Nữ   | 2.87 | 136 | Khá      |           |
| 27  | 22128088 | Lưu Thị Thu         | Linh   | 07/11/2004 | Nữ   | 2.89 | 136 | Khá      |           |
| 28  | 22128139 | Nguyễn Thị Cẩm      | Nhung  | 02/11/2004 | Nữ   | 2.52 | 136 | Khá      |           |
| 29  | 22128119 | Phạm Yến            | Ngọc   | 08/05/2004 | Nữ   | 3.04 | 136 | Khá      |           |
| 30  | 22128042 | Lê Phương           | Hân    | 12/04/2004 | Nữ   | 2.87 | 136 | Khá      |           |
| 31  | 22128189 | Phạm Minh           | Thư    | 19/04/2004 | Nữ   | 2.68 | 136 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 32  | 22128208 | Nguyễn Thị Thùy  | Trang | 28/01/2003 | Nữ   | 2.96 | 136 | Khá      |           |
| 33  | 22128133 | Nguyễn Hoàng Yến | Nhi   | 21/06/2004 | Nữ   | 2.84 | 136 | Khá      |           |

### DH22AVNT

|   |          |                |       |            |    |      |     |      |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|----|------|-----|------|--|
| 1 | 22128276 | Lê Hồng Vân    | Trinh | 21/09/2004 | Nữ | 3.51 | 136 | Giỏi |  |
| 2 | 22128264 | Huỳnh Đào Uyển | Nhi   | 16/08/2002 | Nữ | 3.35 | 136 | Giỏi |  |
| 3 | 22128258 | Đỗ Gia         | Hân   | 27/01/2004 | Nữ | 3.38 | 136 | Giỏi |  |
| 4 | 22128267 | Đặng Thị Nhung | Nhớ   | 18/07/2004 | Nữ | 2.54 | 136 | Khá  |  |

### Quản lý đất đai và Bất động sản

### DH20QL

|   |          |                |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 20124510 | Phan Thị Kim   | Tình  | 31/05/2002 | Nữ  | 2.56 | 158 | Khá        |  |
| 2 | 20124279 | Hồ Anh         | Đạt   | 10/09/2002 | Nam | 2.22 | 159 | Trung bình |  |
| 3 | 20124338 | Phạm Thị Minh  | Huyền | 29/03/2002 | Nữ  | 2.55 | 158 | Khá        |  |
| 4 | 20124481 | Bùi Phùng Phúc | Thịnh | 01/10/2002 | Nam | 2.35 | 158 | Trung bình |  |

### DH21DC

|   |          |                  |      |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|------------------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21124361 | Phạm Thị Siêu    | Hồng | 28/07/2003 | Nữ  | 3.05 | 159 | Khá |  |
| 2 | 21124296 | Trần Nguyễn Nhật | Anh  | 16/04/2003 | Nữ  | 3.05 | 159 | Khá |  |
| 3 | 21124379 | A - Bec          | Kham | 15/01/2003 | Nam | 2.86 | 159 | Khá |  |

### DH21QD

|   |          |                   |       |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21124129 | Bùi Hải           | Nam   | 24/11/2003 | Nam | 2.56 | 158 | Khá |  |
| 2 | 21124301 | Phạm Hoàng        | Bảo   | 16/10/2003 | Nam | 2.76 | 158 | Khá |  |
| 3 | 21124531 | Nguyễn Thị Tuyết  | Trinh | 30/03/2003 | Nữ  | 2.82 | 158 | Khá |  |
| 4 | 21124547 | Nguyễn Ngọc Tường | Vi    | 04/01/2003 | Nữ  | 3.11 | 158 | Khá |  |
| 5 | 21124332 | Lâm Quỳnh         | Giao  | 15/11/2002 | Nữ  | 2.50 | 158 | Khá |  |
| 6 | 21124396 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh  | 08/04/2003 | Nữ  | 2.58 | 158 | Khá |  |
| 7 | 21124430 | Nguyễn Trọng      | Nghĩa | 21/01/2003 | Nam | 2.76 | 158 | Khá |  |

### DH21QL

|   |          |                    |    |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|--------------------|----|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21124553 | Nguyễn Thảo Trường | Vy | 19/02/2003 | Nữ | 2.62 | 159 | Khá |  |
|---|----------|--------------------|----|------------|----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 2   | 21124453 | Bùi Trọng      | Phải  | 26/07/2003 | Nam  | 2.82 | 159 | Khá        |           |
| 3   | 21124489 | Đỗ Thụy Thu    | Thảo  | 26/02/2003 | Nữ   | 2.73 | 159 | Khá        |           |
| 4   | 21124335 | Lê Thị Thu     | Hà    | 29/06/2003 | Nữ   | 2.50 | 158 | Khá        |           |
| 5   | 21124095 | Trần Nhã Vân   | Khanh | 29/10/2003 | Nữ   | 2.71 | 158 | Khá        |           |
| 6   | 21124319 | Trần Phương    | Đông  | 09/01/2003 | Nam  | 2.46 | 159 | Trung bình |           |
| 7   | 21124372 | Trần Quang     | Huy   | 30/04/2003 | Nam  | 2.68 | 160 | Khá        |           |
| 8   | 21124025 | Phan Trần Hải  | Đăng  | 20/08/2003 | Nam  | 2.44 | 158 | Trung bình |           |
| 9   | 21124065 | Lưu Phúc       | Hậu   | 10/07/2003 | Nữ   | 3.23 | 159 | Giỏi       |           |
| 10  | 21124339 | Nguyễn Huynh   | Hải   | 30/11/2003 | Nam  | 2.74 | 159 | Khá        |           |
| 11  | 21124526 | Đỗ Thị Thùy    | Trang | 07/03/2003 | Nữ   | 2.76 | 158 | Khá        |           |
| 12  | 21124398 | Lê Thị Bích    | Loan  | 30/01/2003 | Nữ   | 2.90 | 158 | Khá        |           |
| 13  | 21124103 | Ngô Thái Hoàng | Kiệt  | 19/09/2003 | Nam  | 2.38 | 158 | Trung bình |           |
| 14  | 21124376 | Nguyễn Thị Hải | Huyền | 30/07/2003 | Nữ   | 2.52 | 158 | Khá        |           |

### DH21QLNT

|   |          |                 |      |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|-----------------|------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 21124579 | Nguyễn Trần Bảo | Vinh | 16/07/2003 | Nam | 2.44 | 158 | Trung bình |  |
|---|----------|-----------------|------|------------|-----|------|-----|------------|--|

### DH21TB

|    |          |                   |       |            |     |      |     |            |  |
|----|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1  | 21135354 | Trần Thị Thu      | Thanh | 24/02/2003 | Nữ  | 2.75 | 136 | Khá        |  |
| 2  | 21135023 | Nguyễn Thành      | Đạt   | 03/02/2003 | Nam | 2.65 | 137 | Khá        |  |
| 3  | 21135313 | Nguyễn Nhật Thanh | Ngân  | 15/06/2003 | Nữ  | 2.89 | 136 | Khá        |  |
| 4  | 21135027 | Đỗ Thùy           | Dương | 03/12/2003 | Nữ  | 3.08 | 137 | Khá        |  |
| 5  | 21135328 | Đoàn Phạm Quỳnh   | Như   | 30/04/2003 | Nữ  | 2.51 | 136 | Khá        |  |
| 6  | 21135244 | Nguyễn Thị Ngọc   | Anh   | 07/08/2003 | Nữ  | 3.31 | 137 | Giỏi       |  |
| 7  | 21135240 | Trần Hoài Phương  | An    | 10/10/2003 | Nữ  | 2.49 | 137 | Trung bình |  |
| 8  | 21135186 | Trần Ngọc Minh    | Thy   | 08/01/2003 | Nữ  | 2.46 | 137 | Trung bình |  |
| 9  | 21135112 | Nguyễn Quốc       | Nhật  | 30/11/2003 | Nam | 2.75 | 137 | Khá        |  |
| 10 | 20135040 | Lưu Yến           | Vy    | 03/01/2002 | Nữ  | 3.24 | 137 | Khá        |  |
| 11 | 21135260 | Lê Đình           | Dũng  | 28/07/2003 | Nam | 2.61 | 137 | Khá        |  |
| 12 | 21135254 | Nguyễn Trần Hiếu  | Đam   | 18/09/2003 | Nữ  | 2.76 | 137 | Khá        |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 13  | 21135295 | Lê Đăng Thị Huệ | Linh  | 24/03/2003 | Nữ   | 3.24 | 137 | Giỏi     |           |
| 14  | 21135037 | Phạm Thị Kim    | Giang | 01/07/2003 | Nữ   | 2.96 | 137 | Khá      |           |

### DH22DC

|   |          |                |       |            |     |      |     |      |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1 | 22124014 | Lê Quốc        | Bảo   | 07/12/2004 | Nam | 3.02 | 159 | Khá  |  |
| 2 | 22124035 | Mai Quang      | Dũng  | 20/05/2004 | Nam | 2.84 | 159 | Khá  |  |
| 3 | 22124081 | Phan Quốc      | Huy   | 28/05/2004 | Nam | 2.91 | 159 | Khá  |  |
| 4 | 22124022 | Huỳnh Thị Hồng | Đào   | 06/10/2004 | Nữ  | 2.80 | 158 | Khá  |  |
| 5 | 22124017 | Phạm Lê Thanh  | Bình  | 16/09/2004 | Nam | 2.95 | 159 | Khá  |  |
| 6 | 22124072 | Nguyễn Lê Tiến | Hung  | 19/08/2004 | Nam | 3.04 | 159 | Khá  |  |
| 7 | 22124135 | Lê Hữu         | Nghĩa | 26/08/2004 | Nam | 3.06 | 160 | Khá  |  |
| 8 | 22124037 | Lê Hoàng       | Duy   | 07/09/2004 | Nam | 3.20 | 159 | Giỏi |  |
| 9 | 22124200 | Võ Phát        | Thịnh | 23/04/2004 | Nam | 3.03 | 159 | Khá  |  |

### DH22QD

|    |          |                  |        |            |     |      |     |      |  |
|----|----------|------------------|--------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1  | 22124193 | Nguyễn Trung     | Thành  | 02/11/2004 | Nam | 2.84 | 158 | Khá  |  |
| 2  | 22124031 | Phan Thị Thùy    | Đoan   | 15/08/2004 | Nữ  | 3.29 | 158 | Giỏi |  |
| 3  | 22124054 | Trần Ngọc        | Hân    | 15/07/2004 | Nữ  | 2.90 | 158 | Khá  |  |
| 4  | 22124176 | Lưu Nhật         | Qui    | 16/04/2004 | Nam | 3.31 | 158 | Giỏi |  |
| 5  | 22124053 | Nguyễn Ngọc      | Hải    | 22/05/2004 | Nam | 3.51 | 158 | Giỏi |  |
| 6  | 22124019 | Mai Lan          | Chi    | 30/09/2004 | Nữ  | 3.24 | 158 | Giỏi |  |
| 7  | 22124074 | Nguyễn Thị Thanh | Hương  | 14/07/2004 | Nữ  | 3.33 | 158 | Giỏi |  |
| 8  | 22124064 | Diệp Ngọc        | Hiếu   | 12/10/2004 | Nam | 3.34 | 158 | Giỏi |  |
| 9  | 22124214 | Tạ Hoàng         | Tiến   | 14/09/2004 | Nam | 3.31 | 158 | Giỏi |  |
| 10 | 22124148 | Phan Thành       | Nhân   | 14/02/2004 | Nam | 2.85 | 158 | Khá  |  |
| 11 | 22124173 | Trần Thị Kim     | Phương | 09/04/2004 | Nữ  | 3.24 | 158 | Giỏi |  |

### DH22QL

|   |          |                   |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 22124223 | Cao Thị Huyền     | Trân  | 22/10/2004 | Nữ  | 2.76 | 158 | Khá        |  |
| 2 | 22124208 | Nguyễn Thị Phương | Thùy  | 17/03/2004 | Nữ  | 3.03 | 158 | Khá        |  |
| 3 | 22124192 | Nguyễn Phú        | Thành | 24/10/2004 | Nam | 2.41 | 160 | Trung bình |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 4   | 22124084 | Lâm Thị Ngọc     | Huỳnh  | 11/10/2004 | Nữ   | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 5   | 22124181 | Nguyễn Lê Trúc   | Quỳnh  | 28/08/2004 | Nữ   | 3.02 | 158 | Khá      |           |
| 6   | 22124210 | Nguyễn Thị Thùy  | Tiên   | 26/06/2004 | Nữ   | 3.25 | 158 | Giỏi     |           |
| 7   | 22124082 | Lê Thị Kim       | Huyền  | 01/05/2004 | Nữ   | 3.11 | 158 | Khá      |           |
| 8   | 22124070 | Phạm Thị Mỹ      | Huệ    | 18/06/2004 | Nữ   | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 9   | 22124156 | Đỗ Thị Cẩm       | Nhung  | 10/12/2004 | Nữ   | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 10  | 22124153 | Châu Ngọc Huỳnh  | Như    | 08/06/2004 | Nữ   | 2.92 | 158 | Khá      |           |
| 11  | 22124167 | Trần Hoàng       | Phúc   | 15/03/2003 | Nam  | 2.85 | 158 | Khá      |           |
| 12  | 22124097 | Nguyễn Thị Thanh | Kiều   | 29/09/2004 | Nữ   | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 13  | 22124068 | Nguyễn Thị Ngọc  | Hoài   | 15/10/2004 | Nữ   | 2.73 | 158 | Khá      |           |
| 14  | 22124251 | Nguyễn Hoàng     | Vũ     | 22/06/2004 | Nam  | 3.20 | 158 | Giỏi     |           |
| 15  | 22124145 | Đào Thúy         | Nguyên | 15/12/2004 | Nữ   | 2.91 | 158 | Khá      |           |
| 16  | 22124051 | Trần Ngọc        | Hà     | 26/09/2004 | Nữ   | 3.24 | 159 | Giỏi     |           |
| 17  | 22124211 | Vũ Thị Cẩm       | Tiên   | 02/03/2004 | Nữ   | 3.13 | 158 | Khá      |           |
| 18  | 22124011 | Phùng Xuân       | Anh    | 14/05/2004 | Nam  | 2.68 | 159 | Khá      |           |
| 19  | 22124205 | Võ Ngọc Anh      | Thư    | 25/12/2004 | Nữ   | 2.99 | 159 | Khá      |           |
| 20  | 22124230 | Lê Thị Anh       | Trí    | 25/06/2004 | Nữ   | 3.31 | 158 | Giỏi     |           |
| 21  | 22124073 | Dư Quế           | Hương  | 17/09/2004 | Nữ   | 3.23 | 158 | Giỏi     |           |
| 22  | 22124034 | Nguyễn Minh      | Đức    | 07/03/2004 | Nam  | 3.05 | 159 | Khá      |           |
| 23  | 22124129 | Lê Thị Kim       | Ngân   | 07/11/2004 | Nữ   | 3.20 | 158 | Giỏi     |           |
| 24  | 22124141 | Nguyễn Thị Hồng  | Ngọc   | 05/06/2004 | Nữ   | 2.99 | 158 | Khá      |           |
| 25  | 22124196 | Đặng Thị Thu     | Thảo   | 14/12/2004 | Nữ   | 2.98 | 159 | Khá      |           |
| 26  | 22124083 | Đỗ Thị Như       | Huỳnh  | 29/08/2004 | Nữ   | 2.78 | 158 | Khá      |           |
| 27  | 22124255 | Nguyễn Phạm Trúc | Vy     | 21/11/2004 | Nữ   | 3.37 | 158 | Giỏi     |           |
| 28  | 22124189 | Mai Lâm Trúc     | Thắm   | 26/05/2004 | Nữ   | 3.27 | 159 | Giỏi     |           |
| 29  | 22124180 | Nguyễn Đặng Mai  | Quỳnh  | 24/09/2004 | Nữ   | 3.56 | 158 | Giỏi     |           |
| 30  | 22124030 | Phạm Thị Thanh   | Diệu   | 22/02/2004 | Nữ   | 3.13 | 159 | Khá      |           |
| 31  | 22124197 | Đào Thị Vân      | Thảo   | 27/11/2004 | Nữ   | 3.15 | 159 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 32  | 22124164 | Võ Phi          | Phú    | 11/04/2004 | Nam  | 2.76 | 158 | Khá      |           |
| 33  | 22124151 | Lê Hạnh         | Nhi    | 26/09/2004 | Nữ   | 3.13 | 158 | Khá      |           |
| 34  | 22124001 | Nguyễn Hoài     | An     | 23/03/2004 | Nam  | 3.46 | 158 | Giỏi     |           |
| 35  | 22124232 | Châu Minh       | Triết  | 10/12/2004 | Nam  | 3.14 | 158 | Khá      |           |
| 36  | 22124093 | Huỳnh Duy       | Khuong | 10/02/2004 | Nam  | 2.97 | 159 | Khá      |           |
| 37  | 22124069 | Huỳnh Tấn       | Hoàng  | 19/12/2004 | Nam  | 3.12 | 159 | Khá      |           |
| 38  | 22135124 | Lê Thị Huyền    | Trâm   | 14/02/2004 | Nữ   | 3.12 | 159 | Khá      |           |
| 39  | 22124204 | Trần Thị Minh   | Thư    | 31/05/2004 | Nữ   | 3.19 | 158 | Khá      |           |
| 40  | 22124166 | Phạm Hoàng      | Phúc   | 19/04/2004 | Nam  | 2.75 | 158 | Khá      |           |
| 41  | 22124237 | Lý Nguyễn Minh  | Trường | 15/08/2004 | Nam  | 3.52 | 159 | Giỏi     |           |
| 42  | 22124160 | Lê Đại          | Phát   | 25/05/2004 | Nam  | 3.12 | 158 | Khá      |           |
| 43  | 22124004 | Trần Phước      | An     | 04/03/2004 | Nam  | 3.15 | 159 | Khá      |           |
| 44  | 22124106 | Phan Thị        | Linh   | 05/04/2004 | Nữ   | 3.05 | 158 | Khá      |           |
| 45  | 22124236 | Nguyễn Thế      | Trung  | 13/05/2004 | Nam  | 2.95 | 158 | Khá      |           |
| 46  | 22124057 | Trần Thị Thanh  | Hằng   | 07/05/2004 | Nữ   | 3.34 | 159 | Giỏi     |           |
| 47  | 22124122 | Nguyễn Hoàng    | Nam    | 08/03/2004 | Nam  | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 48  | 22124188 | Huỳnh Hữu       | Tấn    | 16/06/2004 | Nam  | 3.39 | 159 | Giỏi     |           |
| 49  | 22124059 | Nguyễn Ngô Hồng | Hậu    | 18/11/2004 | Nữ   | 3.07 | 158 | Khá      |           |
| 50  | 22124015 | Nguyễn Phạm Gia | Bảo    | 29/10/2004 | Nam  | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 51  | 22124203 | Trần Minh       | Thư    | 06/02/2004 | Nữ   | 3.43 | 159 | Giỏi     |           |
| 52  | 22124005 | Phạm Hồng       | Ân     | 26/05/2004 | Nam  | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| 53  | 22124100 | Nguyễn Thị Bạch | Lan    | 29/03/2004 | Nữ   | 3.09 | 158 | Khá      |           |
| 54  | 22124107 | Nguyễn Hồng     | Lĩnh   | 20/12/2004 | Nữ   | 2.97 | 158 | Khá      |           |
| 55  | 22124249 | Trương Quốc     | Việt   | 01/09/2004 | Nam  | 2.88 | 159 | Khá      |           |
| 56  | 22124206 | Đoàn Minh       | Thuận  | 16/03/2004 | Nam  | 2.91 | 158 | Khá      |           |
| 57  | 22124227 | Phạm Thị Huyền  | Trang  | 04/07/2004 | Nữ   | 2.80 | 159 | Khá      |           |
| 58  | 22124118 | Trần Gia        | Mẫn    | 19/05/2004 | Nữ   | 3.67 | 159 | Xuất sắc |           |
| 59  | 22124023 | Bùi Tấn         | Đạt    | 18/10/2004 | Nam  | 3.34 | 159 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 60  | 22124177 | Lê Thị Trúc       | Quyên  | 01/10/2004 | Nữ   | 2.84 | 158 | Khá      |           |
| 61  | 22124244 | Huỳnh Thị Mộng    | Tuyền  | 11/03/2004 | Nữ   | 3.48 | 158 | Giỏi     |           |
| 62  | 22124235 | Nguyễn Huỳnh Quốc | Trung  | 06/04/2004 | Nam  | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 63  | 22124174 | Nguyễn Văn        | Quân   | 15/02/2004 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá      |           |
| 64  | 22124178 | Nguyễn Thúy Nhật  | Quyên  | 17/07/2004 | Nữ   | 3.30 | 158 | Giỏi     |           |
| 65  | 22135080 | Trần Nguyễn Trọng | Nguyên | 03/01/2004 | Nam  | 2.74 | 159 | Khá      |           |
| 66  | 22124150 | Phan Anh          | Nhật   | 07/05/2004 | Nam  | 3.26 | 158 | Giỏi     |           |
| 67  | 22124220 | Lê Thị            | Trâm   | 27/05/2004 | Nữ   | 3.12 | 159 | Khá      |           |
| 68  | 22124207 | Bạch Ngọc         | Thùy   | 31/08/2004 | Nữ   | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| 69  | 22124045 | Phạm Thị Mỹ       | Duyên  | 05/09/2004 | Nữ   | 3.32 | 158 | Giỏi     |           |
| 70  | 22124152 | Nguyễn Thị Oanh   | Nhi    | 07/07/2004 | Nữ   | 2.71 | 158 | Khá      |           |

### DH22TB

|    |          |                   |        |            |     |      |     |      |  |
|----|----------|-------------------|--------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1  | 22135102 | Nguyễn Thị Phương | Sang   | 02/12/2004 | Nữ  | 3.30 | 137 | Giỏi |  |
| 2  | 22135058 | Đặng Phước        | Lộc    | 25/11/2004 | Nam | 3.30 | 138 | Giỏi |  |
| 3  | 22135079 | Phạm Hồ Ngọc      | Nguyên | 17/08/2004 | Nữ  | 3.00 | 137 | Khá  |  |
| 4  | 22135001 | Lưu Thị Nguyễn    | Ái     | 12/02/2004 | Nữ  | 3.03 | 136 | Khá  |  |
| 5  | 22135107 | Nguyễn Minh       | Thành  | 18/05/2004 | Nam | 2.92 | 137 | Khá  |  |
| 6  | 22135073 | Bùi Trung         | Nghĩa  | 05/10/2004 | Nam | 3.41 | 138 | Giỏi |  |
| 7  | 22135065 | Lê Thị Diễm       | My     | 01/01/2004 | Nữ  | 3.16 | 137 | Khá  |  |
| 8  | 22135092 | Châu Đại          | Phú    | 25/07/2004 | Nam | 3.20 | 137 | Giỏi |  |
| 9  | 22135121 | Đặng Thị Mỹ       | Tia    | 02/04/2004 | Nữ  | 2.82 | 137 | Khá  |  |
| 10 | 22135140 | Lê Ngọc Khánh     | Vy     | 08/04/2004 | Nữ  | 3.08 | 137 | Khá  |  |
| 11 | 22135091 | Nguyễn Thị Kim    | Oanh   | 17/05/2004 | Nữ  | 3.02 | 137 | Khá  |  |
| 12 | 22135122 | Phạm Hồng Thủy    | Tiên   | 10/06/2004 | Nữ  | 3.31 | 136 | Giỏi |  |
| 13 | 22135132 | Đặng Nhật         | Trường | 24/06/2004 | Nam | 3.51 | 137 | Giỏi |  |
| 14 | 22135059 | Trịnh Thị Diễm    | Lụa    | 25/07/2004 | Nữ  | 3.18 | 138 | Khá  |  |
| 15 | 22135057 | Phan Ngọc Phương  | Linh   | 30/11/2004 | Nữ  | 2.85 | 138 | Khá  |  |
| 16 | 22135016 | Trương Thành      | Công   | 06/08/2004 | Nam | 3.32 | 137 | Giỏi |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV   |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|----------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 17  | 22135090 | Trần Thanh     | Nhật  | 27/05/2004 | Nam  | 3.23 | 138 | Giỏi     |           |
| 18  | 22135060 | Nguyễn Thái    | Luân  | 18/02/2004 | Nam  | 2.98 | 138 | Khá      |           |
| 19  | 22135070 | Lê Thị Kim     | Ngân  | 21/05/2004 | Nữ   | 3.32 | 137 | Giỏi     |           |
| 20  | 22135045 | Trần Thị Diễm  | Hương | 20/12/2004 | Nữ   | 3.62 | 137 | Xuất sắc |           |
| 21  | 22135055 | Dương Thị Hồng | Lan   | 28/04/2004 | Nữ   | 2.98 | 136 | Khá      |           |
| 22  | 22135069 | Dương Thị Kim  | Ngân  | 16/02/2004 | Nữ   | 3.20 | 137 | Giỏi     |           |
| 23  | 22135112 | Phan Ngọc      | Thi   | 09/12/2004 | Nữ   | 2.76 | 137 | Khá      |           |

### Khoa học sinh học

#### DH19SHD

|   |          |         |     |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|---------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 19126300 | Lê Quốc | Bảo | 24/10/2001 | Nam | 2.71 | 136 | Khá |  |
|---|----------|---------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|

#### DH20SHA

|   |          |               |       |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 20126230 | Cao Thị Thanh | Giang | 01/11/2002 | Nữ  | 3.04 | 158 | Khá |  |
| 2 | 20126384 | Huỳnh Phước   | Toàn  | 06/11/2002 | Nam | 3.14 | 158 | Khá |  |
| 3 | 20126407 | Ngô Thúy      | Uyên  | 25/08/2002 | Nữ  | 2.51 | 158 | Khá |  |

#### DH20SHB

|   |          |               |      |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|---------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 20126282 | Võ Ngọc Hoàng | Lan  | 16/08/2002 | Nữ | 2.67 | 158 | Khá |  |
| 2 | 20126314 | Võ Thị Sông   | Ngân | 21/04/2002 | Nữ | 2.63 | 158 | Khá |  |

#### DH20SM

|   |          |               |      |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|---------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 20126275 | Ngô Thị Thiên | Kiều | 26/08/2002 | Nữ | 3.19 | 158 | Khá |  |
|---|----------|---------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|

#### DH21SHA

|   |          |                 |       |            |     |      |     |      |  |
|---|----------|-----------------|-------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1 | 21126505 | Ngô Thanh       | Thảo  | 28/03/2003 | Nữ  | 3.07 | 158 | Khá  |  |
| 2 | 21126270 | Phạm Nguyễn Vĩ  | Ân    | 11/08/2003 | Nam | 2.92 | 158 | Khá  |  |
| 3 | 21126266 | Lê Ngọc Tường   | An    | 01/04/2003 | Nữ  | 2.85 | 158 | Khá  |  |
| 4 | 21126282 | Phan Thanh      | Bạch  | 10/04/2003 | Nam | 3.21 | 158 | Giỏi |  |
| 5 | 21126587 | Phạm Lê Tường   | Vy    | 12/11/2003 | Nữ  | 3.14 | 158 | Khá  |  |
| 6 | 21126311 | Lê Bùi Thùy     | Dương | 30/01/2003 | Nữ  | 2.91 | 158 | Khá  |  |
| 7 | 21126245 | Nguyễn Phan Bảo | Vy    | 07/01/2003 | Nữ  | 2.95 | 158 | Khá  |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |      | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 8   | 21126583 | Nguyễn Lê Thanh | Vy   | 04/04/2003 | Nữ   | 3.25 | 158 | Giỏi     |           |
| 9   | 21126565 | Hồ Công         | Tùng | 17/01/2003 | Nam  | 3.09 | 158 | Khá      |           |
| 10  | 21126343 | Nguyễn Thanh    | Hiệp | 09/11/2002 | Nam  | 2.83 | 158 | Khá      |           |
| 11  | 21126388 | Đinh Quyền      | Linh | 30/09/2003 | Nam  | 2.88 | 158 | Khá      |           |
| 12  | 21126383 | Nguyễn Thị Thúy | Kiều | 22/11/2003 | Nữ   | 3.62 | 158 | Xuất sắc |           |
| 13  | 21126299 | Đỗ Tiến         | Đạt  | 19/01/2003 | Nam  | 2.88 | 158 | Khá      |           |
| 14  | 21126478 | Diệp Hoàng      | Quân | 28/04/2001 | Nam  | 3.63 | 158 | Xuất sắc |           |

### DH21SHB

|   |          |                 |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|-----------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 21126376 | Nguyễn Đạt Tiến | Khoa  | 24/09/2003 | Nam | 2.84 | 158 | Khá        |  |
| 2 | 21126325 | Lý Gia          | Hân   | 30/09/2003 | Nữ  | 3.06 | 158 | Khá        |  |
| 3 | 21126054 | Phạm Thị Mỹ     | Hạnh  | 12/05/2003 | Nữ  | 3.07 | 158 | Khá        |  |
| 4 | 21126398 | Nguyễn Đức      | Lợi   | 02/09/2003 | Nam | 2.95 | 158 | Khá        |  |
| 5 | 21126373 | Trịnh Ngọc      | Khánh | 10/02/2003 | Nam | 2.45 | 158 | Trung bình |  |
| 6 | 21126405 | Ngô Hoàng       | Mai   | 11/12/2003 | Nữ  | 3.20 | 158 | Giỏi       |  |
| 7 | 21126525 | Võ Linh         | Thư   | 01/01/2003 | Nữ  | 2.90 | 158 | Khá        |  |

### DH21SHC

|   |          |                |       |            |     |      |     |      |  |
|---|----------|----------------|-------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1 | 21126268 | Cao Nguyễn Bảo | Ân    | 09/10/2003 | Nữ  | 2.94 | 158 | Khá  |  |
| 2 | 21126279 | Trần Quế       | Anh   | 12/07/2003 | Nữ  | 3.14 | 158 | Khá  |  |
| 3 | 21126448 | Phạm Thảo      | Nhiên | 17/09/2003 | Nữ  | 2.60 | 158 | Khá  |  |
| 4 | 21126371 | Hoàng Yến      | Khanh | 14/11/2003 | Nữ  | 3.04 | 158 | Khá  |  |
| 5 | 21126460 | Huỳnh Tấn      | Phát  | 20/09/2003 | Nam | 3.38 | 158 | Giỏi |  |
| 6 | 21126455 | Đỗ Thị Cẩm     | Nhung | 17/05/2003 | Nữ  | 2.55 | 158 | Khá  |  |
| 7 | 21126362 | Đinh Thị Mỹ    | Huyền | 16/01/2003 | Nữ  | 3.01 | 158 | Khá  |  |

### DH21SHD

|   |          |                   |       |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 21126374 | Võ Duy            | Khánh | 24/04/2003 | Nam | 2.97 | 158 | Khá |  |
| 2 | 21126507 | Nguyễn Thị Phương | Thảo  | 24/03/2003 | Nữ  | 2.88 | 158 | Khá |  |
| 3 | 21126545 | Trịnh Thị Huyền   | Trâm  | 04/11/2003 | Nữ  | 2.84 | 158 | Khá |  |
| 4 | 21126254 | Lê Ngọc Mai       | Xuân  | 12/04/2003 | Nữ  | 3.08 | 158 | Khá |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT            | Mã SV    | Họ và tên SV        |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|----------------|----------|---------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 5              | 21126419 | Trần Thị Kim        | Ngân   | 02/11/2003 | Nữ   | 2.87 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH21SM</b>  |          |                     |        |            |      |      |     |          |           |
| 1              | 21126193 | Võ Thị Thu          | Thảo   | 09/06/2003 | Nữ   | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| 2              | 21126472 | Trần Thị Hồng       | Phúc   | 13/12/2003 | Nữ   | 2.97 | 158 | Khá      |           |
| 3              | 21126438 | Nguyễn Lâm Thanh    | Nhi    | 30/01/2003 | Nữ   | 3.03 | 158 | Khá      |           |
| 4              | 21126192 | Vi Thị              | Thảo   | 01/01/2003 | Nữ   | 2.63 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22SHA</b> |          |                     |        |            |      |      |     |          |           |
| 1              | 22126175 | Phan Đức            | Thuấn  | 31/10/2004 | Nam  | 3.34 | 158 | Giỏi     |           |
| 2              | 22126226 | Văn Hoa             | Xuân   | 07/05/2004 | Nữ   | 3.51 | 158 | Giỏi     |           |
| 3              | 22126102 | Nguyễn Hiếu         | My     | 23/03/2004 | Nữ   | 3.45 | 158 | Giỏi     |           |
| 4              | 22126069 | Hồ Bảo              | Khang  | 07/03/2004 | Nam  | 3.42 | 158 | Giỏi     |           |
| 5              | 22126191 | Ngô Nguyễn Phúc     | Trí    | 15/03/2004 | Nam  | 2.92 | 158 | Khá      |           |
| 6              | 22126049 | Hồ Thị Ngọc         | Hân    | 18/07/2004 | Nữ   | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 7              | 22126220 | Phạm Thị Tường      | Vy     | 08/03/2004 | Nữ   | 3.62 | 158 | Xuất sắc |           |
| 8              | 22126072 | Phùng Gia           | Khang  | 02/06/2004 | Nam  | 2.86 | 158 | Khá      |           |
| 9              | 22126002 | Ngô Thị Tường       | An     | 03/11/2004 | Nữ   | 3.58 | 158 | Giỏi     |           |
| 10             | 22126010 | Hàng Ngọc           | Anh    | 29/05/2004 | Nữ   | 3.27 | 158 | Giỏi     |           |
| 11             | 22126206 | Trần Nguyễn Thanh   | Tuyền  | 03/09/2004 | Nữ   | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 12             | 22126015 | Trần Thị Ngọc       | Ánh    | 01/03/2004 | Nữ   | 3.24 | 158 | Giỏi     |           |
| 13             | 22126084 | Vũ Thị Thùy         | Linh   | 09/11/2004 | Nữ   | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 14             | 22126145 | Huỳnh Hoàng         | Phương | 08/10/2003 | Nam  | 3.30 | 158 | Giỏi     |           |
| 15             | 22126201 | Nguyễn Thị Cẩm      | Tú     | 10/07/2004 | Nữ   | 3.30 | 158 | Giỏi     |           |
| 16             | 22126073 | Lê Đặng Bích        | Khuong | 06/09/2004 | Nữ   | 3.39 | 158 | Giỏi     |           |
| 17             | 22126183 | Trịnh Thanh         | Tình   | 29/10/2004 | Nam  | 3.18 | 158 | Khá      |           |
| 18             | 22126140 | Trần Thế            | Phú    | 11/06/2004 | Nam  | 2.89 | 158 | Khá      |           |
| 19             | 22126197 | Nguyễn Huỳnh Minh   | Trúc   | 13/02/2004 | Nữ   | 3.48 | 158 | Giỏi     |           |
| 20             | 22126133 | Võ Hoàng            | Nhật   | 08/01/2004 | Nam  | 3.37 | 158 | Giỏi     |           |
| 21             | 22126132 | Trương Thanh Phương | Nhung  | 02/03/2004 | Nữ   | 3.59 | 158 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV    |      | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-----------------|------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 22  | 22126052 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 01/01/2004 | Nữ   | 3.51 | 158 | Giỏi     |           |
| 23  | 22126222 | Trương Tiểu     | Vy   | 04/02/2004 | Nữ   | 3.34 | 158 | Giỏi     |           |
| 24  | 22126080 | Nguyễn Chí      | Linh | 23/08/2004 | Nam  | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 25  | 22126196 | Lê Ngọc         | Trúc | 01/12/2004 | Nữ   | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 26  | 22126106 | Lâm Bảo         | Ngân | 29/10/2004 | Nữ   | 3.31 | 158 | Giỏi     |           |

### DH22SHB

|    |          |                   |       |            |     |      |     |          |  |
|----|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1  | 22126131 | Nguyễn Minh Tuyết | Nhung | 26/06/2004 | Nữ  | 2.90 | 158 | Khá      |  |
| 2  | 22126115 | Bùi Xuân          | Nghĩa | 23/07/2004 | Nữ  | 3.21 | 158 | Giỏi     |  |
| 3  | 22126011 | Nguyễn Thị Mỹ     | Anh   | 08/09/2004 | Nữ  | 3.70 | 158 | Xuất sắc |  |
| 4  | 22126224 | Nguyễn Thị Kim    | Xuân  | 14/09/2004 | Nữ  | 3.27 | 158 | Khá      |  |
| 5  | 22126126 | Nguyễn Trần Uyển  | Nhi   | 23/07/2004 | Nữ  | 3.32 | 158 | Giỏi     |  |
| 6  | 22126059 | Lê Trọng          | Hiếu  | 02/03/2004 | Nam | 3.16 | 158 | Khá      |  |
| 7  | 22126083 | Nguyễn Thị Phương | Linh  | 20/11/2004 | Nữ  | 3.26 | 158 | Giỏi     |  |
| 8  | 22126121 | Hà Thị            | Nhàn  | 08/04/2004 | Nữ  | 3.58 | 158 | Giỏi     |  |
| 9  | 22126227 | Trần Thị Như      | Ý     | 14/01/2004 | Nữ  | 3.24 | 158 | Giỏi     |  |
| 10 | 22126211 | Phan Đức          | Việt  | 18/04/2004 | Nam | 3.04 | 158 | Khá      |  |
| 11 | 22126054 | Nguyễn Thúy       | Hiền  | 31/07/2004 | Nữ  | 3.26 | 158 | Giỏi     |  |
| 12 | 22126103 | Trương Phạm Hải   | My    | 29/08/2004 | Nữ  | 3.35 | 158 | Giỏi     |  |
| 13 | 22126020 | Lê Ngọc Minh      | Châu  | 16/02/2004 | Nữ  | 3.45 | 158 | Giỏi     |  |
| 14 | 22126158 | Văn Thị Mỹ        | Thắm  | 26/04/2004 | Nữ  | 2.90 | 158 | Khá      |  |
| 15 | 22126043 | Ngô Thị Thảo      | Duyên | 24/02/2004 | Nữ  | 3.14 | 158 | Khá      |  |
| 16 | 22126021 | Phan Thị Lan      | Chi   | 05/01/2004 | Nữ  | 3.36 | 158 | Giỏi     |  |
| 17 | 22126089 | Bùi Nguyễn Phú    | Lợi   | 16/08/2004 | Nam | 3.16 | 158 | Khá      |  |
| 18 | 22126141 | Lương Trọng       | Phúc  | 31/12/2004 | Nam | 2.81 | 158 | Khá      |  |
| 19 | 22126215 | Lý Ngọc Yến       | Vy    | 20/11/2004 | Nữ  | 3.57 | 158 | Giỏi     |  |
| 20 | 22126160 | Đỗ Thị Trúc       | Thanh | 18/12/2004 | Nữ  | 3.58 | 158 | Giỏi     |  |

### DH22SM

|   |          |               |       |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22126151 | Phạm Thị Thục | Quyên | 12/02/2004 | Nữ | 2.95 | 158 | Khá |  |
|---|----------|---------------|-------|------------|----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT                        | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------------------------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 2                          | 22126097 | Huỳnh Nguyễn Ngọc | Mai   | 03/07/2004 | Nữ   | 3.38 | 158 | Giỏi       |           |
| <b>Công nghệ thông tin</b> |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| <b>DH18DTA</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 18130181 | Lê Đình           | Phùng | 25/08/2000 | Nam  | 2.45 | 137 | Trung bình |           |
| <b>DH18DTB</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 18130053 | Bùi Đoàn Anh      | Duy   | 06/09/2000 | Nam  | 2.00 | 137 | Trung bình |           |
| 2                          | 18130101 | Nguyễn Đình       | Khải  | 11/07/2000 | Nam  | 2.02 | 136 | Trung bình |           |
| <b>DH19DTA</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 19130099 | Lê Trung          | Khánh | 28/08/2001 | Nam  | 2.17 | 136 | Trung bình |           |
| <b>DH19DTC</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 19130113 | Trương Huỳnh Anh  | Kiệt  | 17/11/2001 | Nam  | 2.46 | 136 | Trung bình |           |
| <b>DH20DTA</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 20130443 | Nguyễn            | Tới   | 01/09/2002 | Nam  | 2.00 | 158 | Trung bình |           |
| 2                          | 20130436 | Nguyễn Hoài       | Tín   | 02/02/2002 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá        |           |
| <b>DH20DTB</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 20130254 | Nguyễn Hà Phước   | Hậu   | 04/10/2002 | Nam  | 2.65 | 159 | Khá        |           |
| 2                          | 20130070 | Trần Duy          | Luận  | 10/11/2002 | Nam  | 2.02 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH20DTC</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 20130262 | Nguyễn Trung      | Hiếu  | 22/10/2002 | Nam  | 2.44 | 159 | Trung bình |           |
| <b>DH21DTA</b>             |          |                   |       |            |      |      |     |            |           |
| 1                          | 21130220 | Đặng Hữu          | Trọng | 10/02/2003 | Nam  | 2.59 | 158 | Khá        |           |
| 2                          | 21130211 | Bùi Thị Thùy      | Trang | 25/11/2003 | Nữ   | 2.58 | 159 | Khá        |           |
| 3                          | 21130092 | Trần Đình Tuyết   | Linh  | 24/04/2003 | Nữ   | 2.58 | 158 | Khá        |           |
| 4                          | 21130644 | Nguyễn Huy        | Vũ    | 10/01/2003 | Nam  | 2.84 | 159 | Khá        |           |
| 5                          | 21130281 | Hồng Hoài         | Bảo   | 03/12/2003 | Nam  | 2.33 | 159 | Trung bình |           |
| 6                          | 21129858 | Lê Tuấn           | Phát  | 24/01/2003 | Nam  | 3.66 | 161 | Xuất sắc   |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT     | Mã SV    | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------|----------|-----------------|-------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH21DTB |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21130377 | Nguyễn Cường    | Huy   | 13/12/2003 | Nam  | 2.36 | 159 | Trung bình |           |
| 2       | 21130397 | Nguyễn Quốc     | Khánh | 16/04/2003 | Nam  | 2.61 | 158 | Khá        |           |
| 3       | 21130402 | Nguyễn Đăng     | Khoa  | 03/08/2003 | Nam  | 2.02 | 158 | Trung bình |           |
| 4       | 21130335 | Lê Thị Hạnh     | Duyên | 03/11/2003 | Nữ   | 2.56 | 160 | Khá        |           |
| 5       | 21130329 | Nguyễn Quý      | Dương | 08/02/2003 | Nam  | 2.48 | 158 | Trung bình |           |
| DH21DTC |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21130505 | Nguyễn Hoàng    | Quý   | 24/10/2003 | Nam  | 2.23 | 161 | Trung bình |           |
| 2       | 21130438 | Tô Văn          | Luân  | 12/09/2003 | Nam  | 2.32 | 158 | Trung bình |           |
| 3       | 21130512 | Nguyễn Văn      | Sáng  | 21/02/2003 | Nam  | 2.33 | 159 | Trung bình |           |
| 4       | 21130449 | Nguyễn Khải     | Nam   | 12/10/2003 | Nam  | 3.50 | 158 | Giỏi       |           |
| 5       | 21130493 | Phạm Minh       | Quân  | 12/06/2003 | Nam  | 2.17 | 158 | Trung bình |           |
| DH21DTD |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 21130615 | Trần Quang      | Vũ    | 08/01/2003 | Nam  | 2.49 | 158 | Trung bình |           |
| 2       | 21130524 | Võ Tấn          | Tài   | 16/02/2003 | Nam  | 2.56 | 158 | Khá        |           |
| 3       | 21130527 | Trần Hưng Khánh | Tâm   | 10/12/2003 | Nam  | 2.35 | 159 | Trung bình |           |
| 4       | 21130588 | Nguyễn Quốc     | Trung | 16/12/2003 | Nam  | 2.51 | 159 | Khá        |           |
| 5       | 21130530 | Phạm Nhựt       | Tân   | 12/06/2003 | Nam  | 2.55 | 158 | Khá        |           |
| 6       | 21130525 | Lê Thanh        | Tâm   | 14/04/2003 | Nam  | 2.69 | 159 | Khá        |           |
| DH22DTA |          |                 |       |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 22130187 | Phạm Bích       | Ngọc  | 15/05/2004 | Nữ   | 2.64 | 158 | Khá        |           |
| 2       | 22130283 | Nguyễn Thanh    | Thủy  | 17/06/2004 | Nữ   | 3.50 | 158 | Giỏi       |           |
| 3       | 22130181 | Trần Thị Thanh  | Ngân  | 22/02/2004 | Nữ   | 2.69 | 158 | Khá        |           |
| 4       | 22130118 | Huỳnh Đăng      | Khanh | 22/09/2004 | Nam  | 3.35 | 158 | Giỏi       |           |
| 5       | 22130038 | Nguyễn Thị Ngọc | Diễm  | 31/07/2004 | Nữ   | 3.30 | 158 | Giỏi       |           |
| 6       | 22130140 | Nguyễn Thị      | Lang  | 06/08/2004 | Nữ   | 3.66 | 158 | Xuất sắc   |           |
| 7       | 22130222 | Võ Hoàng        | Phúc  | 19/09/2004 | Nam  | 3.34 | 158 | Giỏi       |           |
| 8       | 22130004 | Võ Trần Phước   | Ân    | 09/01/2004 | Nam  | 3.27 | 158 | Giỏi       |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV  |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|---------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 9   | 22130127 | Nguyễn Anh    | Khôi  | 27/10/2004 | Nam  | 2.54 | 160 | Khá      |           |
| 10  | 22130333 | Hoàng Thị Anh | Xuân  | 01/04/2004 | Nữ   | 2.99 | 158 | Khá      |           |
| 11  | 22130136 | Nguyễn Tuấn   | Kiệt  | 22/11/2004 | Nam  | 3.00 | 158 | Khá      |           |
| 12  | 22130238 | Đỗ Văn Minh   | Tài   | 05/10/2004 | Nam  | 2.72 | 158 | Khá      |           |
| 13  | 22130088 | Phan Văn      | Hoàng | 04/05/2004 | Nam  | 3.15 | 158 | Khá      |           |
| 14  | 22130124 | Trương Quý    | Khoa  | 01/04/2004 | Nam  | 3.42 | 158 | Giỏi     |           |
| 15  | 22130206 | Phan Văn      | Phát  | 12/09/2004 | Nam  | 3.18 | 160 | Khá      |           |
| 16  | 22130276 | Trần Minh     | Thư   | 31/10/2004 | Nữ   | 3.76 | 158 | Xuất sắc |           |
| 17  | 22130031 | Hà Mạnh       | Cường | 18/09/2004 | Nam  | 2.50 | 160 | Khá      |           |
| 18  | 22130094 | Trần Quốc     | Hung  | 04/04/2004 | Nam  | 3.28 | 158 | Giỏi     |           |
| 19  | 22130157 | Hoàng Quốc    | Luật  | 28/09/2004 | Nam  | 3.12 | 160 | Khá      |           |
| 20  | 22130251 | Huỳnh Minh    | Thắng | 24/07/2004 | Nam  | 3.12 | 158 | Khá      |           |
| 21  | 22130082 | Thượng Đình   | Hiệu  | 04/06/2004 | Nam  | 3.31 | 158 | Giỏi     |           |
| 22  | 22130273 | Nguyễn Quang  | Thoại | 24/08/2004 | Nam  | 2.67 | 158 | Khá      |           |
| 23  | 22130297 | Trương Ngọc   | Trí   | 23/02/2004 | Nam  | 3.36 | 158 | Giỏi     |           |
| 24  | 22130261 | Nguyễn        | Thiện | 10/09/2004 | Nam  | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 25  | 22130257 | Võ Tấn        | Thành | 10/01/2004 | Nam  | 3.28 | 158 | Giỏi     |           |
| 26  | 22130148 | Nguyễn Bích   | Loan  | 20/05/2004 | Nữ   | 3.50 | 158 | Giỏi     |           |
| 27  | 22130270 | Nguyễn Ngọc   | Thịnh | 23/02/2004 | Nam  | 3.17 | 158 | Khá      |           |
| 28  | 22130303 | Nguyễn Minh   | Trung | 02/01/2004 | Nam  | 3.34 | 158 | Giỏi     |           |
| 29  | 22130321 | Nguyễn Văn    | Vàng  | 25/12/2004 | Nam  | 3.20 | 158 | Giỏi     |           |

### DH22DTB

|   |          |             |       |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|-------------|-------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 22130207 | Phan Văn    | Phát  | 15/02/2004 | Nam | 2.16 | 160 | Trung bình |  |
| 2 | 22130274 | Nguyễn Tấn  | Thông | 01/01/2004 | Nam | 3.59 | 158 | Giỏi       |  |
| 3 | 22130080 | Huỳnh Minh  | Hiền  | 22/09/2004 | Nam | 3.42 | 158 | Giỏi       |  |
| 4 | 22130068 | Lê Phước    | Hải   | 11/12/2004 | Nam | 3.00 | 158 | Khá        |  |
| 5 | 22130137 | Lê Thị Thúy | Kiều  | 13/01/2004 | Nữ  | 3.52 | 158 | Giỏi       |  |
| 6 | 22130259 | Nguyễn Phúc | Thanh | 02/11/2004 | Nam | 3.14 | 158 | Khá        |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 7   | 22130217 | Lâm Hồng         | Phúc   | 24/04/2004 | Nam  | 3.58 | 158 | Giỏi     |           |
| 8   | 22130043 | Võ Xuân          | Đông   | 14/05/2004 | Nam  | 3.68 | 158 | Xuất sắc |           |
| 9   | 22130188 | Đặng Anh         | Nguyễn | 13/05/2004 | Nam  | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 10  | 22130248 | Nguyễn Quốc      | Tấn    | 22/02/2004 | Nam  | 3.02 | 158 | Khá      |           |
| 11  | 22130271 | Nguyễn Phước     | Thịnh  | 13/07/2004 | Nam  | 2.70 | 158 | Khá      |           |
| 12  | 22130110 | Phan Huỳnh Vỹ    | Khan   | 29/06/2004 | Nam  | 2.52 | 158 | Khá      |           |
| 13  | 22130095 | Trần Thị Yến     | Hương  | 25/02/2004 | Nữ   | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 14  | 22130029 | Từ Quang         | Chương | 04/04/2004 | Nam  | 2.83 | 158 | Khá      |           |
| 15  | 22130173 | Nguyễn Hoàng     | Nam    | 23/03/2004 | Nam  | 2.68 | 158 | Khá      |           |
| 16  | 22130242 | Phạm Thành       | Tài    | 03/08/2004 | Nam  | 3.38 | 158 | Giỏi     |           |
| 17  | 22130049 | Lê Trí           | Đức    | 11/06/2004 | Nam  | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 18  | 22130281 | Nguyễn Thanh     | Thương | 23/05/2004 | Nam  | 3.50 | 158 | Giỏi     |           |
| 19  | 22130077 | Đỗ Khắc          | Hảo    | 17/08/2004 | Nam  | 2.92 | 158 | Khá      |           |
| 20  | 22130304 | Tổng Xuân        | Trung  | 19/02/2004 | Nam  | 3.20 | 158 | Giỏi     |           |
| 21  | 22130322 | Phạm Nguyễn Ngọc | Vàng   | 10/04/2004 | Nữ   | 3.38 | 158 | Giỏi     |           |
| 22  | 22130062 | Phùng Khánh      | Duy    | 27/07/2004 | Nam  | 3.39 | 158 | Giỏi     |           |
| 23  | 22130039 | Võ Nguyễn Thanh  | Diệu   | 31/12/2004 | Nữ   | 3.14 | 158 | Khá      |           |
| 24  | 22130325 | Đào Công         | Vinh   | 28/11/2004 | Nam  | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 25  | 22130086 | Lê Đức           | Hoàng  | 02/01/2004 | Nam  | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| 26  | 22130158 | Đặng Trần Tấn    | Lực    | 28/07/2004 | Nam  | 2.77 | 158 | Khá      |           |
| 27  | 22130277 | Đỗ Khánh         | Thuận  | 27/06/2004 | Nam  | 3.19 | 160 | Khá      |           |
| 28  | 22130128 | Nguyễn Hoài      | Khuong | 04/12/2004 | Nam  | 3.23 | 158 | Giỏi     |           |

### DH22DTC

|   |          |                 |       |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-----------------|-------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22130180 | Trần Nguyễn Thu | Ngân  | 05/08/2004 | Nữ  | 3.14 | 158 | Khá |  |
| 2 | 22130332 | Nguyễn Ngọc     | Vỹ    | 31/08/2004 | Nam | 2.97 | 160 | Khá |  |
| 3 | 22130299 | Phạm Quang      | Trọng | 31/05/2004 | Nam | 2.75 | 158 | Khá |  |
| 4 | 22130093 | Lê Đình         | Hưng  | 14/01/2004 | Nam | 2.74 | 158 | Khá |  |
| 5 | 22130150 | Võ Phước        | Lộc   | 10/07/2004 | Nam | 2.67 | 158 | Khá |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| 6   | 22130320 | Trần Quốc        | Văn    | 15/12/2004 | Nam  | 3.12 | 158 | Khá        |           |
| 7   | 22130192 | Nguyễn Thị Thanh | Nhàn   | 09/05/2004 | Nữ   | 2.72 | 158 | Khá        |           |
| 8   | 22130132 | Bùi Quang Tấn    | Kiệt   | 17/02/2004 | Nam  | 3.56 | 158 | Giỏi       |           |
| 9   | 22130237 | Nguyễn Thanh     | Son    | 18/08/2004 | Nam  | 2.88 | 160 | Khá        |           |
| 10  | 22130057 | Lâm Bảo          | Duy    | 18/07/2004 | Nam  | 3.05 | 160 | Khá        |           |
| 11  | 22130218 | Nguyễn Hoàng     | Phúc   | 05/11/2004 | Nam  | 3.08 | 160 | Khá        |           |
| 12  | 22130147 | Võ Ngọc          | Linh   | 28/08/2004 | Nữ   | 2.74 | 160 | Khá        |           |
| 13  | 22130253 | Trần Ngọc        | Thanh  | 28/02/2004 | Nam  | 2.67 | 160 | Khá        |           |
| 14  | 22130120 | Phạm Quốc        | Khánh  | 08/12/2004 | Nam  | 3.32 | 158 | Giỏi       |           |
| 15  | 22130156 | Lê Văn           | Luận   | 09/02/2004 | Nam  | 3.29 | 158 | Giỏi       |           |
| 16  | 22130027 | Trần Thanh       | Bình   | 04/02/2004 | Nam  | 3.09 | 158 | Khá        |           |
| 17  | 22130030 | Lê Minh          | Công   | 25/09/2004 | Nam  | 2.82 | 158 | Khá        |           |
| 18  | 22130263 | Phạm Quốc        | Thiện  | 18/10/2003 | Nam  | 3.09 | 158 | Khá        |           |
| 19  | 22130260 | Nguyễn Văn       | Thạnh  | 04/01/2003 | Nam  | 2.86 | 158 | Khá        |           |
| 20  | 22130250 | Lê Quốc          | Thái   | 08/05/2004 | Nam  | 2.92 | 158 | Khá        |           |
| 21  | 22130108 | Ngô Trường       | Khắc   | 08/02/2002 | Nam  | 2.99 | 158 | Khá        |           |
| 22  | 22130269 | Nguyễn Hữu       | Thịnh  | 23/05/2004 | Nam  | 3.30 | 158 | Giỏi       |           |
| 23  | 22130099 | Lê Anh           | Huy    | 18/01/2004 | Nam  | 2.98 | 158 | Khá        |           |
| 24  | 22130198 | Đặng Thị Huyền   | Như    | 12/11/2004 | Nữ   | 2.80 | 160 | Khá        |           |
| 25  | 22130189 | Nguyễn Bảo       | Nguyên | 08/11/2004 | Nam  | 2.33 | 160 | Trung bình |           |
| 26  | 22130162 | Từ Gia           | Mẫn    | 05/12/2004 | Nữ   | 3.18 | 160 | Khá        |           |
| 27  | 22130186 | Lê Trọng         | Nghĩa  | 24/06/2004 | Nam  | 3.39 | 158 | Giỏi       |           |

### DH22DTNT

|   |          |                |     |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|----------------|-----|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22130335 | Nguyễn Thị Vân | Cầm | 21/06/2004 | Nữ | 2.73 | 158 | Khá |  |
|---|----------|----------------|-----|------------|----|------|-----|-----|--|

### Công nghệ Hóa học và Thực phẩm

### DH16DD

|   |          |            |       |            |    |      |     |            |  |
|---|----------|------------|-------|------------|----|------|-----|------------|--|
| 1 | 16125155 | Nguyễn Thị | Giang | 04/01/1998 | Nữ | 2.42 | 135 | Trung bình |  |
|---|----------|------------|-------|------------|----|------|-----|------------|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT     | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|---------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH18HD  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 18139013 | Lê Châu Ngọc     | Bích   | 02/08/2000 | Nữ   | 2.84 | 137 | Khá        |           |
| DH18HT  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 18139027 | Võ Thị           | Điệp   | 03/05/2000 | Nữ   | 2.39 | 137 | Trung bình |           |
| DH19HD  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 19139004 | Nguyễn Thị Thúy  | An     | 04/05/2001 | Nữ   | 2.44 | 138 | Trung bình |           |
| DH19TP  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 19125522 | Ngô Thị Mỹ       | Nữ     | 15/01/2001 | Nữ   | 2.90 | 146 | Khá        |           |
| 2       | 19125516 | Nguyễn Thị Ngọc  | Huyền  | 27/02/2001 | Nữ   | 3.27 | 145 | Giỏi       |           |
| DH20BQC |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20125772 | Nguyễn Đặng Xuân | Trúc   | 09/10/2002 | Nữ   | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| 2       | 20125434 | Quách Đình Văn   | Huy    | 28/10/2002 | Nam  | 2.37 | 158 | Trung bình |           |
| DH20DD  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20125735 | Nguyễn Nhật      | Tiên   | 04/04/2002 | Nữ   | 2.84 | 160 | Khá        |           |
| DH20HD  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20139269 | Hồ Trọng         | Nghĩa  | 24/04/2000 | Nam  | 2.90 | 159 | Khá        |           |
| 2       | 20139272 | Nguyễn Thị       | Ngọc   | 10/10/2002 | Nữ   | 2.51 | 159 | Khá        |           |
| 3       | 20139227 | Phan Gia         | Huy    | 30/09/2002 | Nam  | 2.04 | 160 | Trung bình |           |
| DH20HS  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20139185 | Ngô Duy          | Đăng   | 25/11/2002 | Nam  | 2.54 | 160 | Khá        |           |
| 2       | 20139365 | Trần Lâm         | Trường | 25/12/2002 | Nam  | 2.50 | 160 | Khá        |           |
| DH20HT  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20139180 | Nguyễn Văn       | Cang   | 08/02/2002 | Nam  | 2.52 | 159 | Khá        |           |
| DH20TP  |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1       | 20125672 | Văn Ngọc         | Tân    | 15/09/2002 | Nam  | 2.71 | 161 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT     | Mã SV    | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------|----------|-------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH21BQ  |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1       | 21125425 | Hồng Nguyễn Trúc  | Trâm   | 04/11/2003 | Nữ   | 3.26 | 158 | Giỏi     |           |
| 2       | 21129667 | Châu Kim          | Hồng   | 22/06/2003 | Nữ   | 2.91 | 159 | Khá      |           |
| DH21BQC |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1       | 21125897 | Nguyễn Hữu        | Tâm    | 09/06/2003 | Nam  | 2.88 | 159 | Khá      |           |
| 2       | 21125620 | Lê Minh           | Hải    | 04/10/2003 | Nam  | 2.88 | 158 | Khá      |           |
| 3       | 21125749 | Nguyễn Phước Xuân | Mai    | 22/10/2003 | Nữ   | 3.27 | 158 | Giỏi     |           |
| 4       | 21125546 | Phan Thị Hồng     | Anh    | 02/05/2003 | Nữ   | 3.09 | 158 | Khá      |           |
| 5       | 21125852 | Nguyễn Thị Diễm   | Ni     | 23/10/2003 | Nữ   | 2.89 | 159 | Khá      |           |
| 6       | 21125740 | Lê Trần Nhật      | Long   | 13/09/2003 | Nam  | 2.71 | 158 | Khá      |           |
| 7       | 21125545 | Nguyễn Trần Mai   | Anh    | 08/12/2003 | Nữ   | 2.62 | 159 | Khá      |           |
| DH21DD  |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1       | 21125159 | Cao Thiên         | Kim    | 21/05/2003 | Nữ   | 3.16 | 158 | Khá      |           |
| 2       | 21129959 | Đặng Mạnh         | Thường | 13/12/2003 | Nam  | 2.58 | 159 | Khá      |           |
| 3       | 21129991 | Trần Bảo          | Trân   | 21/03/2003 | Nữ   | 2.73 | 158 | Khá      |           |
| 4       | 21129910 | Ngô Toàn          | Thắng  | 12/10/2003 | Nam  | 2.85 | 158 | Khá      |           |
| DH21HD  |          |                   |        |            |      |      |     |          |           |
| 1       | 21139319 | Trần Thị Hồng     | Lam    | 05/09/2003 | Nữ   | 2.76 | 159 | Khá      |           |
| 2       | 21139408 | Nguyễn Hoàng Mai  | Phương | 29/07/2003 | Nữ   | 2.63 | 158 | Khá      |           |
| 3       | 21139326 | Phạm Thị Thùy     | Linh   | 21/02/2003 | Nữ   | 2.89 | 159 | Khá      |           |
| 4       | 21139061 | Bá Thị Lan        | Hương  | 01/10/2003 | Nữ   | 2.55 | 159 | Khá      |           |
| 5       | 21139299 | Nguyễn Lâm        | Hùng   | 27/08/2003 | Nam  | 2.56 | 160 | Khá      |           |
| 6       | 21139215 | Tô Hồng Thanh     | Vy     | 25/04/2003 | Nữ   | 2.77 | 158 | Khá      |           |
| 7       | 21139309 | Nguyễn Thị Mai    | Kha    | 09/09/2003 | Nữ   | 2.96 | 159 | Khá      |           |
| 8       | 21139380 | Nguyễn Thị Yến    | Nhi    | 27/10/2002 | Nữ   | 2.72 | 159 | Khá      |           |
| 9       | 21139357 | Thái Thị Kim      | Ngân   | 01/03/2003 | Nữ   | 2.90 | 160 | Khá      |           |
| 10      | 21139295 | Phạm Ngọc         | Hiếu   | 25/02/2003 | Nữ   | 2.89 | 159 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT    | Mã SV    | Họ và tên SV        |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|--------|----------|---------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH21HS |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1      | 21139084 | Lê Trần Xuân        | Mai    | 30/01/2003 | Nữ   | 2.80 | 158 | Khá        |           |
| 2      | 21139423 | Nguyễn Hoàng Nhựt   | Tài    | 07/04/2003 | Nam  | 2.50 | 159 | Khá        |           |
| 3      | 21126560 | Phan Trung          | Trúc   | 13/05/2003 | Nam  | 2.57 | 159 | Khá        |           |
| 4      | 21139491 | Trương Thị Ngọc     | Tuyền  | 25/11/2003 | Nữ   | 2.52 | 159 | Khá        |           |
| 5      | 21139300 | Mai Thành           | Hung   | 01/11/2003 | Nam  | 2.59 | 159 | Khá        |           |
| 6      | 21139269 | Hồ Thị Mỹ           | Duyên  | 09/05/2003 | Nữ   | 2.94 | 158 | Khá        |           |
| 7      | 21139344 | Hồng Dương Phương   | Nam    | 17/07/2003 | Nam  | 2.40 | 159 | Trung bình |           |
| 8      | 21139465 | Ngô Ngọc            | Trân   | 04/10/2003 | Nữ   | 2.65 | 159 | Khá        |           |
| DH21HT |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1      | 21139377 | Hoàng Thị Thảo      | Nhi    | 27/11/2003 | Nữ   | 2.48 | 159 | Trung bình |           |
| 2      | 21139257 | Đỗ Ngọc Tuyết       | Đoan   | 31/07/2003 | Nữ   | 2.83 | 160 | Khá        |           |
| 3      | 21139303 | Lê Thị              | Hương  | 29/07/2003 | Nữ   | 3.42 | 160 | Giỏi       |           |
| 4      | 21139270 | Nguyễn Thị Kỳ       | Duyên  | 21/01/2003 | Nữ   | 2.48 | 160 | Trung bình |           |
| 5      | 21139274 | Phạm Thị Thu        | Giang  | 20/10/2003 | Nữ   | 2.95 | 159 | Khá        |           |
| 6      | 21139277 | Hồng Chí            | Hải    | 27/03/2002 | Nam  | 2.43 | 159 | Trung bình |           |
| 7      | 21139268 | Võ Khánh            | Duy    | 05/07/2003 | Nam  | 2.53 | 158 | Khá        |           |
| 8      | 21139400 | Bạch Sơn            | Phúc   | 15/09/2003 | Nam  | 3.20 | 158 | Giỏi       |           |
| DH21TP |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1      | 21129572 | Phạm Bích           | Châu   | 07/08/2003 | Nữ   | 3.48 | 161 | Giỏi       |           |
| 2      | 21125994 | Nguyễn Thị Huyền    | Trang  | 12/09/2003 | Nữ   | 3.67 | 161 | Xuất sắc   |           |
| 3      | 21125624 | Lê Bùi Cẩm          | Tú     | 10/04/2003 | Nữ   | 3.08 | 161 | Khá        |           |
| 4      | 21125150 | Lê Hoàng Kim        | Khánh  | 12/02/2003 | Nữ   | 3.74 | 161 | Xuất sắc   |           |
| 5      | 21125248 | Nguyễn Huỳnh Phương | Nguyên | 10/10/2003 | Nữ   | 2.92 | 161 | Khá        |           |
| 6      | 21125677 | Lê Thu              | Hương  | 30/06/2003 | Nữ   | 3.60 | 161 | Xuất sắc   |           |
| 7      | 21129566 | Lê Thị Hồng         | Trúc   | 13/04/2003 | Nữ   | 3.37 | 161 | Giỏi       |           |
| DH21VT |          |                     |        |            |      |      |     |            |           |
| 1      | 21129575 | Nguyễn Minh         | Chiến  | 30/10/2002 | Nam  | 2.59 | 159 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 2   | 21129587 | Ngô Nguyễn Thiên | Di    | 05/05/2003 | Nữ   | 3.00 | 158 | Khá      |           |
| 3   | 21125524 | Lý Thanh         | Bình  | 13/08/2003 | Nam  | 3.18 | 158 | Khá      |           |
| 4   | 21129658 | Phùng Thanh      | Hiếu  | 01/01/2003 | Nam  | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 5   | 21125520 | Huỳnh Đào Bảo    | Ngọc  | 28/03/2002 | Nữ   | 2.50 | 159 | Khá      |           |
| 6   | 21125188 | Võ Sỹ Thanh      | Long  | 07/08/2003 | Nam  | 2.71 | 158 | Khá      |           |
| 7   | 21129933 | Hoàng Đức        | Thiện | 10/11/2003 | Nam  | 2.54 | 158 | Khá      |           |
| 8   | 21129925 | Nguyễn Thị Minh  | Thảo  | 27/01/2003 | Nữ   | 3.06 | 159 | Khá      |           |
| 9   | 21129543 | Nguyễn Ngọc Vân  | Anh   | 14/06/2003 | Nữ   | 2.78 | 158 | Khá      |           |
| 10  | 21125070 | Trần Minh        | Duy   | 25/08/2003 | Nam  | 2.80 | 158 | Khá      |           |

### DH22BQ

|    |          |                   |       |            |     |      |     |          |  |
|----|----------|-------------------|-------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1  | 22129376 | Vi Thị            | Hiền  | 16/09/2003 | Nữ  | 2.87 | 161 | Khá      |  |
| 2  | 22129035 | Phạm Mộng         | Diệp  | 14/05/2004 | Nữ  | 3.23 | 160 | Giỏi     |  |
| 3  | 22129050 | Lê Huỳnh          | Duyên | 12/05/2004 | Nữ  | 3.02 | 161 | Khá      |  |
| 4  | 22129028 | Nguyễn Quỳnh Thảo | Đan   | 10/04/2004 | Nữ  | 2.68 | 159 | Khá      |  |
| 5  | 22129162 | Huỳnh Dương Tuyết | Ngân  | 22/09/2004 | Nữ  | 3.23 | 160 | Giỏi     |  |
| 6  | 22129204 | Mai Thị Yến       | Nhi   | 13/04/2004 | Nữ  | 3.29 | 159 | Giỏi     |  |
| 7  | 22129077 | Đặng Trần Anh     | Hào   | 27/03/2004 | Nam | 2.92 | 160 | Khá      |  |
| 8  | 22129178 | Phạm Thị Thu      | Ngoan | 09/05/2004 | Nữ  | 3.18 | 160 | Khá      |  |
| 9  | 22129264 | Trần Thu          | Thảo  | 15/06/2004 | Nữ  | 3.61 | 160 | Xuất sắc |  |
| 10 | 22129171 | Trương Thị Tuyết  | Ngân  | 21/08/2004 | Nữ  | 3.58 | 160 | Giỏi     |  |
| 11 | 22129364 | Trần Trọng Quốc   | Vương | 12/02/2004 | Nam | 3.27 | 160 | Giỏi     |  |
| 12 | 22129155 | Nguyễn Ngọc Hoài  | Nam   | 11/10/2004 | Nam | 2.91 | 160 | Khá      |  |
| 13 | 22129004 | Trần Mỹ           | An    | 04/07/2004 | Nữ  | 3.44 | 160 | Giỏi     |  |
| 14 | 22129040 | Châu Nguyễn Hoàng | Dinh  | 04/10/2004 | Nam | 2.82 | 160 | Khá      |  |
| 15 | 22129130 | Đinh Châu Hồng    | Lê    | 23/06/2004 | Nữ  | 3.52 | 160 | Giỏi     |  |
| 16 | 22129168 | Trần Nguyễn Kim   | Ngân  | 20/10/2004 | Nữ  | 3.55 | 160 | Giỏi     |  |
| 17 | 22129091 | Nguyễn Nguyễn Sơn | Hồng  | 10/10/2004 | Nữ  | 2.99 | 160 | Khá      |  |
| 18 | 22129166 | Phạm Thị Kim      | Ngân  | 27/10/2004 | Nữ  | 3.32 | 161 | Giỏi     |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 19  | 22129139 | Võ Thị Yến        | Linh  | 01/01/2004 | Nữ   | 3.46 | 160 | Giỏi     |           |
| 20  | 22129179 | Hoàng Thị Ánh     | Ngọc  | 20/01/2004 | Nữ   | 3.18 | 160 | Khá      |           |
| 21  | 22129185 | Trương Mỹ         | Ngọc  | 08/06/2004 | Nữ   | 3.54 | 160 | Giỏi     |           |
| 22  | 22129267 | Lâm Thị Thanh     | Thảo  | 19/08/2004 | Nữ   | 3.15 | 160 | Khá      |           |
| 23  | 22129338 | Chung Huỳnh Thanh | Trúc  | 18/03/2004 | Nữ   | 3.15 | 160 | Khá      |           |
| 24  | 22129330 | Nông Đoàn Thảo    | Trang | 05/09/2004 | Nữ   | 3.47 | 160 | Giỏi     |           |
| 25  | 22129093 | Bùi Nguyên        | Hương | 15/02/2004 | Nữ   | 2.99 | 160 | Khá      |           |
| 26  | 22129102 | Nguyễn Ngọc       | Huyền | 27/09/2004 | Nữ   | 3.33 | 160 | Giỏi     |           |
| 27  | 22129037 | Đoàn Thị Hiền     | Diệu  | 26/09/2004 | Nữ   | 3.13 | 160 | Khá      |           |
| 28  | 22129125 | Hồ Thị Kim        | Kông  | 16/02/2004 | Nữ   | 3.15 | 160 | Khá      |           |
| 29  | 22129283 | Nguyễn Minh       | Thư   | 01/02/2004 | Nữ   | 3.28 | 160 | Giỏi     |           |
| 30  | 22129320 | Huỳnh Ngọc        | Trâm  | 08/06/2004 | Nữ   | 3.25 | 160 | Giỏi     |           |

### DH22BQC

|    |          |                   |        |            |     |      |     |          |  |
|----|----------|-------------------|--------|------------|-----|------|-----|----------|--|
| 1  | 22125081 | Phạm Thị          | Hiền   | 02/10/2004 | Nữ  | 3.15 | 158 | Khá      |  |
| 2  | 22125041 | Đoàn Nguyễn Khánh | Đoan   | 24/03/2004 | Nữ  | 3.19 | 159 | Khá      |  |
| 3  | 22125212 | Trương Yến        | Nhi    | 02/02/2004 | Nữ  | 3.21 | 158 | Giỏi     |  |
| 4  | 22125216 | Nguyễn Huỳnh Tâm  | Như    | 09/05/2004 | Nữ  | 3.54 | 159 | Giỏi     |  |
| 5  | 22125006 | Bùi Trần Lan      | Anh    | 06/11/2004 | Nữ  | 3.76 | 158 | Xuất sắc |  |
| 6  | 22125229 | Đoàn Nữ Hoài      | Phương | 30/08/2004 | Nữ  | 3.45 | 158 | Giỏi     |  |
| 7  | 22125110 | Nguyễn Mỹ Hoàng   | Kha    | 19/08/2004 | Nữ  | 3.65 | 158 | Xuất sắc |  |
| 8  | 22125205 | Ngô Võ Ý          | Nhi    | 21/05/2004 | Nữ  | 2.91 | 158 | Khá      |  |
| 9  | 22125117 | Nguyễn Ngọc Yến   | Khoa   | 24/08/2004 | Nữ  | 2.86 | 158 | Khá      |  |
| 10 | 22125253 | Nguyễn Thành      | Tài    | 02/04/2004 | Nam | 3.76 | 158 | Xuất sắc |  |
| 11 | 22125247 | Trần Thị Phương   | Quỳnh  | 18/08/2004 | Nữ  | 2.81 | 159 | Khá      |  |
| 12 | 22125019 | Lê Phan Thái      | Bình   | 04/05/2004 | Nam | 3.12 | 159 | Khá      |  |
| 13 | 22125366 | Nguyễn Đăng       | Vy     | 04/01/2004 | Nữ  | 3.51 | 158 | Giỏi     |  |
| 14 | 22125137 | Thiều Gia         | Linh   | 26/06/2004 | Nữ  | 3.05 | 158 | Khá      |  |
| 15 | 22125327 | Lê Thị Thu        | Trang  | 22/09/2004 | Nữ  | 3.19 | 158 | Khá      |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT    | Mã SV    | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|--------|----------|-----------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH22DD |          |                 |        |            |      |      |     |          |           |
| 1      | 22129305 | Huỳnh Thị Mỹ    | Tiên   | 29/10/2004 | Nữ   | 3.54 | 158 | Giỏi     |           |
| 2      | 22129287 | Nguyễn Thị Anh  | Thư    | 28/05/2004 | Nữ   | 3.64 | 158 | Xuất sắc |           |
| 3      | 22129141 | Nguyễn Tiểu     | Long   | 22/02/2004 | Nam  | 3.42 | 158 | Giỏi     |           |
| 4      | 22129326 | Hồ Thị Thùy     | Trang  | 06/08/2004 | Nữ   | 3.85 | 159 | Xuất sắc |           |
| 5      | 22129271 | Võ Thị Phương   | Thảo   | 03/06/2004 | Nữ   | 3.56 | 159 | Giỏi     |           |
| 6      | 22129052 | Trần Thị Mỹ     | Duyên  | 22/11/2004 | Nữ   | 2.71 | 159 | Khá      |           |
| 7      | 22129322 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trân   | 03/03/2004 | Nữ   | 2.83 | 159 | Khá      |           |
| 8      | 22129231 | Nguyễn Thị Thu  | Phương | 02/12/2004 | Nữ   | 3.04 | 159 | Khá      |           |
| 9      | 22129109 | Đào Thị Minh    | Kha    | 07/11/2004 | Nữ   | 3.35 | 160 | Giỏi     |           |
| 10     | 22129051 | Trần Mỹ         | Duyên  | 26/05/2004 | Nữ   | 3.42 | 158 | Giỏi     |           |
| 11     | 22129189 | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 14/03/2004 | Nữ   | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 12     | 22129349 | Lâm Minh        | Uyên   | 08/12/2004 | Nữ   | 3.39 | 158 | Giỏi     |           |
| 13     | 22129270 | Trần Thị Thanh  | Thảo   | 23/12/2004 | Nữ   | 3.58 | 158 | Giỏi     |           |
| 14     | 22129245 | Nguyễn Xuân     | Quỳnh  | 26/06/2004 | Nữ   | 3.04 | 159 | Khá      |           |
| 15     | 22129323 | Nguyễn Thị Bảo  | Trân   | 30/12/2004 | Nữ   | 3.44 | 160 | Giỏi     |           |
| 16     | 22129023 | Trần Ngọc Hồng  | Châu   | 28/09/2004 | Nữ   | 3.27 | 159 | Giỏi     |           |
| 17     | 22129049 | Lâm Thị Mỹ      | Duyên  | 09/10/2004 | Nữ   | 3.10 | 158 | Khá      |           |
| 18     | 22129069 | Trần Ngọc       | Hằng   | 20/02/2004 | Nữ   | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| 19     | 22129298 | Lê Thị Thu      | Thủy   | 22/11/2004 | Nữ   | 2.92 | 159 | Khá      |           |
| 20     | 22129337 | Mai Hữu         | Trọng  | 06/02/2004 | Nam  | 3.38 | 158 | Giỏi     |           |
| 21     | 22129156 | Trương Văn      | Nam    | 18/06/2004 | Nam  | 3.16 | 160 | Khá      |           |
| 22     | 22129021 | Lê Thị          | Búp    | 14/07/2004 | Nữ   | 3.79 | 159 | Xuất sắc |           |
| 23     | 22129279 | Lê Thị Minh     | Thư    | 03/01/2004 | Nữ   | 3.65 | 158 | Xuất sắc |           |
| 24     | 22129313 | Đỗ Huyền        | Trâm   | 01/06/2004 | Nữ   | 3.03 | 160 | Khá      |           |
| 25     | 22129309 | Đỗ Nguyễn Công  | Tiến   | 18/05/2004 | Nam  | 2.90 | 159 | Khá      |           |
| 26     | 22129072 | Nguyễn Thị      | Hạnh   | 01/12/2004 | Nữ   | 3.48 | 159 | Giỏi     |           |
| 27     | 22129258 | Lê Thị Hồng     | Thắm   | 25/06/2001 | Nữ   | 3.37 | 160 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 28  | 22129329 | Ngô Huyền        | Trang  | 13/07/2004 | Nữ   | 3.05 | 160 | Khá      |           |
| 29  | 22129260 | Võ Thị Ái        | Thân   | 13/05/2004 | Nữ   | 3.60 | 159 | Xuất sắc |           |
| 30  | 22129167 | Phan Thanh       | Ngân   | 09/02/2004 | Nữ   | 3.71 | 160 | Xuất sắc |           |
| 31  | 22129150 | Võ Thị Diễm      | My     | 08/12/2003 | Nữ   | 3.68 | 158 | Xuất sắc |           |
| 32  | 22129195 | Nguyễn Thị       | Nguyệt | 06/10/2004 | Nữ   | 3.25 | 158 | Giỏi     |           |
| 33  | 22129187 | Hồ Hạ            | Nguyên | 03/07/2004 | Nữ   | 2.98 | 158 | Khá      |           |
| 34  | 22129144 | Nguyễn Thị Ngọc  | Mai    | 29/05/2004 | Nữ   | 2.73 | 160 | Khá      |           |
| 35  | 22129252 | Nguyễn Hữu       | Tài    | 28/10/2004 | Nam  | 2.84 | 160 | Khá      |           |
| 36  | 22129163 | Ngô Thị Kim      | Ngân   | 23/11/2003 | Nữ   | 3.52 | 160 | Giỏi     |           |
| 37  | 22129100 | Thái Từ          | Huy    | 10/06/2004 | Nam  | 3.50 | 160 | Giỏi     |           |
| 38  | 22129182 | Nguyễn Thị Hồng  | Ngọc   | 17/07/2004 | Nữ   | 2.97 | 158 | Khá      |           |
| 39  | 22129286 | Nguyễn Thị Anh   | Thư    | 25/01/2004 | Nữ   | 3.35 | 158 | Giỏi     |           |
| 40  | 22129104 | Phan Thị Bích    | Huyền  | 12/08/2004 | Nữ   | 2.93 | 159 | Khá      |           |
| 41  | 22129047 | Trần Quốc        | Duy    | 20/12/2004 | Nam  | 3.40 | 158 | Giỏi     |           |
| 42  | 22129096 | Phạm Xuân        | Hường  | 29/04/2004 | Nữ   | 3.12 | 159 | Khá      |           |
| 43  | 22129268 | Nguyễn Thị Thanh | Thảo   | 19/10/2004 | Nữ   | 3.13 | 158 | Khá      |           |
| 44  | 22129222 | Võ Phạm Phi      | Nhung  | 29/11/2004 | Nữ   | 3.17 | 160 | Khá      |           |
| 45  | 22129199 | Nguyễn Ái        | Nhân   | 27/01/2004 | Nữ   | 3.06 | 159 | Khá      |           |
| 46  | 22129363 | Nguyễn Thị Xuân  | Vui    | 28/01/2004 | Nữ   | 3.54 | 158 | Giỏi     |           |
| 47  | 22129259 | Nguyễn Thị Ngọc  | Thắm   | 13/04/2004 | Nữ   | 3.24 | 160 | Giỏi     |           |
| 48  | 22129073 | Trần Ngọc        | Hạnh   | 17/12/2004 | Nữ   | 2.75 | 159 | Khá      |           |
| 49  | 22129362 | Đổng Thị Mỹ      | Vui    | 28/05/2004 | Nữ   | 3.45 | 160 | Giỏi     |           |
| 50  | 22129351 | Nguyễn Thị Như   | Uyên   | 15/09/2004 | Nữ   | 3.49 | 158 | Giỏi     |           |
| 51  | 22129263 | Đoàn Thị Minh    | Thành  | 05/07/2004 | Nữ   | 2.96 | 158 | Khá      |           |
| 52  | 22129318 | Nguyễn Thị Huỳnh | Trâm   | 10/08/2004 | Nữ   | 3.02 | 159 | Khá      |           |
| 53  | 22129343 | Ngô Văn          | Tuấn   | 06/08/2004 | Nam  | 3.36 | 159 | Giỏi     |           |
| 54  | 22129067 | Nguyễn Thị Thúy  | Hằng   | 29/03/2004 | Nữ   | 3.41 | 160 | Giỏi     |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT    | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|--------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| DH22HD |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1      | 22139037 | Võ Tuấn           | Kiệt  | 03/06/2004 | Nam  | 3.15 | 160 | Khá      |           |
| 2      | 22139097 | Nguyễn Hồ         | Tá    | 22/07/2003 | Nam  | 3.48 | 160 | Giỏi     |           |
| 3      | 22139072 | Trà Thị Phương    | Nhi   | 16/09/2004 | Nữ   | 3.07 | 160 | Khá      |           |
| 4      | 22139080 | Nguyễn Quỳnh      | Như   | 09/08/2004 | Nữ   | 3.36 | 159 | Giỏi     |           |
| 5      | 22139144 | Trần Quốc         | Vũ    | 24/10/2004 | Nam  | 3.06 | 160 | Khá      |           |
| 6      | 22139111 | Lê Ngọc Hiền      | Thơ   | 01/07/2004 | Nữ   | 2.84 | 161 | Khá      |           |
| 7      | 22139092 | Phan Thị Yến      | Quỳnh | 02/02/2004 | Nữ   | 3.50 | 160 | Giỏi     |           |
| 8      | 22139002 | Lê Quốc           | Anh   | 06/04/2004 | Nam  | 3.05 | 160 | Khá      |           |
| 9      | 22139140 | Nguyễn Trần Khánh | Vân   | 20/06/2004 | Nữ   | 3.17 | 160 | Khá      |           |
| 10     | 22139121 | Trần Thị Thuỷ     | Tiên  | 01/12/2004 | Nữ   | 3.27 | 159 | Giỏi     |           |
| 11     | 22139068 | Trần Lê Mỹ        | Nhân  | 01/09/2004 | Nữ   | 2.84 | 159 | Khá      |           |
| 12     | 22139091 | Hoàng Như         | Quỳnh | 28/09/2003 | Nữ   | 3.42 | 159 | Giỏi     |           |
| 13     | 22139006 | Nguyễn Gia        | Bảo   | 25/10/2004 | Nam  | 3.09 | 160 | Khá      |           |
| 14     | 22139010 | Nguyễn Triệu Ngọc | Diễm  | 15/11/2004 | Nữ   | 3.15 | 159 | Khá      |           |
| 15     | 22139107 | Nguyễn Đức        | Thắng | 25/08/2004 | Nam  | 2.68 | 161 | Khá      |           |
| 16     | 22139082 | Trần Phúc Tâm     | Như   | 01/07/2004 | Nữ   | 3.50 | 159 | Giỏi     |           |
| 17     | 22139139 | Lê Thanh          | Vân   | 24/09/2004 | Nữ   | 3.34 | 159 | Giỏi     |           |
| 18     | 22139017 | Nguyễn Thị Thanh  | Hân   | 24/06/2004 | Nữ   | 3.02 | 159 | Khá      |           |
| 19     | 22139076 | Trương Lê Quyên   | Nhi   | 15/02/2004 | Nữ   | 2.57 | 161 | Khá      |           |
| 20     | 22139029 | Đào Minh          | Kha   | 29/09/2004 | Nam  | 3.02 | 160 | Khá      |           |
| 21     | 22139127 | Võ Nguyên Hồng    | Trâm  | 02/03/2004 | Nữ   | 3.14 | 159 | Khá      |           |
| 22     | 22139124 | Nguyễn Minh       | Tốt   | 02/03/2004 | Nam  | 2.86 | 160 | Khá      |           |
| DH22HS |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1      | 22139078 | Huỳnh Thị Yến     | Như   | 12/02/2004 | Nữ   | 3.17 | 158 | Khá      |           |
| 2      | 22139034 | Lê Minh           | Khôi  | 31/12/2004 | Nam  | 3.27 | 159 | Giỏi     |           |
| 3      | 22139095 | Lương Thị Bạch    | Sâm   | 18/05/2004 | Nữ   | 2.85 | 158 | Khá      |           |
| 4      | 22139009 | Trần Tiến         | Đạt   | 12/07/2004 | Nam  | 2.75 | 160 | Khá      |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 5   | 22139115 | Nguyễn Hoàng Anh | Thư   | 20/11/2004 | Nữ   | 3.16 | 158 | Khá      |           |
| 6   | 22139070 | Nguyễn Lê Xuân   | Nhi   | 23/07/2004 | Nữ   | 2.79 | 159 | Khá      |           |
| 7   | 22139058 | Huỳnh Tuyết      | Ngân  | 27/01/2004 | Nữ   | 2.60 | 158 | Khá      |           |
| 8   | 22139089 | Nguyễn Thị Trúc  | Quyên | 05/01/2004 | Nữ   | 2.88 | 159 | Khá      |           |
| 9   | 22139081 | Phạm Thị Quỳnh   | Như   | 20/04/2004 | Nữ   | 2.71 | 158 | Khá      |           |

### DH22HT

|   |          |                   |      |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|-------------------|------|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 22139035 | Nguyễn Minh       | Khôi | 06/06/2004 | Nam | 3.03 | 158 | Khá |  |
| 2 | 22139103 | Nguyễn Thành      | Tân  | 13/09/2004 | Nam | 2.83 | 159 | Khá |  |
| 3 | 22139044 | Nguyễn Hoàng Thảo | Linh | 11/02/2004 | Nữ  | 2.69 | 158 | Khá |  |
| 4 | 22139073 | Trần Ngọc Tuyết   | Nhi  | 30/03/2004 | Nữ  | 2.94 | 159 | Khá |  |
| 5 | 22139063 | Trần Vĩnh         | Nghi | 02/08/2004 | Nam | 2.61 | 158 | Khá |  |

### DH22VT

|    |          |                   |        |            |     |      |     |      |  |
|----|----------|-------------------|--------|------------|-----|------|-----|------|--|
| 1  | 22129214 | Trình Ngọc        | Nhi    | 22/07/2004 | Nữ  | 3.23 | 159 | Giỏi |  |
| 2  | 22129302 | Nguyễn Bảo        | Thy    | 21/10/2004 | Nữ  | 2.69 | 158 | Khá  |  |
| 3  | 22129293 | Lâm Trần Hoài     | Thương | 10/06/2004 | Nữ  | 3.08 | 158 | Khá  |  |
| 4  | 22129147 | Đỗ Hà             | My     | 20/11/2004 | Nữ  | 2.98 | 158 | Khá  |  |
| 5  | 22129315 | Huỳnh Thị Ngọc    | Trâm   | 02/09/2004 | Nữ  | 2.84 | 158 | Khá  |  |
| 6  | 22129022 | Trần Kiều         | Châu   | 08/01/2004 | Nữ  | 2.86 | 159 | Khá  |  |
| 7  | 22129239 | Tất Thị Mỹ        | Quyên  | 14/05/2004 | Nữ  | 3.49 | 159 | Giỏi |  |
| 8  | 22129085 | Nguyễn Quỳnh      | Hoa    | 25/09/2004 | Nữ  | 3.15 | 159 | Khá  |  |
| 9  | 22129275 | Nguyễn Thị Kim    | Thoa   | 24/05/2004 | Nữ  | 3.25 | 159 | Giỏi |  |
| 10 | 22129009 | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Anh    | 31/05/2004 | Nữ  | 3.43 | 158 | Giỏi |  |
| 11 | 22129173 | Nguyễn Đông       | Nghi   | 29/11/2004 | Nữ  | 2.68 | 158 | Khá  |  |
| 12 | 22129346 | Đặng Thị Hồng     | Tươi   | 21/11/2004 | Nữ  | 3.36 | 158 | Giỏi |  |
| 13 | 22129092 | Võ Lê Tuấn        | Hung   | 11/07/2004 | Nam | 2.60 | 159 | Khá  |  |
| 14 | 22129177 | Nguyễn Thị Trung  | Nghĩa  | 23/10/2004 | Nữ  | 3.11 | 158 | Khá  |  |
| 15 | 22129194 | Lê Thị Hồng       | Nguyệt | 29/04/2004 | Nữ  | 3.10 | 159 | Khá  |  |
| 16 | 22129165 | Nguyễn Thu        | Ngân   | 11/01/2004 | Nữ  | 2.76 | 159 | Khá  |  |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|-----|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 17  | 22129083 | Trương Thị Thu   | Hiền   | 23/02/2004 | Nữ   | 3.65 | 158 | Xuất sắc |           |
| 18  | 22129347 | Lê Thị Kim       | Tuyển  | 12/12/2004 | Nữ   | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 19  | 22129151 | Lâm Thoại        | Mỹ     | 31/07/2004 | Nữ   | 3.48 | 159 | Giỏi     |           |
| 20  | 22129169 | Trần Thị Kim     | Ngân   | 20/10/2004 | Nữ   | 3.28 | 158 | Giỏi     |           |
| 21  | 22129228 | Nguyễn Hữu       | Phước  | 15/11/2004 | Nam  | 2.82 | 159 | Khá      |           |
| 22  | 22129140 | Nguyễn Hữu       | Lộc    | 04/03/2004 | Nam  | 2.66 | 159 | Khá      |           |
| 23  | 22129157 | Lê Bảo           | Năng   | 05/01/2004 | Nam  | 3.43 | 158 | Giỏi     |           |
| 24  | 22129359 | Nguyễn Trần Đông | Viên   | 19/01/2004 | Nữ   | 3.38 | 158 | Giỏi     |           |
| 25  | 22129099 | Nguyễn Võ Nam    | Huy    | 14/01/2004 | Nam  | 2.72 | 159 | Khá      |           |
| 26  | 22129255 | Đỗ Duy           | Tân    | 03/09/2004 | Nam  | 3.10 | 159 | Khá      |           |
| 27  | 22129236 | Bùi Thị Mỹ       | Quy    | 20/05/2004 | Nữ   | 3.06 | 159 | Khá      |           |
| 28  | 22129048 | Huỳnh Thị Thùy   | Duyên  | 07/08/2004 | Nữ   | 3.14 | 159 | Khá      |           |
| 29  | 22129090 | Lê Thị Mai       | Hồng   | 30/08/2004 | Nữ   | 2.66 | 158 | Khá      |           |
| 30  | 22129353 | Đặng Thị Hồng    | Vân    | 29/01/2004 | Nữ   | 3.08 | 158 | Khá      |           |
| 31  | 22129348 | Trần Thanh       | Tuyển  | 12/06/2004 | Nữ   | 3.06 | 158 | Khá      |           |
| 32  | 22129232 | Trương Nhật      | Phương | 06/02/2004 | Nữ   | 2.77 | 159 | Khá      |           |

### Thủy sản

#### DH19CT

|   |          |              |      |            |    |      |     |     |  |
|---|----------|--------------|------|------------|----|------|-----|-----|--|
| 1 | 19117078 | Đặng Thị Như | Thảo | 18/04/2001 | Nữ | 2.74 | 136 | Khá |  |
| 2 | 19117103 | Trần Thị Mỹ  | Vy   | 07/04/2001 | Nữ | 3.14 | 136 | Khá |  |
| 3 | 19117051 | Phan Hà Ái   | Nhân | 20/07/2001 | Nữ | 2.55 | 136 | Khá |  |

#### DH20CT

|   |          |            |        |            |    |      |     |            |  |
|---|----------|------------|--------|------------|----|------|-----|------------|--|
| 1 | 20117103 | Lê Thị Ánh | Nguyệt | 02/07/2002 | Nữ | 2.31 | 160 | Trung bình |  |
|---|----------|------------|--------|------------|----|------|-----|------------|--|

#### DH20KS

|   |          |            |      |            |     |      |     |            |  |
|---|----------|------------|------|------------|-----|------|-----|------------|--|
| 1 | 20116291 | Nguyễn Văn | Vinh | 10/03/2002 | Nam | 2.10 | 158 | Trung bình |  |
|---|----------|------------|------|------------|-----|------|-----|------------|--|

#### DH20NT

|   |          |              |     |            |     |      |     |     |  |
|---|----------|--------------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|
| 1 | 20116200 | Nguyễn Thanh | Hòa | 18/10/2002 | Nam | 2.79 | 159 | Khá |  |
|---|----------|--------------|-----|------------|-----|------|-----|-----|--|

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT      | Mã SV    | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại   | Số vào sổ |
|----------|----------|------------------|--------|------------|------|------|-----|------------|-----------|
| DH20NTNT |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 20116302 | Trần Văn         | Sang   | 17/08/2002 | Nam  | 2.37 | 159 | Trung bình |           |
| 2        | 20116164 | Nguyễn Chi       | Linh   | 19/03/2001 | Nữ   | 2.74 | 159 | Khá        |           |
| DH21CT   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21117101 | Nguyễn Minh      | Thảo   | 27/11/2003 | Nữ   | 2.47 | 158 | Trung bình |           |
| 2        | 21117115 | Nguyễn Thị Thành | Tính   | 14/09/2003 | Nữ   | 2.63 | 159 | Khá        |           |
| 3        | 21117124 | Đặng Minh        | Trung  | 27/07/2003 | Nam  | 2.04 | 159 | Trung bình |           |
| 4        | 21117039 | Nguyễn Hoà Mai   | Quỳnh  | 14/02/2003 | Nữ   | 2.82 | 159 | Khá        |           |
| DH21KS   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21116228 | Bùi Hồng         | Tín    | 01/06/2003 | Nam  | 2.73 | 159 | Khá        |           |
| DH21NT   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21116006 | Bạch An          | Bình   | 06/02/2003 | Nam  | 2.54 | 158 | Khá        |           |
| 2        | 21116191 | Nguyễn Lê        | Phát   | 24/10/2003 | Nam  | 2.04 | 158 | Trung bình |           |
| 3        | 21116064 | Nguyễn Duy       | Phương | 16/01/2003 | Nam  | 2.45 | 158 | Trung bình |           |
| 4        | 21116095 | Lê Thị Thuý      | Vi     | 30/04/2003 | Nữ   | 2.22 | 159 | Trung bình |           |
| 5        | 21116017 | Hà Mai Quang     | Dũng   | 13/08/2003 | Nam  | 2.78 | 158 | Khá        |           |
| 6        | 21116020 | Nguyễn Thị Mỹ    | Duyên  | 16/04/2003 | Nữ   | 2.44 | 159 | Trung bình |           |
| 7        | 21116056 | Trần Duy         | Phát   | 01/04/2003 | Nam  | 2.68 | 158 | Khá        |           |
| 8        | 21116209 | Nguyễn Minh      | Tâm    | 27/03/2003 | Nam  | 2.47 | 158 | Trung bình |           |
| 9        | 21116126 | Võ Phạm          | Công   | 13/04/2003 | Nam  | 2.55 | 158 | Khá        |           |
| DH21NY   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 21116151 | Đào Nguyễn Quốc  | Huy    | 17/03/2003 | Nam  | 2.28 | 159 | Trung bình |           |
| 2        | 21116034 | Phạm Thị Thuý    | Kiều   | 06/07/2003 | Nữ   | 3.04 | 158 | Khá        |           |
| DH22CT   |          |                  |        |            |      |      |     |            |           |
| 1        | 22117024 | Hoàng Thị Hồng   | Nhung  | 11/02/2004 | Nữ   | 2.94 | 159 | Khá        |           |
| 2        | 22117017 | Nguyễn Thị Trúc  | Ly     | 09/10/2004 | Nữ   | 2.98 | 159 | Khá        |           |
| 3        | 22117037 | Phạm Huyền       | Trâm   | 25/07/2004 | Nữ   | 2.81 | 159 | Khá        |           |

## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

| STT           | Mã SV    | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Phái | ĐTB  | TC  | Xếp loại | Số vào sổ |
|---------------|----------|-------------------|-------|------------|------|------|-----|----------|-----------|
| 4             | 22117018 | Phạm Yến          | Ly    | 12/06/2004 | Nữ   | 3.01 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22117010 | Huỳnh Mỹ          | Duyên | 01/11/2004 | Nữ   | 2.90 | 159 | Khá      |           |
| <b>DH22KS</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22116071 | Võ Đại            | Phát  | 26/10/2004 | Nam  | 2.90 | 158 | Khá      |           |
| 2             | 22116056 | Lê Quế            | My    | 10/09/2004 | Nữ   | 3.38 | 158 | Giỏi     |           |
| <b>DH22NT</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22116058 | Lê Hoàng          | Nam   | 01/01/2004 | Nam  | 3.54 | 158 | Giỏi     |           |
| 2             | 22116078 | Nguyễn Văn        | Sông  | 22/01/2004 | Nam  | 3.18 | 158 | Khá      |           |
| 3             | 22116054 | Nguyễn Đức        | Minh  | 05/01/2003 | Nam  | 2.68 | 158 | Khá      |           |
| 4             | 22116038 | Nguyễn Trần Thiện | Khiêm | 16/08/2004 | Nam  | 3.02 | 158 | Khá      |           |
| 5             | 22116019 | Nguyễn Văn        | Hào   | 13/01/2004 | Nam  | 3.17 | 158 | Khá      |           |
| <b>DH22NY</b> |          |                   |       |            |      |      |     |          |           |
| 1             | 22116050 | Lê Nguyễn Phương  | Lan   | 14/09/2004 | Nữ   | 2.93 | 158 | Khá      |           |
| 2             | 22116059 | Tổng Nhựt         | Nam   | 08/11/2004 | Nam  | 3.46 | 159 | Giỏi     |           |
| 3             | 22116109 | Đặng Quốc         | Vinh  | 31/01/2004 | Nam  | 3.28 | 158 | Giỏi     |           |
| 4             | 22116084 | Bùi Phú           | Thật  | 09/06/2004 | Nam  | 2.97 | 159 | Khá      |           |
| 5             | 22116114 | Nguyễn Thị Thảo   | Vy    | 06/04/2004 | Nữ   | 3.04 | 158 | Khá      |           |
| 6             | 22116053 | Lâm Tuấn          | Minh  | 09/03/2004 | Nam  | 2.65 | 159 | Khá      |           |
| 7             | 22116004 | Huỳnh Thị Kim     | Ánh   | 06/08/2004 | Nữ   | 3.13 | 158 | Khá      |           |

**HIỆU TRƯỞNG**